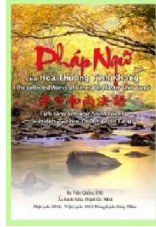


PHÁP NGŨ CỦA HÒA THƯỢNG TỊNH KHÔNG
(The Collected Works of Venerable Master Chin Kung)

Nguyên tác: Venerable Master Chin Kung

Việt dịch: Tỳ Kheo Thích Nguyên Tạng

Tu viện Quảng Đức ấn hành mùa Phật Đản 2004



---o0o---

Nguồn

<http://thuvienhoasen.org>

Chuyển sang ebook 26-7-2009

Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)

---o0o---

Mục Lục

Lời giới thiệu

Lời của dịch giả

Quyển 1 - Phật giáo như một nền giáo dục

Chương một: Nguyên nhân của sự hỗn loạn trong thế giới ngày nay

Chương hai: Phật giáo như là một nền giáo dục

Chương ba: Kinh nghiệm bản thân của tác giả về Phật giáo

Chương bốn: Phương pháp học và biểu tượng học Phật giáo

Chương năm: Phối hợp Khổng giáo và Phật giáo

Chương sáu: Phật Giáo dành cho mọi người

Chương bảy: Chìa khóa mở cửa kho tàng lớn nhất

Quyển 2 - Nhận Thức Phật Giáo

Chương một: Một nền giáo dục đạo đức và hoàn hảo

Chương hai: Mục đích của Phật Giáo

Chương ba: Biểu tượng học và mỹ học

Chương bốn: Năm sự hướng dẫn thực hành

Chương năm: Tịnh Độ Tông

Quyển 3 - Quy Y Tam Bảo

Quyển 4 - Nghệ thuật sống

Chương một: Nền giáo dục của Đức Bổn Sư Phật Thích Ca

Chương hai : Bốn loại Phật Giáo ngày nay

Chương ba: Nghệ thuật sống

Chương bốn: Quy Y Tam Bảo
Chương năm: Người nội trợ tu tập Bồ Tát Đạo trong đời sống hằng ngày
Chương sáu: Những tâm niệm của người đệ tử kPhật trong đời sống hằng ngày
Quyển 5 - Sự bất biến của Luật Nhân Quả
Quyển 6 - Giải pháp: Sự hiền hòa và tâm an lạc

---o0o---

Lời giới thiệu

Mục đích giáo lý của Đạo Phật chỉ nhằm trung bày hai vấn đề: khổ và phương pháp diệt khổ. Con đường đưa tới sự diệt khổ để đạt được giác ngộ và giải thoát, hành giả phải đi qua cửa ngõ “Tam vô lậu học”, đó là văn huệ, tư huệ và tu huệ, nếu hành giả nào áp dụng triệt để sẽ có kết quả mỹ mãn trong lộ trình trở về cội nguồn tâm linh của mình. Văn huệ là nghe giảng, đọc sách, thảo luận với thiện hữu tri thức để hiểu cho thấu đáo và rộng rãi lời Phật dạy. Tư huệ là suy nghĩ cân nhắc đắn đo về những giáo lý mình đã nghe, đi sâu vào giáo lý bằng tâm ý của mình chứ không chỉ bằng lỗ tai và cái miệng. Có tư duy thiền định mới thấm được những lợi ích sâu xa của giáo pháp ngoài các lợi ích nhỏ nhoi như cứu bệnh, mua may bán đắt, đạt được địa vị cao. Tu huệ nghĩa là áp dụng giáo lý đã học vào đời sống hàng ngày sau khi chọn lựa những gì thích hợp cho trình độ mình. Thật vậy, do thấy sai, nhận thức sai, đưa đến việc trồng nhân sai, nên cuối cùng con người phải gặt hái những kết quả khổ đau và phiền lụy. Có hoic, có suy nghĩ và có tu, sẽ giúp cho hành giả thay đổi, tháo gỡ những nhận thức sai lầm của mình trước đây để thay thế cho những chánh kiến, an lạc, hạnh phúc và giải thoát.

“Pháp Ngữ của Hòa Thượng Tịnh Không” là một tập sách dung chứa nhiều bài giáo lý sâu sắc như “Sự chân xác của luật nhân quả, nghệ thuật sống, PG là một nền giáo dục”... sẽ giúp cho hành giả có thêm kiến thức, niềm tin và lạc quan trên lộ trình giải thoát của mình.

Hòa Thượng Tịnh Không, chủ giảng những bài pháp thoại của tập sách này, hiện nay là một danh tăng của Phật giáo thế giới, người có công làm phát triển Phật giáo phương Tây, những bài giảng của Ngài rất thực tế và gần gũi với người đệ tử Phật.

Đại Đức Thích Nguyên Tạng, dịch giả của tập sách này, là thành viên của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Úc Đại Lợi – Tân Tây Lan, dù bận rộn nhiều Phật sự của bốn tự và của giáo hội, nhưng Đại

Đức vẫn dành thời gian nhất định để nghiên cứu và dịch thuật kinh sách để phổ biến và chia sẻ với mọi người về giáo lý Phật Đà.

Tôi xin có lời tán dương công đức hộ trì Chánh Pháp của Hòa Thượng Tịnh Không cũng như ĐĐ Thích Nguyên Tạng và trân trọng giới thiệu cùng tất cả quý độc giả xa gần về tác phẩm này.

Adelaide, Mùa An Cư năm Giáp Thân, Phật lịch 2548 – 2004.

Hòa Thượng Thích Như Huệ

Hội Chủ

Giáo Hội PGVNTNHN tại Úc Đại Lợi- Tân Tây Lan

---o0o---

Lời của dịch giả

“Cúng dường Pháp là tối thượng nhất”. Đây là cách ngôn của Chư Tổ nhằm nhắc nhở hàng đệ tử thực thi công hạnh này trên lộ trình trở về cội nguồn tâm linh của mình. Cúng dường Pháp, đơn giản là chia sẻ, chỉ dẫn cho người khác nhận ra chân lý giác ngộ của Phật Đà, hầu tránh được những lỗi lầm đau khổ. Một khi học được Phật pháp, cuộc đời sẽ thay đổi, sẽ ý thức, tự mình bước lên trên con đường quang minh sáng ngời ánh đạo, giác ngộ và giải thoát. Hòa Thượng Tịnh Không cho rằng, việc cúng dường pháp xem ra đơn giản, nhưng không đơn giản chút nào; cho nên Ngài đã cố công thực hiện, “cúng dường Pháp” bằng cách thành lập Nhà Xuất Bản Phật Đà ở Đài Loan (Taiwan) và ấn tống miễn phí toàn bộ Kinh điển của Phật giáo. Không những là kinh sách tiếng Hoa, mà HT đã cho phiên dịch ra nhiều ngôn ngữ khác như: Anh, Pháp, Việt.... để giúp nhiều người dễ dàng tìm thấy được Chánh Pháp.

Theo HT Tịnh Không, một quyển kinh phải được in thật đẹp và trang nhã, nhằm tạo nên sự thu hút cho người học Phật trong thời hiện đại hiện nay. Thật vậy, Hòa Thượng Tịnh Không là người đã thực hành pháp cúng dường này một cách chí tâm, tha thiết và nếu không muốn nói là Ngài đã thành tựu viên mãn về việc làm này trong hai thập niên qua.

Giữa năm 2003, Tu Viện Quảng Đức đã nhận được 300 thùng sách kinh từ Nhà Xuất Bản Phật Đà của HT Tịnh Không gửi tặng; trong đó tôi thích nhất

là Bộ Càn Long Đại Tạng Kinh, nội dung gồm toàn bộ Tam Tạng giáo điển của Phật giáo, do HT Tịnh Không phát tâm tái bản để gửi tặng cho các Phật học viện và các cơ sở Phật giáo trên thế giới, không phân biệt sắc thái, chủng tộc... Đặc biệt trong 300 thùng sách, tôi đã chọn ra tập sách “Tịnh Không Pháp Ngữ” và xin chuyển ngữ cuốn sách này để Phật tử Việt Nam hiểu biết chút ít tư tưởng của Ngài.

Phiên dịch và ấn hành tập sách này, tôi muốn dâng tặng HT Tịnh Không như một món quà tinh thần trong dịp Hòa Thượng viếng thăm và thuyết giảng tại Tu Viện Quảng Đức vào trung tuần tháng 10 năm 2004 này. TT Trụ Trì Thích Tâm Phương và bản thân tôi cũng như đông đảo Phật tử địa phương tại nơi đây ước mong Ngài sẽ về Melbourne một lần để chia sẻ và khai thị về pháp tu niệm Phật. Mong lắm thay.

Nhân duyên hoàn tất tập sách này, dịch giả không thể quên ơn nhiều người. Nhân đây xin chân thành cảm tạ HT Hội Chủ Thích Như Huệ đã viết lời giới thiệu; sự khuyến khích và động viên của TT Tâm Phương trong công tác nghiên cứu và dịch thuật. Dịch giả cũng không quên ghi ơn Đại Đức Phổ Huân (Úc), Sư Cô Nhật Nhan (USA), Sư Cô Như Nguyệt (Đài Loan), cùng các đạo hữu Chris Dunk, Gia Khánh, Thiện Khánh, Nhị Tường, Cao Thân, Hải Hạnh, Tâm Kiến Chánh, Tấn Nhưt, Thanh Phi, Thanh Tâm, Nguyễn Nhật Minh Kim Ánh, Quảng Như, Tâm Lạc... đã giúp nhiều việc khác nhau để hoàn thành dịch phẩm này. Chúng tôi cũng có lời tán thán công đức của Đạo hữu Tuệ Duyên Phiến Đan đã đọc tập sách này để ghi âm vào băng cassette và CD-Rom, giúp cho các vị lớn tuổi hoặc những vị không có thời giờ đọc sách, có thể nghe được tài liệu này một cách dễ dàng. Sau cùng xin chân thành cảm tạ quý Phật tử xa gần, đặc biệt là nhiều độc giả trang nhà Quảng Đức đã đóng góp tịnh tài ấn hành miễn phí tập sách này.

Vì bận rộn quá nhiều Phật sự, nên việc dịch thuật, biên tập và in ấn, chắc chắn không sao tránh khỏi những sai sót, ngưỡng mong chư tôn đức cùng quý độc giả xa gần niệm tình miễn thứ và hoan hỷ bỏ chính cho những thiếu sót.

Nếu có chút công đức nào từ việc dịch thuật và ấn hành tập sách, nguyện xin hồi hướng cho thế giới sớm hòa bình, nhân sinh được an lạc.

Nam Mô A Di Đà Phật

*Viết tại Tu Viện Quảng Đức
Mùa An Cư Kiết Hạ năm Giáp Thân (2004)*

Tỳ Kheo Thích Nguyên Tạng
Cẩn chí

*Chân thành cảm ơn Thầy Nguyên Tạng
đã gửi tặng Thư Viện Hoa Sen quyển sách này và
xin giới thiệu cùng quý độc giả (Tâm Diệu)*

---o0o---

Quyển 1 - Phật giáo như một nền giáo dục

Chương một: Nguyên nhân của sự hỗn loạn trong thế giới ngày nay

Ngày nay, xã hội Đài Loan và những nơi khác trên thế giới đã trở nên không bình thường, một hiện tượng chưa hề có trước đây, dù ở Tây phương hay Đông phương. Một vài người Tây phương tiên đoán rằng tận thế diễn ra vào năm 1999, và Chúa Giê-Su sẽ trở lại thế gian trong ngày phán xét. Người Đông phương cũng tiên tri về những tai họa sắp xảy ra tương tự như những lời tiên tri của Tây phương, chỉ khác nhau về thời gian, tức là khoảng hai mươi năm sau nữa. Một số lời tiên tri như thế đã có từ thời xưa, và chúng ta không nên quá coi trọng những lời này. Tuy nhiên nếu xét một cách khách quan, chúng ta sẽ thấy thế giới này đang ở trong tình trạng nguy hiểm thực sự.

Ô nhiễm môi trường đã trở thành một vấn đề nghiêm trọng, ngày nay loài người đã bắt đầu hiểu sự cần thiết phải bảo vệ môi trường của mình. Tuy nhiên, vấn đề ô nhiễm tâm linh còn nghiêm trọng hơn vấn đề ô nhiễm môi trường bên ngoài. Đây là nguồn gốc của những tệ nạn đang diễn ra trên thế giới mà ít có ai nhận ra được. Người Trung Hoa có câu nói: “Giáo dục là điều cần thiết để thành lập một quốc gia, để huấn luyện người lãnh đạo cũng như người dân”. Trong nhiều thế kỷ người Trung Hoa đã luôn luôn tin vào sự quan trọng hàng đầu của giáo dục, vốn được coi là nền móng của một xã hội hòa bình và thịnh vượng. Giáo dục sẽ cung cấp cho chúng ta cách giải quyết vô số những tệ nạn của xã hội, và sẽ hướng dẫn cách chuyển khổ đau thành phúc lạc cho mỗi người. Giáo dục có sức tác động mạnh mẽ vào quốc gia và dân tộc. Thêm nữa trường sơ học là nền tảng của một hệ thống giáo dục.

---o0o---

Chương hai: Phật giáo như là một nền giáo dục

Phật giáo chính thức truyền vào Trung Hoa vào 67 Tây lịch. Hoàng đế Trung Hoa đã cử một đoàn sứ giả đặc biệt đi Ấn Độ cung thỉnh các Tăng sĩ Phật giáo đến Trung Hoa để truyền bá lời Phật dạy mà vào thời đó được coi là một hệ thống giáo dục chứ không phải là một tôn giáo. Có điều đáng tiếc là khoảng hai trăm năm trước đây việc tu hành đã trở thành như một tôn giáo. Vì vậy, mục đích của bài này là để điều chỉnh lại sự hiểu lầm này bằng cách đưa chúng ta trở về với hình thức Phật giáo nguyên thủy như Phật Thích Ca đã truyền dạy.

---o0o---

Mục đích của lời dạy của Đức Phật

Phật giáo là một hệ thống giáo dục của Phật Thích Ca, tương tự như nền giáo dục của Khổng Tử, vì cả hai hệ thống này trình bày những quan điểm và những phương pháp giống nhau. Mục tiêu của nền giáo dục Phật giáo là đạt tới trí tuệ. Trong Sanskrit, cổ ngữ của Ấn Độ, trí tuệ Phật giáo được gọi là “Anuttara-Sanyak-sambhodi”, tức “Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác” hay “trí tuệ của hoàn hảo tối thượng”. Đức Phật dạy rằng mục đích chính yếu của việc tu tập là đạt trí tuệ vô thượng này. Ngài còn dạy rằng ai cũng có tiềm năng chứng ngộ trạng thái trí tuệ tối thượng, vì nó là một thành phần cốt yếu trong chân tính của con người, chứ không phải là một cái gì ở bên ngoài để người ta thủ đắc. Nhưng vì đại đa số chúng sinh quá vô minh nên đã không biết tới tiềm năng này. Vì vậy nếu biết giải trừ vô minh làm chập thì chúng ta sẽ chứng ngộ được phần cốt yếu trong chân tính của mình. Vậy, Phật giáo là một hệ thống giáo dục nhắm tới việc chứng ngộ chân tính. Phật giáo cũng dạy về sự bình đẳng tuyệt đối, vì Đức Phật nói rằng tất cả chúng sinh đều có Phật tánh tức là chân tính và trí tuệ vô thượng. Vì thế không có sự khác biệt thực sự nào giữa chúng sinh. Hiện tại chúng ta thấy mọi người có sự sai biệt khác nhau, đó là vì chúng ta không nhận ra chân tính của mình và đã trở nên vô minh, mức độ thông minh của mỗi người tùy thuộc vào mức độ vô minh chứ không liên quan gì tới chân tính của người đó. Giáo lý của Đức Phật giúp chúng ta nhận ra trí tuệ nội tại, hoàn hảo, và vô thượng của mình. Với trí tuệ, chúng ta có thể giải quyết mọi vấn đề và chuyển khổ đau thành phúc lạc. Do thiếu trí tuệ mà chúng ta đã có nhận thức, ý kiến và

hành vi sai lầm, và do đó phải chuốc lấy những nghiệp quả xấu. Nếu có trí tuệ thì ý nghĩ, quan điểm và hành vi của chúng ta đúng đắn, và như vậy ta sẽ không phải chịu sự hành hạ của đau khổ, và tất nhiên ta sẽ hưởng những niềm vui. Từ đây chúng ta có thể thấy rằng vô minh là nguyên nhân của đau khổ, và chứng ngộ trí huệ là gốc rễ của phúc lạc.

---o0o---

Cốt tủy của Đạo Phật

Giáo lý của Đức Phật có ba điểm chính yếu, đó là trì giới, thiền định và trí tuệ. Trí tuệ là mục tiêu, còn thiền định là tiến trình cần yếu để đạt trí tuệ. Trì giới là phương tiện giúp hành giả đạt trạng thái tâm ổn định và khi đó hành giả tự nhiên sẽ chứng ngộ trí tuệ. Toàn bộ hệ thống giáo lý Đạo Phật được bảo tồn trong kinh điển không bao giờ xa rời ba điểm này. Phật giáo được bao gồm trong ba Tạng Kinh Điển, tức là ba Tạng Kinh, Luật và Luận, nói về thiền định, trì giới, và trí tuệ, theo thứ tự như vậy.

---o0o---

Tổ chức giáo dục Phật giáo ở Trung Hoa

Nền giáo dục Phật giáo có nền móng là sự hiếu thảo, giống như nền văn hóa Trung Hoa vậy. Trước khi Phật giáo du nhập vào Trung Quốc, sự hiếu đễ đã là cột trụ của xã hội và đã được ủng hộ bởi các nhà thông thái của Trung Hoa thời xưa. Khi các Tăng sĩ từ Ấn Độ tới Trung Hoa và bắt đầu thuyết pháp cho các quan chức thì mọi người nhận thấy ngay rằng Phật giáo có vô số điểm tương đồng với truyền thống Khổng giáo bản địa. Kết quả là triều đình Trung Hoa đã tiếp nhận Phật giáo và thỉnh cầu các Tăng sĩ ở lại quốc gia này lâu dài.

Hai Tăng sĩ Ấn Độ đầu tiên đến Trung Quốc là Ma Đằng và Trúc Pháp Lan. Hai vị này được Hồng Lô Tự (Hong Lu Si) đón tiếp một cách nồng hậu. Hồng Lô Tự tương đương như Bộ Ngoại Giao hay Bộ Nội Vụ ngày nay. “Tự” có nghĩa là một bộ của chính phủ. Vị đứng đầu Hồng Lô Tự tương đương như Bộ Trưởng Ngoại Giao hay Bộ Trưởng Bộ Nội Vụ. Tuy nhiên, Hồng Lô Tự chỉ có thể đón tiếp các khách ngoại giao một thời gian ngắn, vì vậy để các vị khách có thể ở lại thường trực, Hoàng đế Trung Hoa đã thành lập thêm một bộ nữa là, đó là “Bạch Mã Tự”, phụ trách về Phật học. Như

vậy lúc đầu, “Tự” không có nghĩa là một ngôi chùa, mà là một bộ của chính quyền. Chỉ về sau này ở Trung Hoa, “Tự” mới có nghĩa là “chùa”. Vậy có hai bộ phụ trách về giáo dục, đó là “Bộ Lễ” và “Bạch Mã Tự”. Bộ Lễ trực thuộc tể tướng, và phụ trách Khổng học, hệ thống giáo dục truyền thống của Trung Hoa. Bộ Lễ tồn tại cho tới đầu thế kỷ hai mươi. Do hoàng đế Trung Hoa giúp đỡ rất nhiều cho Bạch Mã Tự nên Phật học mau chóng lan truyền khắp Trung Hoa. Có những nơi Phật học có ảnh hưởng đến dân chúng nhiều hơn là nền giáo dục truyền thống của Bộ Lễ. Kết quả cho thấy, không phải ở làng nào, xóm nào cũng có trường Khổng giáo, nhưng ngược lại ở đâu cũng có “Tự”, tức là ngôi chùa Phật giáo. Trong thời gian đầu tiên, chùa Phật là nơi giáo dục hay là học viện và không cử hành bất kỳ lễ nghi tôn giáo nào, không giống như ngôi chùa ngày nay.

Một nhiệm vụ khác của ngôi “Tự” nguyên thủy là dịch thuật kinh sách. Nỗ lực dịch thuật này rất lớn mà người ngày nay khó có thể tưởng tượng được. Trong thế kỷ thứ bảy, Pháp sư Huyền Trang đã trông coi sáu trăm học giả trong việc dịch kinh sách. Trước đó một nhà phiên dịch kinh tạng khác là Ngài Cưu Ma La Thập (Kumaraja) đã có một nhóm dịch thuật gồm bốn trăm học giả. Như vậy, “Tự” là một tổ chức lớn của chính quyền. Nhưng không may là khoảng hai trăm năm trước “Tự” đã hoàn toàn biến thành nơi mê tín. Tính chất giáo dục và học thuật của “Tự” đã hoàn toàn không còn nữa, thật là một điều đáng buồn.

---o0o---

Bốn loại Phật Giáo Ngày nay

Ngày nay có bốn loại Phật giáo đang được thực hành. Thứ nhất là tôn giáo Phật giáo mà người ta có thể thấy trong các chùa ở Đài Loan. Loại hình này không phải là Phật giáo chính thống. Thứ hai là Phật giáo kinh viện, được dạy ở các trường đại học ngày nay, nơi Phật giáo chỉ được xem như một triết lý, một môn học, đặc biệt là ở Nhật bản. Đây không phải là nền giáo dục thật sự của Đức Phật. Thứ ba, và không may mắn nhất là sự thoái hóa hoàn toàn của Phật giáo thành một loại hình mê tín. Loại Phật giáo thứ ba này làm tổn hại nhiều cho quần chúng hơn là hai loại trên. Sau cùng là loại Phật giáo chân truyền, cốt tủy của những lời dạy của Đức Phật, rất hiếm có trong thời đại của chúng ta.

---o0o---

Chương ba: Kinh nghiệm bản thân của tác giả về Phật giáo

Khi còn là một sinh viên trẻ tuổi ở Nam Kinh, tôi không tin vào một tôn giáo nào cả. Tôi đã đến nhà thờ cùng với một số bạn học để tìm hiểu về Gia Tô giáo. Nhưng dù cố gắng đến đâu tôi cũng không thấy có cách gì để chấp nhận tôn giáo này. Lúc đó tôn giáo mà tôi ưa thích là Hồi giáo, vì Hồi giáo chú trọng đến những nguyên tắc luân lý và đạo đức, và tôi nghĩ rằng đây là điều hiếm có trong các đạo giáo. Khi tôi biết Phật giáo vào thời đó thì các tăng sĩ đã không thuyết phục được tôi, vì vậy tôi cũng không chấp nhận PG, và đây là tôn giáo mà tôi đối kháng nhiều nhất. Lúc đó tôi còn quá trẻ, và lại không gặp được một bậc thiện hữu tri thức nào.

Sau khi tới Đài Loan tôi được nghe nhiều về giáo sư Đông Mỹ Phương (Dong Mei Fang), lúc đó là một triết gia nổi tiếng và là một giáo sư thuộc viện Đại học Quốc gia Đài Loan. Với lòng ngưỡng mộ, tôi viết cho ông một bức thư để hỏi về việc theo học một lớp của ông ở trường đại học. Lúc đó giáo sư Phương khoảng chừng bốn mươi tuổi. Ông mời tôi đến nhà và nói với tôi rằng “ngày nay ở trường học, thầy không phải là thầy, mà trò cũng không phải là trò, nếu cậu tới trường để mong học được cái gì đó thì cậu sẽ thất vọng”. Nghe ông nói vậy tôi hơi bối rối như thể ông đã dội nước lạnh vào những dự tính của tôi. Sau cùng ông lại nói: “tại sao cậu không đến nhà tôi vào mỗi chủ nhật, rồi tôi sẽ hướng dẫn riêng cho cậu trong khoảng hai tiếng đồng hồ”. Tôi đã không tin là ông lại quá tốt với mình như vậy. Thế là tôi học được từng triết lý một ở cái bàn nhỏ trong phòng khách hẹp của giáo sư Phương, và điều này rất quý báu đối với tôi. Ông dạy về triết học Tây Phương, Trung Hoa, Ấn Độ và sau cùng là Phật giáo. Ông dạy tôi rằng Phật giáo là đỉnh cao của triết học thế giới và Phật giáo đã dâng tặng hạnh phúc tối thượng cho loài người. Những gì ông nói với tôi rất hấp dẫn và chẳng bao lâu sau tôi nhận ra rằng Phật giáo chứa đựng một cái gì đó rất tuyệt vời. Tôi bắt đầu đi thăm các chùa ở Đài Bắc. Tuy nhiên với một người đa nghi như tôi thì các tăng sĩ ở những chùa này không có khả năng trình bày Phật giáo một cách rõ ràng. May mắn thay ngày nay tăng sĩ có thể truyền dạy giáo lý tốt hơn xưa rất nhiều. Sau đó tôi đến thăm San Dao Si (Sơn Đảo Tự), một ngôi chùa lớn ở Đài Bắc có rất nhiều kinh sách. Trong thời đó rất hiếm sách Phật giáo được xuất bản và lưu hành. Các Tăng sĩ ở Shan-Dao-Si đã rất tốt với tôi, cho phép tôi mượn nhiều kinh sách quý và hiếm. Điều này rất lợi ích đối với tôi.

Ít lâu sau khi bắt đầu nghiên cứu Phật giáo một cách nghiêm chỉnh, tôi đã được may mắn gặp Đại Sư Chương Gia (Zhang Jia). Ngài là một hành giả

Mật Tông thành tựu, người đã dạy và hướng dẫn tôi trong việc học cũng như thực hành. Giống như giáo sư Phương, đại sư dạy tôi hai giờ mỗi tuần trong ba năm, cho tới khi ngài qua đời. Sau đó tôi đi Đài Trung để học và thực hành với pháp sư Lý Bình Nam (Lee Bing Nan).

Phật giáo là một loại tri thức đặc biệt chứ không phải là tôn giáo. Để đạt được lợi ích thực sự, chúng ta phải hiểu tính chân thật của Phật giáo. Tôi đã hết sức tôn trọng Phật giáo, và tin rằng Phật Thích Ca là một nhà giáo dục bậc nhất trong lịch sử thế giới. Đức Phật giống như đức Khổng Tử ở chỗ dạy mọi người một cách không mệt mỏi và phân biệt.

---o0o---

Chương bốn: Phương pháp học và biểu tượng học Phật giáo

Hệ thống giáo dục liên tục dành cho các vị xuất gia

Phật Thích Ca là người đầu tiên thiết lập hệ thống giáo dục liên tục cho các đệ tử xuất gia. Nhiều đệ tử của Đức Phật đã thành tựu dưới sự hướng dẫn của Ngài. Mỗi năm, những đệ tử này được chỉ định dạy giáo lý ở các nơi khác nhau trong chín tháng. Ở Ấn Độ mùa mưa kéo dài từ tháng ba đến giữa tháng bảy, gây bất tiện cho việc đi lại và việc học trong ba tháng. Vì vậy, tất cả các đệ tử trở về với Đức Phật để học thêm giáo lý và học hỏi lẫn nhau trong các giờ học. Khoảng thời gian này được gọi là Mùa an cư kiết hạ, và tương ứng với cái mà bây giờ gọi là giáo dục liên tục cho giáo viên. Hệ thống giáo dục ngày nay là việc cần thiết do có sự tiến bộ về kỹ thuật, nhưng hai ngàn năm trăm trước, Đức Phật đã thực hiện điều này để đưa các đệ tử của ngài trở về để học thêm giáo lý.

---o0o---

Mỹ thuật Phật giáo

Phật giáo có những biểu tượng mỹ thuật. Khởi thủy Phật giáo là một nền giáo dục, phối hợp những cái tương ứng với hệ thống trường học và viện bảo tàng ngày nay. Vậy “chùa” là bao gồm trường học, thư viện và viện bảo tàng. Ngày xưa ở Trung Hoa, hệ thống trường học truyền thống không được phổ biến rộng rãi nên đa số học sinh đến một chùa để học, vì ở đây thường có đủ sách vở, giống như một thư viện ngày nay, và không chỉ có toàn kinh

điền, mà còn có gần như tất cả những loại sách khác. Các tăng sĩ học Phật giáo, Khổng giáo, Lão giáo và các sách cổ của Trung Hoa, họ có khả năng trả lời các câu hỏi và thông thạo về các đề tài khác nhau. Kết quả là các học viện Phật giáo giữ nhiệm vụ giáo dục cho xứ sở này.

Những ngôi tự viện Phật giáo là sự biểu lộ mỹ thuật được gọi là “Phật giáo biểu hiện”. Tuy nhiên những bức tượng Phật và Bồ Tát không phải là sự biểu lộ của đa thần giáo. Mỗi bức tượng đều có tính chiêm cảm trí tuệ và giác ngộ trong mỗi người chúng ta. Những bức tượng này cũng tượng trưng một số phương diện của PG, nhắc nhở các hành giả về một giáo lý nào đó. Thí dụ bồ tát Quan Âm, vị Bồ Tát phổ biến nhất ở Trung Hoa, tượng trưng cho lòng từ bi, tượng Quan Âm sẽ nhắc nhở chúng ta phát tâm từ bi đối với thế gian, với mọi người và vạn vật. Nhưng ngày nay người ta thờ Bồ Tát Quan Âm như một vị thần và cầu nguyện với ngài để được cứu khổ cứu nạn. Đây là một sự mê tín và sai lầm, vì người ta quên rằng những bức tượng này tượng trưng cho những ý niệm trong Phật giáo.

Kiến trúc Phật giáo cũng là một sự biểu hiện mỹ thuật. Ngôi chánh điện tương ứng với một phòng học hay một phòng họp lớn, và nhìn từ bên ngoài có vẻ như có hai tầng nhưng ở bên trong chỉ có một tầng. Hai tầng bên ngoài tượng trưng cho Chân đế và Tục đế hay chân lý tuyệt đối và chân lý tương đối. Chân đế là sự thật của đời sống trong vũ trụ, còn Tục đế là kiến giải thể tục vẫn còn vô minh. Tầng độc nhất bên trong muốn nói rằng Chân đế và Tục đế chỉ là một chân lý. Với người vô minh thì Chân đế và Tục đế là hai điều khác nhau, còn đối với người giác ngộ thì Chân đế và Tục đế là một.

Ở giữa chánh điện có một tượng Phật và hai tượng Bồ Tát. Tượng Phật tượng trưng tính chất thật của vũ trụ và con người, được gọi là “Phật tính” hay “chân tâm”. “Phật”, tiếng Sanskrit có nghĩa là “người đã giác ngộ viên mãn”. Tượng Phật biểu trưng cho sự giác ngộ nguyên thủy của chúng ta, còn hai bức tượng Bồ tát thì biểu trưng sự ứng dụng tâm giác ngộ nguyên thủy này. Tất cả những biểu tượng và những ý nghĩa nhiều vô số có thể được chia làm hai loại: Trí tuệ và Thực hành. Thí dụ: Tịnh Độ Tông thờ một vị Phật và hai Bồ Tát của Tịnh Độ Tây Phương. Phật A Di Đà (Vô Lượng Quang và Vô Lượng Thọ) tượng trưng sự giác ngộ vốn là một phần chân tính của chúng ta. Bồ tát Quan Âm tượng trưng lòng từ bi, và Bồ Tát Đại Thế Chí tượng trưng cho đại trí tuệ. Chúng ta nên từ bi với chúng sanh, nên có ý nghĩ, kiến giải và hành vi hợp lý, chứ không nghĩ, nói và làm theo tình cảm riêng tư, để chỉ gây ra phiền não. Vì vậy chúng ta không nên coi Đức Phật và các Bồ Tát là những vị thần, Nhưng các ngài có gia hộ cho chúng ta

không? Có, các ngài sẽ trao cho chúng ta những tri kiến để biết cách giải trừ phiền não và thoát khổ. Khi đã biết ý nghĩa của kiến trúc, âm nhạc, tranh và tượng Phật giáo, chúng ta sẽ có được kinh nghiệm phong phú khi viếng thăm một ngôi chùa.

Tuy nhiên ngày nay có nhiều người không hiểu ý nghĩa và giáo lý của Phật giáo, nên họ cho rằng tranh và tượng Phật, Bồ Tát là dấu hiệu của Đa Thần Giáo. Thật ra trong Phật giáo, hình tượng chỉ là phương tiện để hỗ trợ việc học đạo chứ không phải là tượng thần linh để phụng thờ và cầu xin. Chúng ta có vô số khả năng ẩn sâu trong chân tánh bất tư nghì của mình, vì vậy chúng ta có vô số biểu tượng để tương ứng, giống như ngày nay một người có thể có nhiều chức vụ và tước vị ghi trên tấm danh thiếp để cho thấy những địa vị và những thành tựu mà họ đạt được. Chư Phật, Bồ Tát là những biểu tượng của chân tánh bên trong chúng ta. Phật tượng trưng cho chân tâm, các Bồ Tát tượng trưng những đức tánh đạt được ngang qua việc tu luyện. Tất cả chúng ta đều có những phẩm tính này. Chúng ta cần phải hiểu ý nghĩa của biểu tượng học Phật giáo để có thể cảm nhận được sự phong phú và hoàn hảo của nền giáo dục Phật giáo.

Ngày nay, những tự viện tiêu biểu rất hiếm thấy. Ngôi điện đầu tiên của chùa là Điện Hộ Pháp. Ở giữa điện này là tượng Bồ Tát Di Lặc được tạc theo hình ảnh của Bồ Đại Hòa Thượng. Nụ cười lớn của tượng Di Lặc hàm ý để thông hiểu Phật Pháp, người ta phải biết vui vẻ và hòa nhã với tất cả mọi người và mọi sự vật. Cái bụng to tướng của Ngài là tượng trưng sự công bằng, uyển chuyển, không thiên lệch, nhân nhục và tính khoan dung.

Bên cạnh tượng Di Lặc là bốn tượng Hộ Pháp, tượng trưng cho sự bảo hộ những ai thọ trì Phật pháp. Các Ngài bảo hộ chúng ta bằng cách nhắc nhở chúng ta tu học và gìn giữ chánh kiến của mình. Mỗi vị Hộ Pháp biểu trưng cho mỗi ý nghĩ hay hành vi.

Hộ Pháp Đông Phương (cầm cây đàn) tượng trưng cho bốn phận và sự bảo đảm lãnh thổ, nghĩa là tất cả chúng ta phải có bốn phận với bản thân, gia đình, xã hội, và tổ quốc. Nếu mỗi người chúng ta làm tốt bốn phận và làm tròn những nhiệm vụ của mình thì như vậy là chúng ta hỗ trợ lẫn nhau cũng như phục vụ chính mình. Hộ Pháp Nam Phương (cầm kiếm) tượng trưng sự tiến bộ và dạy chúng ta phải tinh tấn. Ngài nhấn mạnh sự quan trọng của việc tu sửa liên tục để gia tăng đức hạnh, trí huệ, và kiến thức, phát triển khả năng thi hành những bốn phận của mình. Điều này giống như là dạy người ta nên tu sửa mỗi ngày của Không Giáo.

Hộ Pháp Tây Phương (cầm con rồng) tượng trưng tri kiến bao quát về thế gian. Chúng ta cần phải mở mắt quan sát con người và vạn vật, phát triển tri kiến, và biết phân biệt phải trái, xấu tốt. Hộ Pháp Bắc Phương (cầm lộng) tượng trưng sự học bao la. Hai vị Hộ Pháp này chỉ dạy cách thực hành và đạt đến thành tựu trong việc thi hành bốn phận và tu sửa bản thân. Cổ nhân có câu "Đọc vạn cuốn sách, đi vạn dặm đường". Chúng ta đọc sách để gia tăng kiến thức, và đi đây đó để quan sát sự vật. Như vậy chúng ta sẽ có khả năng tự tu sửa và thi hành bốn phận của mình hiệu quả hơn.

Ngày nay, người ta vào Điện Hộ Pháp để đốt nhang, lễ bái và dâng hoa quả để mong được phù hộ về tài lộc và phúc lạc. Như vậy là mê tín, vì tất cả những tiện nghi, những tranh tượng Phật, Bồ Tát, những nghi thức dâng cúng chỉ là những phương tiện giáo hóa, gây cảm hứng cho tâm trí của chúng ta, nhắc nhở chúng ta cần phải đạt giác ngộ, thay vì vô minh, trở nên người đứ hạnh thay vì tội lỗi, thanh tịnh thay vì ô trược. Giác ngộ, tri kiến chân chính, và thanh tịnh là ba nguyên lý của Phật Pháp.

---o0o---

Pháp môn thực hành

Phật Giáo có tám mươi tư ngàn pháp môn, tức là có vô số pháp môn thực hành khác nhau, nhưng tất cả đều đưa tới ba mục tiêu: giác ngộ, tri kiến chân chánh, và thanh tịnh. Như vậy tất cả các pháp môn đều bình đẳng, không có pháp nào cao hơn pháp nào. Người ta có nhiều căn cơ khác nhau, tức là khả năng và mức thành tựu khác nhau. Thêm nữa, người ta có hoàn cảnh khác nhau, nên mỗi người phải chọn pháp môn nào thích hợp với mình nhất. Chúng ta có thể chọn một trong ba mục tiêu nói trên để tập trung nỗ lực tu tập của mình vào đó. Khi đạt được một mục tiêu thì hai mục tiêu kia sẽ tự nhiên xuất hiện.

Phật Giáo Trung Hoa có mười tông phái khác nhau. Thiên tông chú trọng việc đạt tâm quang minh hay giác ngộ. Tịnh độ tông và Phật Giáo Tây Tạng hay Kim Cương Thừa quan tâm tới việc đạt tâm thanh tịnh, còn các tông phái khác thì tập trung vào việc tu tập đạt tri kiến chân chánh. Dù chúng ta chọn một pháp môn nào hay một tông phái nào thì tất cả đều dẫn tới cùng một kết quả. Nói cách khác, một khi ta đã quán thông một pháp môn thì chúng ta sẽ quán thông tất cả các pháp môn khác.

Sự thanh tịnh của thế gian phát xuất từ sự thanh tịnh nội tâm của cá nhân. Với tâm thanh tịnh, không phân biệt và không chấp thủ, chúng ta sẽ đạt được mức trí huệ cao hơn mà trong đó thế giới xung quanh chúng ta sẽ tự nhiên hòa hợp. Bằng việc niệm danh hiệu Phật, tham thiền, tụng kinh, trì chú, và thực hành lời Phật dạy, hành giả sẽ đạt giác ngộ, tri kiến chân chánh, và tâm thanh tịnh. Tuy nhiên, với quan niệm sai lầm, hành giả tụng niệm để cầu xin tài lộc hay thăng quan tiến chức, là tôn giáo mê tín, trái ngược với lời dạy của Phật Thích Ca.

Từ ngữ Phật học cho thấy Phật giáo là một nền giáo dục

Phật Giáo (Buddhism) là giáo lý của Phật Thích Ca, vị sáng lập Đạo Phật. Chúng ta gọi ngài là "Đức Bổn Sư", giống như người Trung Hoa gọi Khổng Tử là vị thầy và là triết gia vĩ đại nhất. Liên hệ giữa Đức Phật và chúng ta là liên hệ thầy trò, và mỗi liên hệ này không có tính cách tôn giáo. Trong tôn giáo, không có liên hệ thầy trò, mà chỉ có liên hệ cha con hay liên hệ chủ tớ.

Khoảng hai mươi năm trước, tôi đã thực hiện một loạt những bài diễn thuyết ở đại học Gia Tô Giáo Fu Ren và dạy ở tu viện Thomas một khóa. Tôi nói với các sinh viên, đa số là tu sĩ, rằng họ hãy quy y với Đức Phật và học thấu đáo Phật Pháp. Tuyệt đối không có sự mâu thuẫn nào giữa Phật Giáo và tôn giáo, vì một bên là liên hệ thầy trò, và một bên là liên hệ cha con. Nếu các tu sĩ đó theo Phật Giáo và bỏ tôn giáo của họ thì tôi tin rằng Đức Phật cũng không chấp nhận họ, vì bỏ cha mẹ để theo vị thầy là trái luân thường đạo lý. Vì vậy, các tín đồ tôn giáo sẽ đạt được lợi ích nếu học thực hành Phật giáo. Khi tu tập chúng ta sẽ đạt được trí huệ để biết Thiên Đường thực sự, và sẽ có khả năng quyết định khi nào mình muốn đi lên Thiên Đường và đi bằng cách nào. Vậy, Phật giáo chỉ một đạo đưa đường dẫn lối cho chúng ta đạt lại trí huệ thực sự của mình.

Khi một Tăng sĩ được gọi là Hòa Thượng (He-Shang) thì vị đó tương đương với giám hiệu của một trường học ngày nay, vì ngài là người chăm lo về đường hướng giáo dục. Tất cả các vị khác trong trường học là các giáo sư thi hành đường lối giáo dục của vị giám hiệu, và giữ vai trò khuôn mẫu về hành vi và ngôn từ cho các học sinh noi theo. Người thầy quá cố của tôi là giáo sư Phương luôn nói với tôi rằng Phật Giáo là một nền giáo dục (Buddhism is an education). Về sau, khi nghiên cứu kinh sách, tôi đã tái khẳng định lời nói của ngài, rằng Phật giáo là đỉnh điểm trí huệ của thế giới. Phật giáo mang lại niềm vui lớn nhất cho loài người. Tôi đã chứng nghiệm niềm hân hoan tối thượng này khi thoát khỏi phiền não, mê muội và vọng

niệm. Thân thể và tâm trí của tôi thanh tịnh, hoàn toàn dễ chịu. Tôi là người hạnh phúc nhất thế gian. Vì vậy tôi cảm thấy mình chịu ơn giáo sư Phương, vì nếu không có ngài thì tôi đã không nghiên cứu Phật Pháp và đã không đạt được phúc lạc viên mãn như ngày hôm nay nhờ việc tu theo lời Phật dạy.

---o0o---

Chương năm: Phối hợp Khổng giáo và Phật giáo

Phật giáo đã hội nhập thành công vào nền văn hóa Trung Hoa, và đã trở thành bất khả phân ly với nền văn hóa này. Văn hóa Trung Hoa và Phật giáo có chung một ý niệm căn bản, đó là từ bỏ quyền lợi của bản thân vì quyền lợi của người khác. Khổng giáo và Phật giáo chủ trương phát huy và tôn vinh đạo hiếu, tức là sự tôn kính đối với cha mẹ và các vị thầy của mình. Hiếu đễ là một thành tố quan trọng trong việc kiến tạo nền hòa bình trên thế giới.

Giáo dục nghĩa là gì? Giáo dục là ý nghĩa và giá trị của đời người, những liên hệ giữa mọi người cũng như giữa con người với vũ trụ. Khổng Giáo bao gồm ba điểm chính sau đây: Thứ nhất là cần phải hiểu mối liên hệ giữa mọi người để biết yêu thương người khác. Thứ nhì là cần phải hiểu mối liên hệ giữa con người và vũ trụ để biết kính trọng thần linh. Thứ ba là cần phải hiểu mối liên hệ giữa con người và môi trường để biết cách bảo vệ môi trường và vạn vật. Trong Khổng giáo có bốn môn học là đạo đức, ngôn từ, khả năng kiếm sống, và nghệ thuật. Điều cốt tủy của Khổng giáo là dạy đạo đức. Đây là việc quan trọng hàng đầu, vì không có đạo đức và luân lý thì người ta trở nên vị kỷ, chỉ nghĩ tới bản thân mà không quan tâm tới xã hội, và thái độ này có thể gây ra tình trạng hỗn loạn trên thế giới. Nền giáo dục ngày nay không coi trọng việc dạy đạo đức nữa. Các trường học chỉ dạy về các nghề nghiệp chuyên môn, và như vậy chỉ là phương diện bên ngoài chứ không phải là gốc rễ của giáo dục. Khi gốc rễ bị hỏng thì nền tảng xã hội bị lung lay, và xã hội bị xáo trộn như tình trạng ngày nay. Trường tiểu học giống như gốc rễ của giáo dục, còn trường trung học và đại học thì giống như lá và hoa. Các giáo viên nên dạy về đạo hiếu cho con em càng sớm càng tốt.

Khi nghiên cứu nguồn gốc chữ viết của người Trung Hoa, chúng ta không thể không khám phục trình độ trí huệ cao siêu của tổ tiên. Chúng ta biết ơn các ngài đã ban cho ta một tài sản quý báu như vậy. Chữ “hiếu” của Trung Hoa hàm chứa tinh thần của Phật giáo và nền móng của giáo dục, vì trong

chữ này có chữ "lão" và chữ "tử" (nghĩa là "con"). Ngày nay, người ta nói đến hồ sơ thế hệ giữa cha mẹ và con cái mà truyền thống gia đình không hề có trước kia. Theo truyền thống Trung Hoa không chỉ có mối liên hệ chặt chẽ giữa cha mẹ và con cái, mà còn có những mối liên hệ khác như ông bà và các cháu nội ngoại v.v..., tất cả đều là những thành phần của một dòng liên tục. Đây là một ý niệm độc đáo. Người Tây phương thường hỏi là tại sao người Trung Hoa lại thờ kính những tổ tiên mà mình không được biết rõ. Thờ kính tổ tiên là nền móng của Khổng giáo và Phật giáo, và là nguồn gốc của hòa hợp xã hội và hòa bình thế giới.

Ngày nay mọi người đều mong muốn thế giới được hòa bình, nhưng để có hòa bình chúng ta phải bắt đầu từ nền móng hiếu kính. Phật giáo chú trọng tâm từ bi vô điều kiện đối với chúng sinh trong vũ trụ, cả trong quá khứ, hiện tại, cũng như tương lai. Dòng liên tục thời gian và không gian là bất khả phân ly với bản thân mỗi chúng sinh, vì Tất Cả Chúng Ta Là Một Thực Thể (We are all one Entity). Ý niệm bao quát này không có ở trong tôn giáo. "Như Lai", một trong mười danh hiệu Phật, hàm ý một đẳng giaùc ngộ vốn là bản tính của chúng ta và cũng là tính chất thật của vũ trụ và đời người. Ý niệm này được thể hiện bởi chữ "hiếu" của Trung Hoa và danh hiệu Phật A Di Đà trong Tông Tịnh Độ. Những danh từ này có thể khác nhau nhưng ý nghĩ vẫn là một, đó là: tình yêu vô điều kiện dành cho mọi sinh linh, vượt thời gian và vượt không gian.

---o0o---

Năm mối liên hệ của loài người

Khổng Giáo có nền móng là năm mối liên hệ của loài người, tức "Ngũ Thường", được thiết lập trên những nguyên tắc đạo đức. Năm mối liên hệ này là liên hệ vợ chồng, liên hệ cha mẹ với con cái, liên hệ anh chị em, liên hệ bạn bè, và liên hệ chính quyền với người dân. Trong những liên hệ này thì liên hệ vợ chồng là nhỏ nhất và mật thiết nhất. Sau đó gia đình mở rộng, gồm mối liên hệ giữa cha mẹ và con cái, và mối liên hệ giữa anh chị em. Bên ngoài gia đình là xã hội, gồm mối liên hệ bạn bè và mối liên hệ giữa cá nhân và chính quyền. Ngày nay chúng ta thường nói tới sự cần thiết phải đoàn kết nhân dân. Ngày xưa người Trung Hoa không cần dùng chữ "đoàn kết", vì năm mối liên hệ, hay "ngũ thường" chính là sự đoàn kết giữa mọi người. Mọi người trên trái đất này đều là anh, chị, em của chúng ta. Mỗi người có bổn phận đối với người khác; cha mẹ hiền từ với các con; các con có hiếu với cha mẹ; anh, chị, em và bạn bè kính trọng lẫn nhau. Như vậy, đất

nước và nhân dân đã có sự đoàn kết hoàn hảo. Những mối liên hệ giữa mọi người cũng nói lên những bổn phận của một người đối với người khác. Người nào cũng có bổn phận và nhiệm vụ của mình để thi hành.

---o0o---

Thực hành Khổng Giáo và Phật Giáo

Con người khác con vật ở chỗ biết sống theo luân thường và đạo lý. Việc thực hành Khổng Giáo có nền móng là ý nghĩ chân thành, hành vi chân chính, gia đình và đất nước có tổ chức tốt và hòa hợp, và có hòa bình cho mọi người. Phật giáo cũng chú trọng việc học và thực hành, bắt đầu với việc phát Bồ Đề Tâm, hay tâm giác ngộ, nguyện đạt giải thoát để có khả năng giúp đỡ người khác. Việc này giống như tâm chân thành của Khổng giáo. Có người định nghĩa "thành tâm là không có ý nghĩ nào cả". Đúng như vậy, người ta sẽ không có sự thành thật khi nào còn có những ý nghĩ xấu, những ý nghĩ xao lãng, hay cả khi có một ý nghĩ phát khởi. Lục Tổ Huệ Năng có lần nói rằng khi tâm thanh tịnh không chứa đựng gì cả thì nó sẽ không bị bụi bám vào. Tuy nhiên tâm trí người ta thường xao động với nhiều ý nghĩ, vậy làm sao để loại bỏ những ý nghĩ xao lãng này? Khổng Tử nói rằng khi chông lại những dục vọng phát khởi, người ta sẽ đạt được trí huệ. Phương pháp này được nói tới trong trường sơ học của nền giáo dục Khổng Giáo. Đức Phật cũng nói rằng muốn giải trừ mọi phiền não người ta phải đoạn lìa ác dục.

---o0o---

Hệ thống sơ học Khổng Giáo

Ngày xưa, các học sinh trường sơ học ở Trung Hoa được dạy cách phòng vệ chống lại sự phát khởi của ái dục. Trường học chú trọng tới việc huấn luyện học sinh cách định tâm và đạt trí huệ. Học sinh bắt đầu đi học vào năm lên bảy tuổi. Họ sống ở trường và chỉ trở về nhà vào những dịp lễ, tết. Họ được dạy cách cư xử trong đời sống hằng ngày, có cử chỉ lễ phép đối với thầy giáo và các bạn học lớn tuổi hơn mình. Đây là sự giáo dục về đạo đức và luân lý. Ở nhà của mình, học sinh sẽ cư xử với cha mẹ và anh chị em một cách hiếu đễ và thành kính.

Từ năm lên bảy cho tới mười hai tuổi, các học sinh phải học thuộc lòng những kinh sách cổ điển. Vị thầy chọn những bài học chứa đựng những lời

dạy thâm thúy của thánh hiền để các học sinh tụng đọc một hay hai trăm lần mỗi ngày. Việc này cũng có mục đích là để tâm trí của các em không xao lãng mà có sự tập trung, đạt thanh tịnh và trí huệ, dù có thể các em không hiểu ý nghĩa của những lời dạy. Tuy nhiên, kể từ cuộc cách mạng năm 1911 lối giáo dục hiện tại đã bỏ truyền thống có từ hai ngàn năm trước để thu nhận nền giáo dục Tây Phương. Khi xét kỹ, người ta sẽ thấy sự thay đổi này đưa tới nguyên nhân của những vấn đề xã hội ở Trung Hoa ngày nay.

---o0o---

Hệ thống Đại Học Khổng giáo:

Vào năm mười ba tuổi, các học sinh tới học ở trường Đại Học. Ở Trung Hoa ngày xưa không có trường tiểu học hay trung học. Trường Đại Học chú trọng việc diễn giải và thảo luận về những kinh sách mà các học sinh đã học thuộc lòng ở trường sơ học. Các vị thầy là những học giả chuyên nghề dạy học. Mỗi vị dạy một lớp học nhỏ với khoảng từ mười tới hai mươi học sinh, và vị thầy không nhất thiết phải giảng bài trong phòng học với sách giáo khoa. Thời đó tất cả các sách giáo khoa đều được in với hình thức chung là hai mươi chữ một cột và mười cột một trang, không có khoảng trống giữa các chữ và các cột. Đây là tiêu chuẩn toàn quốc, bất kể là nhà in hay nhà xuất bản nào. Cả thầy lẫn trò đều thuộc lòng kinh sách tới mức họ biết đúng bài học nằm ở trong phần nào của cuốn sách nào. Vì tất cả đều đã được học thuộc lòng trong giai đoạn sơ học nên sau đó các học sinh không cần phải có kinh sách để tham khảo.

Vị thầy thường đưa các học trò của mình đi đây đó để mở mang kiến thức và thêm kinh nghiệm. Các học sinh học hỏi trên đường đi. Như vậy trong những chuyến đi này họ không mang theo sách vở và không có kỷ luật gò bó, nhưng lại có rượu, thực phẩm, và đầy vui thú. Các học sinh cũng vui lòng hầu hạ thầy. Khi kết thúc những chuyến đi tới những nơi danh lam thắng cảnh thì khóa học cũng chấm dứt. Đối với nhiều người thì học Đại Học là khoảng thời gian vui sướng nhất trong đời của họ.

Ở Đài Loan, những vị ở tuổi tám mươi hay chín mươi có thể đã trải qua lối giáo dục Đại Học này. Vị thầy quá cố của tôi là ông Lee lúc đó đã ngoài chín mươi tuổi khi viết bài đăng báo vẫn cho vào những lời dạy của thánh hiền mà ông đã học thuộc lòng lúc theo học trường sơ học, không còn phải tham khảo kinh sách. Đây là phương pháp mà ông đã dùng để đắc trí huệ phát sinh từ tâm thanh tịnh. Khi tâm trí thanh tịnh thì trí huệ đích thực sẽ xuất

hiện. Có trí huệ đích thực là biết về quá khứ cũng như tương lai của mình và giác ngộ luật nhân quả. Người ta không nên phán xét sự vật bằng vẻ bề ngoài của chúng, mà cần phải hiểu là chúng đã xuất hiện như thế nào. Trí huệ giác ngộ tính không trong Phật Giáo là trí huệ nguyên thủy. Chỉ khi nào có tâm thanh tịnh, không chứa đựng gì cả thì người ta mới biết mọi sự vật khi tiếp xúc với thế giới bên ngoài. Vì vậy việc học và thực hành Phật Giáo bắt đầu với việc giải trừ mọi ý nghĩ để đạt tâm thanh tịnh.

Tất cả những điều này làm cho tôi nghĩ tới trẻ em, những con người nhỏ bé rất trong sạch, ngây thơ và vô tội trong ý nghĩ của chúng. Vì vậy chúng ta nên cho con em của mình học Phật Học sớm trong tuổi ấu thơ, với một chút nỗ lực, trẻ em có thể dễ dàng đạt lợi ích trong việc này. Những chứng nghiệm của người có tâm thanh tịnh thì rất khác lạ và sâu xa mà không có người thường nào có thể cảm nhận được.

Đạt hòa bình thế giới với thân tâm được tu luyện, gia đình hòa hợp, và xứ sở thịnh vượng:

Một hành giả thực sự sẽ giữ cho mình không tham, sân, si, và kiêu ngạo đối với người khác cũng như đối với môi trường sống. Nếu còn có một phiền não nào nói trên thì hành giả không phải là người thành thực và chân chính. Thành thực và có ý kiến chân chính là hai điều căn bản của việc luyện tâm. Người nào có thân thể và tâm trí trong sạch thì sẽ không bị bệnh tật, vì vậy khi chúng ta đau ốm thì đó là do tâm trí có đầy vọng niệm và phiền não phát xuất từ tham, sân, si, và kiêu ngạo.

Như đã nói ở trên, thành thực và chân chính là nền móng của việc thanh lọc tâm trí. Tâm thanh tịnh sẽ đưa tới thân trong sạch, và do đó, người ta sẽ tự nhiên miễn nhiễm đối với bệnh tật. Như vậy, một hành giả thành tựu sẽ không bao giờ bị bệnh nặng. Thêm nữa, khi đã quyết tâm đi theo con đường của Đức Phật thì người ta sẽ không phải chết một cách thông thường. Chết thông thường có nghĩa là người ta không biết mình sẽ lìa đời lúc nào, và sẽ đi đâu sau đó. Ngược lại, những hành giả chân chính, tin tưởng vào bản thân và vào Phật A Di Đà, tu tập theo lời dạy của Đức Phật, thì sẽ có khả năng lúc nào quyết định lúc nào mình từ giả thế gian và lúc nào mình tái sinh vào Tịnh độ Tây Phương. Đây không phải là truyện kỳ dị hay truyện thần tiên mà là một sự thật đơn giản, có thể đạt được bằng cách tu tâm luyện tính và phát nguyện vãng sinh Tịnh độ Tây Phương. Vì vậy, cần phải biết rằng việc giải trừ phiền não và ái dục là rất quan trọng. Mỗi Phật tử nên giữ cho tâm trí và thân thể luôn luôn trong sạch, đối xử với mọi người và mọi vật một

cách bình đẳng và bình tĩnh. Chỉ có như vậy thì gia đình mới hòa hợp, xã hội mới đoàn kết, và thế giới mới hòa bình. Chúng ta sẽ không còn bất hòa tranh chấp, và chiến tranh. Hòa bình và hạnh phúc mà tất cả chúng ta đều mong muốn ngày nay sẽ không còn là một giấc mộng mà sẽ trở thành sự thật nếu chúng ta biết phối hợp Khổng giáo và pháp giới vào hệ thống giáo dục của mình.

---o0o---

Tám đức tánh căn bản của Khổng giáo

Trung thành, hiếu đễ, từ bi, bác ái, đáng tin cậy, có trách nhiệm, hòa hợp và bình đẳng là tám nguyên tắc đạo đức căn bản của Khổng giáo, và được tượng trưng bằng bốn vị Bồ Tát trong Phật giáo. Bồ Tát Địa Tạng Vương tượng trưng hiếu đễ, và vì vậy mà Kinh Địa Tạng còn được gọi là Hiếu Kinh. Cuốn kinh này dạy lòng hiếu kính đối với cha mẹ cũng như thầy dạy học của mình. Các vị này đều được kính trọng ngang nhau trong Phật giáo và Khổng giáo. Có hiếu với cha mẹ và tôn kính các vị thầy là đức tính tự nhiên của con người. Mục đích của Phật giáo là dạy người ta nhận biết tính chất thật của tâm trí bằng cách khám phá những đức tính của nó, nếu không như vậy thì người ta sẽ không thể giác ngộ.

Bồ Tát Quan Âm tượng trưng từ bi tâm và từ ái. Bồ Tát Văn Thù tượng trưng trí huệ, tín tâm và lòng trung thành. Bồ Tát Phổ Hiền tượng trưng đại nguyên thực hành giáo lý của Đức Phật bao gồm hiếu đễ, từ bi và trí huệ. Ngài cũng tượng trưng sự hòa hợp và bình đẳng. Có từ bi và trí huệ thì có thể tạo công đức. Hạnh phúc lớn nhất của con người là hưởng công đức xây dựng trên nền móng thanh tịnh và bình đẳng với mọi người. Người Trung Hoa nói tới ba điều chân, thiện, và mỹ. Ba điều này có nghĩa là trường dưỡng công đức trong tuổi ấu thơ, tạo công đức tuổi trung niên, và hưởng công đức trong tuổi già. Người nào hưởng công đức trong tuổi già thì được gọi là người hoàn toàn, giống như một vị Phật vậy. Chúng ta cần phải hiểu rằng chư Phật, Bồ Tát không phải là những vị thần, mà là những người hoàn hảo nhất và phúc lạc nhất để chúng ta noi gương.

Các bậc tiên hiền của Trung Hoa ngày xưa đã nói tới những nguyên tắc đạo đức này trước khi Phật giáo du nhập Trung Quốc. Phật Thích Ca, Khổng Tử, và Mạnh Tử không bao giờ gặp nhau, nhưng các vị đều có giáo lý và

phương pháp giống nhau, và đây là một sự tình cờ, như người Trung Hoa nói "Anh hùng tương ngộ" và người Tây phương nói "Chí lớn gặp nhau".

---o0o---

Chương sáu: Phật Giáo dành cho mọi người

Mới đây một sinh viên tới gặp tôi để hỏi về cách thực hành Phật giáo. Câu trả lời là bốn lời nguyện của chư Phật, Bồ Tát sau đây:

"Chúng sinh vô biên, thệ nguyện độ.

Phiền não vô tận, thệ nguyện đoạn.

Pháp môn vô lượng, thệ nguyện học.

Phật Đạo vô thượng, thệ nguyện đạt".

Giúp đỡ người khác có nghĩa là hết sức giúp họ giải trừ vô minh, đạt giác ngộ, như vậy họ sẽ thoát khổ và hưởng phúc lạc thực sự. Để có khả năng cứu độ chúng sanh, người ta phải tu tập tốt, có học và có đức hạnh cao. Hành giả phải luôn luôn cảnh giác với những hành vi thân, khẩu, ý của mình, tức là hành động, lời nói, và ý nghĩ. Trước hết hành giả gây dựng đức tính bằng cách giải trừ những phiền não tham, sân, si, và kiêu ngạo, vì chúng là nguồn gốc của mọi ái dục và vô minh. Trí huệ đích thực là kết quả của việc tu tập đức tính cao cấp, phát xuất từ tâm trí thanh tịnh, từ bi, và vô phân biệt, chứ không phải là từ kiến thức sách vở. Nếu không có tâm trong sạch thì kiến thức góp nhặt được chỉ dẫn tới quan kiến sai lầm. Vì vậy trong việc thực hành Phật giáo thì điều tiên quyết là thanh lọc tâm trí và đoạn lìa mọi chấp thủ vào những tà kiến. Với tâm thanh tịnh chúng ta có thể trông thấy sự vật một cách rõ ràng hiểu biết tất cả, và như vậy đạt trí huệ đích thực và giác ngộ.

Phật giáo là nền giáo dục dành cho mọi người, không phân biệt nam nữ, nghề nghiệp, chủng tộc, hay tôn giáo. Người nào cũng có thể học và thực hành Phật giáo, vì đây là trí huệ viên mãn, tối thượng. Bất cứ nơi nào ở trên thế giới này cũng cần phải có giáo lý của Đức Phật. Tuy nhiên, không dễ gì tìm được những vị thầy Phật giáo có khả năng, vì đa số vẫn bám giữ vào danh và lợi, vốn là những chướng ngại chính yếu trong việc học và thực hành Phật giáo. Tâm trí không thanh tịnh thì không thể nào hiểu đúng giáo

lý của Đức Phật và hiểu rõ những nguyên nhân của mọi vấn đề trên thế gian này. Trong khi đó nếu không có công đức và nhân duyên tốt thì hành giả không tìm được một vị thầy có khả năng. Vì vậy, tôi luôn luôn khuyên các hành giả trẻ tuổi hãy quyết định ra sức phục vụ tổ quốc và thế giới.

---o0o---

Chương bảy: Chìa khóa mở cửa kho tàng lớn nhất

Mới đây chúng ta đã thiết lập một Trung Tâm Tịnh Độ Học ở Hoa Kỳ, mục đích là để giới thiệu văn hóa Trung Hoa truyền thống với người Tây Phương và để giúp họ thực hành Phật Giáo. Tổ tiên của chúng ta đã phát sinh một công cụ vượt thời gian quý báu nhất, đó là cổ ngữ Trung Hoa được gọi là "Wen-Yen-Wen", để di truyền văn hóa cổ cho các thế hệ tương lai và cho chúng ta. Với công cụ mạnh mẽ này, chúng ta có thể đọc được các sách của Khổng Tử hay Mạnh Tử vốn đã được viết từ hai ngàn năm trăm năm trước. Vì biết rằng ngôn ngữ biến đổi theo thời gian nên tổ tiên của chúng ta đã dùng loại cổ ngữ Trung Hoa này để truyền trí huệ, tư tưởng, xảo năng, và kinh nghiệm của các ngài. Việc học Wen-Yen-Wen không phải là khó. Thầy của tôi là ông Lee đã dạy chúng tôi bí quyết đọc loại cổ ngữ này, chỉ cần đọc thành thạo năm mươi chương cổ văn Trung Hoa. Để có thể viết cổ ngữ Trung Hoa, cần phải ghi nhớ một trăm chương. Với chìa khóa Wen-Yen-Wen này, chúng ta có thể tiếp cận và học Phật giáo cũng như minh triết cổ truyền Trung Hoa, vì những bản dịch mới nhất của các kinh Phật giáo là bằng loại cổ ngữ này. Cùng với tâm thanh tịnh, vô phân biệt, và từ bi, chúng ta có thể mở khoa học tàng trí huệ vô thượng của mình.

Tôi đã khuyến khích các Phật tử đọc kinh Vô Lượng Thọ, được viết với hình thức đơn giản của loại cổ ngữ Trung Hoa này. Mọi người sẽ dễ dàng hiểu tới tám mươi phần trăm nội dung cuốn kinh này. Bản Kinh Vô Lượng Thọ này chỉ có bốn mươi tám chương, tương đương với số lượng chương mà ông Lee đã yêu cầu chúng ta ghi nhớ. Đây là một phương pháp tốt để học loại cổ ngữ này. Sau khi đọc và ghi nhớ cuốn kinh này, tôi tin rằng sẽ không còn chướng ngại nào trong việc đọc các kinh Phật giáo. Tôi mạnh mẽ khuyến khích không những các tín đồ mà cả những người Tây phương muốn học văn hóa Trung Hoa và Phật giáo hãy học thuộc năm mươi chương Wen-Yen-Wen hay Kinh Vô Lượng Thọ. Với nỗ lực trong hai hay ba năm, hành giả có thể thủ đắc chìa khóa khám phá sự kỳ diệu của minh triết Trung Hoa cổ truyền

và đồng thời có thể chuyển hóa kinh sách Phật giáo thành kho tàng trí huệ của mình. Nếu không có chìa khóa này thì dù có tất cả kinh sách và cổ văn Trung Hoa cũng vô ích, vì không có cách nào để bước vào kho tàng này.

Thưa quý vị, các phụ huynh và các em học sinh, trường sơ học là nền móng của hạnh phúc trong đời sống, là gốc rễ tương lai của đất nước, và là cơ sở đảm nhiệm xã hội tương lai. Quý vị đã cống hiến nhiều cho công tác vĩ đại nhất này trong đời sống và trong xã hội. Trưởng dưỡng thế hệ trẻ có năng lực và đức hạnh là việc làm có ý nghĩa nhất và giá trị nhất của xã hội. Tôi xin có lời cảm tạ với sự tôn kính cao nhất tới quý vị. Tôi xin chúc quý vị an lạc và hạnh phúc. Nguyên cầu mọi người an Khang và thịnh vượng.

---o0o---

Quyển 2 - Nhận Thức Phật Giáo

(Trích trong bài giảng ở Úc, tháng giêng 1996)

Chương một: Một nền giáo dục đạo đức và hoàn hảo

Ngày nay chúng ta thấy càng lúc càng có nhiều người trên khắp thế giới tin theo Phật Giáo. Tuy nhiên, không có bao nhiêu người thực sự hiểu Phật giáo có nghĩa là gì. Vì vậy, điều này trở thành một đề tài rất quan trọng. Thật sự Phật giáo có nghĩa là gì? Chúng ta cần phải hiểu rõ về Phật Giáo. Phật giáo được xem là một nền giáo dục đạo đức nhất và hoàn hảo nhất do Đức Phật truyền dạy cho chúng sinh trong chín cõi. Làm sao có thể nói rằng "Phật giáo là một nền giáo dục? Trước hết, chúng ta đã gọi Phật Thích Ca là "Đức Bổn Sư", do đó chúng ta có thể nói rằng ngài là vị sáng lập Phật Giáo, và chúng ta là đệ tử của ngài. Như vậy, Đức Phật và chúng ta có liên hệ thầy trò, mà liên hệ này thì chỉ có ở trong ngành giáo dục.

Nếu Phật giáo là giáo lý của ngài thì Đức Phật là ai? "Phật", tiếng Sanskrit có nghĩa là trí huệ và giác ngộ. Nhưng trí huệ này không phải là trí huệ thế gian mà chúng ta biết ngày nay. Nói một cách đại lược, trí huệ Phật là khả năng biết đúng và trọn vẹn về chân lý của cuộc đời và vũ trụ trong ba thời: quá khứ, hiện tại và vị lai. Người nào đã khai mở trí huệ này thì được gọi là Phật. Phật Thích Ca nói rằng tất cả chúng sinh đều có trí huệ và khả năng tiềm ẩn này. Vậy Phật giáo xem chúng sinh đều bình đẳng. Mọi người bình đẳng với nhau từ khởi thủy, nhưng hiện tại chúng ta không thấy như vậy, vì trí huệ và khả năng của mỗi người đều khác nhau.

Trong xã hội, có người thông minh, có người kém thông minh, người thì có nhiều khả năng, người thì không. Tại sao lại như vậy? Đức Phật nói rằng đó là do người ta khác nhau ở mức độ vô minh. Vì vô minh mà chúng ta tạm thời mất trí huệ và khả năng nội tại của mình, nhưng không thực sự bị mất vĩnh viễn. Nếu thoát khỏi vô minh thì chúng ta sẽ có thể lấy lại được những khả năng này. Giáo lý của Đức Phật dạy chúng ta cách giải trừ vô minh và tìm lại những khả năng tiềm ẩn của mình.

Kinh sách Đại Thừa thường nói rằng Đức Phật không trực tiếp cứu độ chúng sinh. Như vậy làm sao chúng sinh có thể trở thành Phật? Chúng sinh thành Phật bằng tự lực. Đức Phật chỉ giúp đỡ bằng cách khai thị cho chúng ta thấy nguồn gốc của sự vô minh. Khi đã biết như vậy, chúng ta sẽ tinh tấn thực hành giáo lý của ngài để tẩy trừ vô minh, để đạt đến giác ngộ và thành Phật. Đức Phật đã nói rằng tất cả chúng sinh đều có Phật tính và đều có khả năng thành Phật là như vậy đó.

Vì thế, chúng ta có thể thấy Phật giáo là một nền giáo dục. Tuy nhiên, một vị thầy chỉ có thể dạy chúng ta về những nguyên tắc, cho chúng ta biết về những kinh nghiệm tu tập và chứng đắc của ngài, còn việc ứng dụng và thực hành là tùy thuộc vào chính mình, vì vậy chúng ta cần phải có sự nhiệt thành và tinh tấn để đưa đến thành tựu. Khi hiểu rằng Phật giáo là một nền giáo dục, tự nhiên chúng ta sẽ xem Đức Phật là thầy của mình. Từ đó chúng ta cũng hiểu rằng ở trong những ngôi chùa chúng ta không coi tranh, tượng Phật, Bồ Tát là những vị thần cần phải thờ phụng. Nhưng chúng ta vẫn dâng cúng những tranh, tượng Phật, Bồ Tát với hai lý do. Lý do thứ nhất là để nhớ ơn các Ngài đã ban cho mình một nền giáo dục vĩ đại mà mình đã may mắn được thọ nhận trong kiếp này. Câu mở đầu trong kinh điển là: "Phật Pháp cao siêu rất thậm sâu, trăm ngàn muôn kiếp khó tìm cầu". Chúng ta nhớ ơn Đức Phật cũng giống như người Trung Hoa nhớ ơn tổ tiên. Chúng ta nghĩ về nguồn gốc của mình và thấy rằng nếu không có tổ tiên thì cũng không có mình. Lý do thứ hai là chúng ta dâng cúng Đức Phật để làm theo gương đạo đức. Phật Thích Ca cũng là một người bình thường giống như chúng ta, vậy mà ngài đã đạt giác ngộ, thành Phật, tại sao chúng ta lại không thể làm được như ngài. Vì vậy, tranh và tượng Đức Phật nhắc nhở chúng ta cố gắng đạt mục tiêu này. Không nên coi tranh tượng là những vị thần thánh có tính cách mê tín dị đoan.

Trong ngôi chùa Phật Giáo, các vị Phật và Bồ Tát có nhiều hình dạng khác nhau. Điều này thường làm cho người ta hiểu lầm Phật giáo là một tôn giáo, mà lại là một tôn giáo thờ đa thần. Sự thật là chư Phật, Bồ Tát có nhiều danh

hiệu khác nhau. Thí dụ, trong Tam Tạng Kinh Điển có cuốn “ Kinh Vạn Phật” (Ten Thousand Buddha Names Sutra), kể ra mười ngàn danh hiệu của các vị Phật và nhiều danh hiệu khác nữa của các vị Bồ Tát. Tại sao lại có nhiều Phật và Bồ Tát như vậy? Trong chân tính của chúng ta có vô số những khác nhau về trí huệ, đạo đức, và nghệ thuật mà nếu chỉ dùng một danh hiệu thì không thể nói lên hết được, cũng giống như một người có nhiều tài năng và ở địa vị quan trọng thì trên danh thiếp của người đó có ghi nhiều danh hiệu và chức vụ. Danh hiệu của các vị Phật nói lên những đức tính hoàn hảo ở bên trong chân tâm của chúng ta. Tên của các vị Bồ Tát nói lên sự tu luyện những đức tính khác nhau. Bên trong chân tính của chúng ta có vô số khả năng nguyên thủy, nhưng chúng ta đã tạm thời bị mất những khả năng đó. Nếu không biết tu tập đúng cách thì chúng ta sẽ không thể tìm lại được. Danh hiệu của chư Phật, Bồ Tát không có gì khác với chính chúng ta. Khi hiểu điều này, chúng ta sẽ nhận thấy rằng giáo lý của Đức Phật được tượng trưng bằng một nền nghệ thuật cao cấp. Thí dụ, những bức tranh và những bức tượng Phật có thể biểu lộ Giáo Pháp. Khi hiểu ý nghĩa của những hình ảnh này chúng ta sẽ đạt được những lợi ích trong giáo lý của Đức Phật.

Nếu Phật giáo không phải là một tôn giáo thì tại sao Phật giáo cũng không phải là một triết lý. Trong triết học có chủ thể và đối tượng. Trong Phật giáo Đại Thừa không có sự khác biệt giữa chủ thể và đối tượng, tâm và vật, mà hai thứ chỉ là một. Điều này rất thâm diệu và khó hiểu. Một vị thầy nói: "Lấy vàng để chế tạo một vật dụng thì vật dụng là vàng". Vàng và vật dụng là một hay là hai thứ khác nhau? Nhìn bề ngoài thì chúng có vẻ là hai vật khác nhau, nhưng khi xét tính chất của chúng, chúng ta sẽ thấy chúng là một.

Chúng ta cần phải có trực giác sâu xa để hiểu đúng như thật của đời sống và vũ trụ vạn vật. Tất cả các kinh Đại Thừa đều có ý định giải thích sự thật này. Khi chứng ngộ sự thật này chúng ta sẽ có cùng tri kiến với Đức Phật. Phàm phu như chúng ta đều vô minh, nhưng chúng ta vô minh như thế nào? Chúng ta vô minh ở chỗ chỉ nhìn thấy sự khác biệt nhau của vạn vật mà không biết rằng thực thể của vạn vật là một chứ không phải là khác..

---o0o---

Chương hai: Mục đích của Phật Giáo

Sau khi tìm hiểu tính chất thật của Phật Giáo, chúng ta tiếp tục xét mục tiêu của Phật Giáo. Mục đích của Phật giáo là giải trừ vô minh, đạt giác ngộ. Đức Phật nói cho chúng ta biết về nguyên nhân của sự khổ và lý do có sự hiện

hữu của sáu cõi luân hồi. Chúng ta lăn trôi lăn trong vòng sinh tử luân hồi là vì chưa khám phá ra những khả năng trí huệ và đức hạnh vốn có của mình. Như vậy chúng ta đã có quan niệm và cách hành xử sai lầm với cuộc đời và vũ trụ, và những sự sai lầm này gây ra mọi đau khổ trong vòng luân hồi.

Mục đích của những lời dạy của Đức Phật là hướng dẫn chúng ta phá trừ vô minh đạt đến giác ngộ và thoát khổ. Chúng ta tìm cái gì trong Phật Giáo? Chúng ta đang tìm về quả vị “Chánh Đẳng Chánh Giác” tức sự giác ngộ viên mãn. Đức Phật truyền dạy Giáo Pháp để chúng ta cũng đạt giác ngộ vô thượng và thành Phật.

Có thể xem Giác Ngộ Viên Mãn có ba cấp là La Hán, Bồ Tát, và Phật (Arhats, Bodhisattvas and Buddhas). Thứ nhất là "Giác Ngộ Chân Chính". Trên thế giới có những người rất thông minh và khôn ngoan, như những nhà khoa học, những triết gia và những nhà lãnh đạo tôn giáo. Họ đã đạt mức tri thức cao hơn những người khác. Tuy nhiên, dù họ có thể đạt một mức giác ngộ nào đó, Đức Phật cũng không xem tri kiến của họ là sự giác ngộ đích thực vì họ chưa giải trừ được phiền não. Họ vẫn còn chấp vào điều phải và điều trái của người khác, vẫn còn tham, sân, si, và kiêu ngạo. Họ vẫn còn những tư tưởng tán loạn, phân biệt, và chấp thủ. Nói cách khác, tâm của họ xao động, không thanh tịnh. Nếu tâm không thanh tịnh thì dù đạt được tri kiến cao bao nhiêu cũng không phải là giác ngộ chân chính.

Trong Phật Giáo, tiêu chuẩn của sự giác ngộ chân chính là tâm thanh tịnh, từ đó trí huệ phát khởi. Chư Phật đều muốn chúng ta đạt sự giác ngộ chân chính này. Các La Hán không còn những ảo tưởng, những ý nghĩ sai lầm hay tà kiến. Các vị này không chấp vào điều phải hay điều trái của người khác, cũng không có những ý nghĩ tham, sân, si, hay kiêu ngạo.

Xét như vậy, chúng ta có thể cảm nhận được sự khác biệt giữa Phật giáo và nền giáo dục thông thường. Nhờ Phật giáo mà chúng ta được biết những giáo lý thâm diệu và sự giác ngộ chân chính. Chỉ khi nào đạt được sự giác ngộ đích thực này thì chúng ta mới thoát mọi đau khổ và hưởng hạnh phúc thực sự. Là con người, chúng ta đều phải chịu những nỗi khổ sinh, lão, bệnh, và tử. Chúng ta không có được những gì mình muốn có, phải sống xa cách những người mình thương yêu, và phải sống chung đụng với những người mình ghét. Chúng ta bị vạ vây bởi tất cả những sự đau khổ này mà không có cách nào để thoát khỏi chúng. Chỉ khi nào đã học Phật Pháp, chúng ta mới có thể đạt giải thoát thực sự.

Kinh Hoa Nghiêm có dạy rằng: "Tất cả chúng sinh đều có những khả năng về trí huệ và đức hạnh giống như Đức Phật, nhưng do vọng niệm vaø chấp thủ mà đã mất những khả năng này". Đó là nguyên nhân của mọi vấn đề của chúng ta. Tu tập theo Phật giáo là áp dụng lời dạy của Đức Phật để giải trừ mọi vọng niệm, mọi ý nghĩ phân biệt và chấp thủ. Chúng ta sẽ giữ cho tâm ta thanh tịnh để trí huệ phát sinh. Đó là sự giác ngộ chân chính. Vì vậy, chư Phật, Bồ Tát không nói đến sự thông minh và trí khôn của thế gian, vốn nó không phát xuất từ tâm thanh tịnh. Khi đạt được giác ngộ chân chính chúng ta sẽ có khả năng giải quyết những vấn đề hằng ngày cũng như khả năng vượt thoát luân hồi.

Trong nền giáo dục thông thường của thế gian, để có thể đạt đến thành tựu, người học phải theo đuổi riêng một ngành học nào đó. Trong nền giáo dục Phật giáo cũng vậy, người có ý nguyện đạt thành tựu phải theo học với một vị thầy và thực hành một pháp môn duy nhất. Nếu theo học hai vị thầy với hai pháp môn khác nhau, chúng ta sẽ lưỡng lự giữa hai ngã đường. Tệ hại hơn nữa, nếu theo học ba vị thầy một lúc, chúng ta sẽ đứng lại ở ngã ba đường. Với bốn vị thầy, chúng ta sẽ hoang mang ở giữa ngã tư. Ngày nay, giới trẻ muốn học nhiều nhưng lại không đạt được kết quả tốt, vì họ đang bị kẹt ở giữa những ngã đường này, không biết phải đi theo hướng nào. Để thành công và đạt thành tựu trong quá trình tu học Phật, chúng ta cần phải nhất tâm theo học một vị thầy và tập trung tâm trí vào một pháp môn mà thôi.

Nhưng chúng ta sẽ thành tựu cái gì? Thành tựu thực sự là đạt được tâm thanh tịnh. Khi đã đạt được một mức độ thanh tịnh nào đó, chúng ta sẽ giảm bớt phiền não và trí huệ đích thực được gia tăng, có khả năng giải quyết mọi vấn đề trong thế gian này cũng như ngoài thế gian. Nếu không có trí huệ đích thực này thì không thể thực sự giải quyết được những vấn đề.

Vậy, trí huệ chân thực là điều thiết yếu để đạt đời sống hạnh phúc và mãn nguyện. Ở tầm mức lớn hơn, trí huệ này có thể giúp chúng ta giải quyết những vấn đề của xã hội.

Trong thời đại này, có nhiều nhà chính trị cho rằng mình rất khôn ngoan, nhưng họ đã đưa đất nước của họ tới bờ vực tai họa, làm cho nhân dân của họ chịu nhiều khốn khổ. Tại sao lại như vậy? Tại vì những nhà lãnh đạo này đã không trừ bỏ những phiền não, những vọng niệm, những phân biệt và chấp thủ của mình. Họ chỉ nghĩ tới quyền lợi bản thân một cách vị kỷ, ngã chấp.

Đức Phật dạy chúng ta đạt trí huệ đích thực bằng cách trước hết thoát ra khỏi những tà kiến của mình. Nếu không có trí huệ này, chúng ta sẽ không hiểu đúng ý nghĩa trong kinh sách Đại Thừa. Nếu có thể buông bỏ tâm vị kỷ thì chắc chắn chúng ta sẽ đạt được ích lợi thực sự. Chỉ khi nào không còn tâm ngã chấp thì chúng ta mới có khả năng nhận xét sự thật vaø sự giả, điều đúng và điều sai, phải và trái, điều lợi ích và điều độc hại. Nếu không phá bỏ những tà kiến của mình thì sẽ không có khả năng đó, Đó là sự giác ngộ đích thực.

Ở mức cao hơn giác ngộ chân chính là "Chánh Đẳng Chánh Giác". Chánh Đẳng là bằng với Phật nhưng chưa thành Phật. Cấp này cao hơn cấp La Hán. Chánh đẳng giác đòi hỏi chúng ta giải trừ một mức độ vô minh và đạt được một mức độ Pháp thân. Ở mức này, tri kiến của chúng ta về cuộc đời và vũ trụ rất gần với tri kiến của chư Phật. Người đạt được chánh đẳng giác thì được gọi là Bồ Tát.

Kinh Hoa Nghiêm nói về bốn mươi một cấp Bồ Tát, tất cả đều có những mức giác ngộ này. Sau khi đã giải trừ trọn vẹn vô minh, hoàn thiện hóa trí huệ và giác ngộ, hành giả đạt giác ngộ viên mãn tức Phật

Khi hiểu ý nghĩa của Phật Giáo, chúng ta sẽ thấy rằng mục đích của thực hành tu tập là đạt trí huệ. Trong Thiền Tông, mục tiêu này được gọi là "minh tâm kiến tánh"(in pursuit of clarity of mind to see into one's self-nature), tức "giác ngộ viên mãn" (Complete Enlightenment). Trong Tịnh Độ Tông, điều này được gọi là "Nhất tâm bất loạn" (One Mind Undisturbed). Tịnh Độ Tông độc đáo ở chỗ chúng ta không chỉ tu tập để đạt nhất tâm bất loạn mà còn để được vãng sinh Tịnh Độ. Các tông phái khác thì dựa vào tự lực để đạt một mục tiêu mà thôi. Pháp môn Tịnh Độ có hai mục tiêu để đạt ngay trong kiếp này.

Người nào quen thuộc với Kinh Vô Lượng Thọ và hiểu ý nghĩa của kinh này sẽ thoát khỏi mọi nghi ngờ. Tên đầy đủ của cuốn kinh này nói lên những mục tiêu của việc tu tập. "Phật nói Kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang nghiêm, Thanh Tịnh, Bình Đẳng, và Giác Ngộ. Thọ mạng vô lượng và sự trang nghiêm là mục tiêu của các hành giả Tịnh Độ. "Vô lượng thọ" hàm ý đức hạnh của chân tính của hành giả. "Trang nghiêm" là trí huệ viên mãn với sự tự tại và mãn nguyện. "Thanh tịnh", "Bình đẳng", và "Giác ngộ" là ba phương tiện thực hành. Khi đạt được một điều thì đạt được cả ba điều này. Trong tất cả các tông phái Phật Giáo, không có phương tiện nào vượt qua ba phương tiện này.

Thiền Tông dùng pháp thức tỉnh để đạt đại giác ngộ, và sự trong sáng nhìn thấy chân tính của mình. Các tông phái khác chú trọng sự hiểu biết chân chánh cho tới khi đạt tri kiến hoàn hảo. Tịnh Độ Tông thì tập trung vào việc tịnh hóa tâm trí. Người có tâm thanh tịnh thì sẽ tự nhiên vô phân biệt và thức tỉnh. Người thức tỉnh thì sẽ tự nhiên có tâm thanh tịnh và vô phân biệt. Những con đường này có thể khác nhau nhưng đều dẫn tới cùng một mục tiêu. Trong Thiền Tông, mục tiêu này được gọi là "minh tâm kiến tánh". Các tông phái dùng những ngôn từ khác nhau nhưng kết quả hai mức trạng thái tâm đạt được là một. Vì vậy, chỉ trích tông phái khác là phi báng Đức Phật cũng như giáo pháp của Ngài. Tất cả những pháp môn này đều do Đức Phật truyền dạy cho chúng ta. Chúng ta hãy chọn một pháp môn nào thích hợp với mình để tu tập và thành tựu. Làm sao chúng ta có thể nói pháp môn này tốt hơn pháp môn kia? Nếu pháp môn mình chọn quá cao sẽ khó thực hành. Một pháp môn cần phải thích hợp và thuận tiện cho lối sống của chúng ta. Pháp môn đòu cũng cần phải khế hợp với xã hội ngày nay, vì chúng ta không thể xa rời xã hội hay người khác. Vậy chúng ta cần phải xét những điều này khi chọn một pháp môn để tu tập.

Tuy nhiên, dù áp dụng pháp môn nào chúng ta cũng cần phải giải trừ ngã chấp và pháp chấp để có thể đạt được lợi ích trong tu tập. Nếu không như vậy thì dù có đặt hết sức lực vào việc hành trì cũng vô ích, giống như nhiều người đã kinh nghiệm. Có những hành giả cảm thấy sau nhiều năm tu tập mình vẫn gần như không thành tựu gì cả. Có khi họ còn cảm thấy mình thua kém hơn lúc chưa tu tập. Hình như càng tu tập họ càng cảm thấy tệ hơn. Tất cả những điều này là do họ đã chọn một pháp môn không thích hợp với mình, cũng giống như ở trường học người ta chọn một môn học không thích hợp với căn cơ hay khả năng của mình, và như vậy sẽ rất khó thành công trong việc học. Chọn đúng môn học thì việc học sẽ dễ dàng hơn và có nhiều cơ hội thành đạt hơn. Tu tập theo Phật giáo cũng vậy, nếu không biết khả năng của mình, chúng ta có thể tự trắc nghiệm. Lấy trường hợp của chính tôi làm thí dụ. Sau khi đọc nhiều kinh điển Đại Thừa tôi đã nghĩ là mình không khả năng thành tựu một chút nào cả. Tôi rất muốn đoạn lìa những ý nghĩ tán loạn, phân biệt và những sự chấp thủ của mình, nhưng tôi không thể thực hiện được việc này. Sau cùng tôi đã chọn pháp môn Tịnh Độ để cố gắng thành tựu. Pháp môn này không đòi hỏi hành giả phải giải trừ hoàn toàn những chướng ngại, chỉ đè nén chúng. Chừng nào có thể đè nén tất cả những phiền não chúng ta vẫn có thể sinh vào Tịnh Độ Tây Phương mang theo những nghiệp quả xấu còn sót lại của mình và nơi đó chúng ta vẫn tiếp tục tu tập và giải trừ cho đến ngày giác ngộ hoàn toàn.

Tôi chọn pháp môn này vì thấy nó rất thích hợp với mình. Trước đó, tôi đã thử Thiền Tông, Mật Tông, và các tông phái khác cũng như thực hành trì giới, nhưng đã không đạt được kết quả nào cả. Vì vậy tôi trở lại với pháp môn Tịnh Độ, toàn tâm thâm nhập pháp môn Niệm Phật trong khi tập trung vào việc giảng thuyết về các kinh Tịnh Độ. Đó là những kinh nghiệm của tôi trong mấy chục năm tu tập.

---o0o---

Chương ba: Biểu tượng học và mỹ học

Sau khi đã hiểu rõ mục đích của Phật giáo, chúng ta sẽ nhìn kinh điển với một nhãn quan khác trước. Kinh điển Phật giáo là một trong những bộ sưu tập văn học lớn nhất thế giới. Tôi tin rằng khi xét tất cả những học thuật, chúng ta sẽ thấy không có học thuật nào vượt qua Phật Giáo. Để còu thể thọ nhận lợi ích từ kinh điển Phật giáo, chúng ta cần phải biết và hiểu ý nghĩa nội dung của những cuốn kinh này, vốn là chân lý của Giáo Pháp. Chân lý của cuộc đời và vũ trụ vạn vật. Cuộc đời, hay nhân sinh, là con người chúng ta. Vũ trụ là môi trường sống xung quanh chúng ta. Nếu cho rằng Phật giáo là những giáo lý trừu tượng, khó hiểu, không ăn nhằm gì tới đời sống hằng ngày thì như vậy là không đúng. Mỗi lời kinh đều liên quan mật thiết tới đời sống hằng ngày của chúng ta. Thêm nữa, kinh điển Phật giáo chắc chắn không phổ biến những điều mê tín dị đoan.

Chúng ta sẽ bắt đầu ở đâu, và như thế nào? Phương tiện truyền dạy giáo lý của Phật giáo có tính cách sáng tạo ở mức độ cao. Từ hai ngàn năm trước Phật giáo đã dùng biểu tượng học và mỹ học để truyền bá giáo lý. Thí dụ, tất cả những danh hiệu và hình tượng Phật đều tượng trưng những đức tính và những tài năng mỹ thuật của con người chúng ta. Tất cả các danh hiệu và hình tượng Bồ Tát đều tượng trưng sự tu luyện của chúng ta, nói lên cho chúng ta biết cách ứng dụng giáo lý trong đời sống hằng ngày và làm hiển lộ những tự tánh của mình.

Theo Phật giáo Đại Thừa Trung Hoa, bốn vị Đại Bồ Tát tượng trưng cho trình tự tu tập và chứng đắc. Thứ nhất là Bồ Tát Địa Tạng. Dù là giáo lý thế gian, hay Phật Pháp, không có gì có thể được thành tựu nếu không có đất sống hay một nơi để cư ngụ. Sự hiện hữu của con người sống không thể tách rời khỏi đất lớn, vì chúng ta nương tựa vào trái đất để tồn tại. Thực phẩm, y phục, đời sống hay công việc, tất cả dựa vào sự sản sinh của đất. Vậy, những kho tàng vô tận ở trong đất là dành cho chúng ta sử dụng. Chữ "địa"

trong danh hiệu Bồ Tát Địa Tạng có nghĩa là tâm trí, và chữ "tạng" có nghĩa là kho tàng.

Giáo lý của Đức Phật dạy chúng ta bắt đầu việc thực hành tu tập ở tâm, vốn là chân tánh bao gồm trí huệ vô lượng và những khả năng đạo đức không khác trí huệ và đức hạnh của chư Phật, Bồ Tát. Tuy nhiên, ngày nay hình như chúng ta đã mất trí huệ và đức hạnh vốn có của mình. Nhưng Đức Phật nói rằng những phẩm tính đó không mất thực sự mà chưa được chúng ta khám phá. Hiện tại, chúng ta đang chìm đắm trong những ý nghĩ tán loạn, phân biệt, và những tham muốn, vì vậy mà chúng ta tạm thời bị mất những khả năng nguyên thủy đó. Bên trong chân tâm thì không có những ý nghĩ xao động nào cả. Nếu tâm trí có những vọng niệm thì đó là giả tâm chứ không phải là chân tâm. Chúng ta vốn đã có chân tâm, vì vậy thực hành tu tập là chỉ để làm hiển lộ chân tâm này. Vậy, mục tiêu đích thực của việc tu tập là tìm kiếm và khai mở kho tàng trong tâm của mình. Phật giáo không tìm cái gì ở bên ngoài mà chỉ tìm cái ở bên trong chân tánh của mình.

Bồ Tát Địa Tạng tượng trưng cho sự hiếu kính, và Kinh Địa Tạng là một bản kinh nói về đạo hiếu, một ý niệm căn bản mà mọi người nên bắt đầu ở chỗ này. Cha mẹ đã hết sức yêu thương chúng ta qua việc các ngài ban cho chúng ta đời sống và nuôi dưỡng chúng ta. Có hiếu và phụng dưỡng cha mẹ tất nhiên là bổn phận căn bản của mỗi người. Chúng ta cần phải chăm lo cho nhu cầu vật chất cũng như đời sống tinh thần của cha mẹ. Thêm nữa, chúng ta cần phải nuôi dưỡng ý nguyện của các vị đối với chúng ta, và đây là bổn phận khó khăn nhất. Cha mẹ muốn con cái của mình thành công trên đường sự nghiệp, có đạo đức, và được thế hệ này cũng như thế hệ sau kính trọng, vì vậy chúng ta phải làm sao để cho cha mẹ hãnh diện về mình, và sự thành tựu vô thượng viên mãn của đạo hiếu là đắc Phật Quả. Chúng ta bắt đầu công trình tu tập ở đạo hiếu và mở rộng lòng hiếu kính của mình để bao gồm toàn thể chúng sinh.

Vị Đại Bồ Tát thứ hai là Quan Âm, tượng trưng cho sự trưởng dưỡng đại bi tâm. Việc dâng cúng Bồ Tát Quan Âm có nghĩa gì? Chúng ta dâng cúng Bồ Tát Quan Âm là để tự nhắc nhở mình phát tâm đại từ bi với tất cả mọi người, giúp đỡ chúng sinh một cách vô điều kiện.

Thứ ba là Bồ Tát Văn Thù, tượng trưng trí huệ và lý trí, nhắc nhở chúng ta rằng trong thực hành tu tập cũng như trong việc cư xử với người khác, chúng ta cần phải thực hiện bổn phận hiếu kính, phải dựa vào trí huệ và lý trí chứ không dựa trên những cảm xúc nhất thời.

Vị Bồ Tát thứ tư là Phổ Hiền, tượng trưng sự thành tâm tu tập, ứng dụng đạo hiểu, từ bi, và lý trí trong đời sống hằng ngày. Khi thành tựu viên mãn đạo pháp của Bồ Tát Phổ Hiền, chúng ta sẽ thành Phật.

Phật giáo dạy chúng ta cách sống hợp với chân lý của cuộc đời và vũ trụ vạn vật, tức là sống một đời sống hoàn hảo và siêu diện giống như đời sống của chư Phật, Bồ Tát. Đó là giáo lý Đại Thừa đích thực, vô thượng và hoàn hảo.

Tu theo Phật Giáo, hành giả phải bắt đầu bằng: 1.- Hiếu kính với cha mẹ, các vị thầy và những bậc trưởng thượng, 2.- Phát tâm đại từ bi, 3.- Trường dưỡng tư duy và trí huệ, 4.- Mở rộng tâm trí

Tuy được xếp theo thứ tự trước sau những những điều này có thể được thực hành cùng một lúc, vì điều này bổ túc cho điều kia. Thí dụ, có hiếu với cha mẹ, bao gồm từ bi, lý trí và trí huệ. Trí huệ bao gồm hiếu kính và từ bi.

Khi đã hiểu tổng quát về Phật Giáo, làm sao để ứng dụng sự hiểu biết này trong sinh hoạt hằng ngày? Trước hết chúng ta cần phải biết mỗi vị Phật và mỗi vị Bồ Tát tượng trưng cho điều gì. Nếu không biết như vậy thì Phật giáo của chúng ta chỉ là một sự mê tín, không mang lại một lợi ích nào cả. Tất cả những bộ kinh Phật giáo đều chứa đựng những phẩm tính, những đặc điểm và những cách tu tập này, vì vậy chỉ cần học một bộ kinh là đủ. Chúng ta cần phải hiểu và biết cách ứng dụng những giáo lý một cách hiệu quả.

Thông thường, ở giữa chánh điện của một ngôi chùa là một pho tượng Phật và hai tượng Bồ Tát, tượng trưng chân tánh và bản thể của mỗi chúng ta. Nếu pho tượng ở giữa là Phật Thích Ca thì hai tượng ở hai bên là Bồ Tát Văn Thù và Bồ Tát Phổ Hiền, tượng trưng trí huệ và phương tiện ứng dụng, sự hiểu biết và sự thực hành, và như vậy là tri và hành hợp nhất. Nếu pho tượng Phật trong chánh điện là Phật A Di Đà tượng trưng chân tánh, hai tượng hai bên là Bồ Tát Quan Âm và Bồ Tát Đại Thế Chí. Bồ Tát Quan Âm tượng trưng đại từ bi. Bồ Tát Đại Thế Chí tượng trưng đại trí huệ. Hai vị là sự phối hợp trí huệ và từ bi biểu trưng cho phẩm tính trong mỗi chúng ta.

Tên của các vị Phật và Bồ Tát có những ý nghĩa giáo dục thâm diệu. Thí dụ, tên của Phật Thích Ca Mâu Ni tức là "Shakyamuni" nói lên những nguyên lý của nền giáo dục Phật Giáo. Thích Ca (Sakya) nghĩa là "năng nhơn", "năng" tức là "năng lực" và "nhơn" nghĩa là "từ bi"; "Mâu Ni" (Muni) nghĩa là "tịch mặc, vắng lặng và thanh tịnh". Hai phẩm tính này được đề cao vì thế gian này thiếu từ bi và thường vị kỷ, tâm thường không vắng lặng, thanh

tịnh, luôn luôn xao động với những tham, sân, si, và ganh tị. bất cứ vị Bồ Tát nào đắc Phật quả trong thế gian này cũng được gọi là Sakyamuni để dạy chúng sinh phương cách giải quyết những vấn đề của mình. Khi ý nghĩa của những bưóc tượng Phật và Bồ Tát được trực nhận bằng cách ngắm những pho tượng này, chúng ta sẽ hiểu trọn vẹn mục đích của Phật Giáo.

Khi bước vào điện thứ nhất của một đạo đường, được gọi là Điện Hộ Pháp, chúng ta sẽ thấy tượng Bồ Tát Di Lặc với bốn vị Hộ Pháp ở giữa điện. Bồ Tát Di Lặc mà ở các nước Tây Phương thường gọi là Phật Phúc Lạc, có nụ cười lớn biểu lộ sự hoan hỷ. Cái bụng lớn của ngài tượng trưng sự bao dung và sự rộng lượng, khuyên dạy chúng ta nên cư xử với người và sự việc một cách hoan hỷ, vô phân biệt, và khoan dung. Bốn vị Hộ Pháp dạy chúng ta cách tự bảo hộ mình.

Hộ pháp Đông Phương tượng trưng sự thi hành bốn phận và nhiệm vụ, dạy chúng ta rằng dù ở địa vị nào chúng ta cũng phải thực hiện nhiệm vụ của mình. Ngài cầm một cây đàn trong tay. Những sợi dây đàn không quá căng, dễ đứt, cũng không quá chùng, tiếng đàn sẽ không hay. Khi đàn được điều chỉnh đúng, tiếng nhạc sẽ du dương. Điều này muốn nói chúng ta cần phải đi theo trung đạo trong việc đối nhân xử thế. Nếu người nào cũng làm tròn nhiệm vụ và bốn phận của mình thì làm sao quốc gia có thể không thịnh vượng được?

Vị Hộ Pháp Nam Phương tượng trưng sự phát triển và sự tiến bộ hằng ngày. Không những mọi việc cần phải được làm đúng mà lại còn phải có sự phát triển liên tục. Tay phải của vị Hộ Pháp này cầm thanh gương trí huệ, tay trái cầm một cái vòng tượng trưng trí huệ hoàn hảo, cho thấy rằng chúng ta cần phải dùng trí huệ trong việc tu tiến. Thanh gương muốn nói rằng cần phải đoạn lìa phiền não để tâm trí được an lạc.

Vị Hộ Pháp Tây Phương tượng trưng sự nhìn bao quát, và vị Hộ Pháp thứ tư, Bắc Phương tượng trưng sự nghe bao quát. Hai vị này dạy chúng ta thấy và nghe cẩn thận hơn, cũng như đọc nhiều kinh sách và đi nhiều nơi để có cái học bao quát, làm công việc hoàn hảo, đạt được những đức tính, và không bới móc những khuyết điểm của người khác. Vị Hộ Pháp Tây Phương tượng trưng sự quan sát bao quát, một tay cầm "Naga", tức là rồng hay rắn thần. Naga là biểu tượng của sự biến dịch, tay kia cầm chuỗi hạt tượng trưng những nguyên lý. Người và sự vật trong trời đất luôn luôn biến đổi. Chúng ta cần phải quan sát rất cẩn thận và kỹ lưỡng những nguyên lý trong nội tâm để có thể kiểm soát "Naga" này. Vị Hộ Pháp Bắc Phương cầm một cái lọng

để che cho chúng ta không bị nhiễm ô. Điều này nhắc nhở cho chúng ta rằng trong một xã hội phức tạp chúng ta cần phải biết cách bảo hộ thân tâm của mình chống lại sự ô nhiễm và hư hoại.

Từ những điều trên chúng ta có thể thấy phương diện mỹ thuật của nền giáo dục Phật giáo quả là tuyệt đẹp. Có điều đáng tiếc là nhiều người coi các vị Hộ Pháp này là những vị thần để thờ phụng, như vậy là hoàn toàn sai lầm.

---o0o---

Chương bốn: Năm sự hướng dẫn thực hành

Ba Điều Kiện: Sau khi thiết lập những Trung Tâm Tịnh Độ Học ở một số quốc gia, chúng ta đặt ra năm sự hướng dẫn cho các hành giả Tịnh Độ. Năm sự hướng dẫn này được rút ra từ năm bộ kinh Tịnh Độ để ứng dụng trong đời sống hằng ngày. Sự hướng dẫn thứ nhất là Ba Điều Kiện được rút ra từ Kinh Quán Vô Lượng Thọ, cung cấp những điều rất quan trọng để làm nền móng cho việc thực hành tu tập. Trong cuốn kinh này Đức Phật nói rằng Ba Điều Kiện là những nguyên nhân tốt để chư Phật ba đời quá khứ, hiện tại, và tương lai tạo thiện nghiệp. Nói cách khác, tất cả những người nào muốn đắc quả Phật đều phải thực hành hoàn hảo những điều này để làm nền móng cho việc tu tập của mình. Vậy chúng ta không thể coi thường Ba Điều Kiện này.

Điều kiện thứ nhất liên quan tới việc tu tạo phước báo của người thế gian cũng như các vị thần ở các cõi trời. Muốn đắc quả Phật hay Bồ Tát, một Phật tử chân chánh phải thực hành các điều sau đây:

1.- Có hiếu với cha mẹ, 2.- Tôn kính Thầy Tổ, 3.- Từ bi, không sát sinh. 4.- Tu mười thiện nghiệp.

Điều Kiện Thứ Hai, bao gồm: 5.- Quy Y Tam Bảo, 6.- Tuân giữ luật pháp, phong tục và các giới điều, 7.- Cư xử đúng đắn và nghiêm chỉnh.

Điều Kiện Thứ Ba, gồm những điều sau đây: 8.- Phát Bồ Đề Tâm, 9.- Thâm tín giáo lý nhân quả, 10.- Tụng đọc và đề cao kinh điển Đại Thừa. 11.- Khuyến khích người khác đi theo con đường Giác Ngộ.

Trước khi tu theo Phật giáo Đại Thừa, chúng ta cần phải phát Bồ Đề Tâm, tức tâm giác ngộ. Nếu quan sát kỹ xã hội, chúng ta sẽ đi tới những kết luận

đáng buồn. Nhìn lại ba mươi năm trước, chúng ta thấy thời đó người ta thường tử tế và hiểu biết hơn, còn người bây giờ thì vị kỷ hơn, chỉ nghĩ tới việc lợi dụng người khác để làm lợi cho riêng mình. Chính tâm ích kỷ đã này tạo ra một thế giới hỗn loạn làm cho cả thời tiết cũng trở nên bất bình thường. Vì vậy, khi phát Bồ Đề Tâm, hành giả nhận thức được rằng thế gian này đầy đau khổ, còn Tịnh Độ Tây Phương là cõi cực lạc. Người ta thức tỉnh thực sự khi tìm cách thoát khỏi và tu tập đạt được an lạc.

Khi thức tỉnh, hành giả cũng phát nguyện giúp đỡ chúng sinh. Quan tâm tới người khác và không ích kỷ nữa. Chúng sinh có nhu cầu cấp thiết nào? Điều quan trọng nhất mà chúng sinh cần phải có là giáo lý của Đức Phật. Vì vậy việc khẩn cấp mà chúng ta phải làm là đào tạo những người có khả năng thuyết giảng để tiếp tục nhiệm vụ truyền bá Phật Giáo. Ngày nay, do sự tiến bộ của ngành in và xuất bản sách, vô số kinh sách đã được phát hành khắp thế giới, nhưng có điều đáng tiếc là ít có người giảng thuyết về kinh điển Phật Giáo. Vì người ta thường hiểu không đúng ý nghĩa của kinh điển nên chúng ta cần những người có khả năng giảng dạy và giải thích kinh sách. Ngày nay, cách tốt nhất làm lợi ích cho người khác là đào tạo giảng sư, giảng viên để dạy giáo lý. Chúng ta hãy thực hiện điều này với tâm bao dung, không chỉ cho riêng một đạo tràng, một khu vực, hay một quốc gia, mà cho toàn thế giới. Nếu chỉ có một nước thịnh vượng, còn những nước khác nghèo nàn, thì họ sẽ ganh tị và thù ghét nước giàu, gây ra tranh chấp. Khi suy nghĩ như vậy làm sao chúng ta có thể sống một cách bình thản được? Nếu mọi người đều thịnh vượng thì tất cả sẽ có hòa bình và hạnh phúc.

Khi có nhiều giảng viên giúp người khác hiểu rõ những nguyên tắc trong giáo lý của Đức Phật, đến lượt những người đó sẽ dần dần giúp những người khác xuyên phá màn vô minh, thoát khổ và đạt hạnh phúc. Đây là cách ích lợi nhất để chúng ta thực thi Bồ Đề Tâm và Bồ Tát hạnh.

Thâm tín luật nhân quả không chỉ là sự tin rằng "cái gì phải tới sẽ tới". Ý nghĩa sâu xa ở đây là: "Ghi nhớ rằng Phật A Di Đà là nhân, và thành Phật là "quả". Đối với hành giả Tịnh Độ thì việc tụng đọc và đề cao kinh điển Đại Thừa có thể được thành tựu chỉ bằng cách tụng Kinh Vô Lượng Thọ. Một hành giả có thể đạt sự thuần thục một pháp môn bằng cách tập trung tâm trí vào một cuốn kinh độc nhất. Nếu thấy một bộ Kinh Vô Lượng Thọ không đủ, chúng ta có thể tụng đọc thêm bốn bộ kinh khác và một bộ chú giải của Tịnh Độ Tông. Sáu cuốn này là quá đủ. Chỉ cần để cho ý tưởng này bám rễ và lớn mạnh. Sau cùng, chúng ta khuyến khích người khác cùng thực hành

để đạt giác ngộ. Vậy, ba phần đầu của Điều Kiện Thứ Ba là làm lợi ích cho bản thân, còn phần thứ tư là dành những lợi ích mà mình đã đạt được cho mọi người khác, giúp họ hiểu, thực hành, và đạt thành tựu trên đường đạo tu tập theo Phật Giáo.

Lục Hòa: Ba Điều Kiện nói ở trên là phần thứ nhất của Năm Sự Hướng Dẫn căn bản cho việc thực hành pháp môn Tịnh Độ. Chúng ta chưa thành Phật và cũng chưa rời bỏ thế gian này. Ngay cả khi thành Phật chúng ta cũng không bỏ lại tất cả ở phía sau, vì chư Phật đều muốn cứu độ chúng sinh khắp mười phương.

Làm sao để sống hòa hợp với mọi người? Đức Phật đặt ra sáu nguyên tắc sống hòa hợp, tức Lục Hòa, cho chúng ta làm theo. Lục Hòa không những có thể được ứng dụng trong cộng đồng Phật giáo mà còn có thể được ứng dụng trong tất cả những tổ chức khác.

Điều thứ nhất trong Lục Hòa là có cùng ý kiến, hay Kiến hòa. Mọi người trong nhóm có cùng ý kiến với nhau, làm nền móng vững chắc cho việc sống hòa hợp với nhau. Nếu có sự bất đồng ý kiến trong nhóm thì chắc chắn sẽ có sự tranh chấp, không còn sự hòa hợp nữa. Vậy, có ý kiến hòa hợp là điều rất quan trọng.

Điều thứ nhì trong Lục Hòa là cùng nhau tuân theo những giới điều chung, hay Giới Hòa. "Giới" có nghĩa hẹp và nghĩa rộng. Nghĩa hẹp là năm giới hay mười giới của Phật tử tại gia, những giới điều của các Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, giới điều của bậc Bồ Tát và giáo lý của Đức Phật. "Trì Giới" theo nghĩa rộng là làm theo phép lịch sự, phong tục, và pháp luật của mọi xứ trên thế giới.

Ngày nay, do sự tiến bộ kỹ thuật trong ngành truyền thông, tầm hoạt động của chúng ta không chỉ giới hạn trong một quốc gia mà đã mở rộng ra những nước khác. Khi đi tới xứ khác để du lịch, công tác hay thăm viếng người thân, chúng ta cần phải tôn trọng tập quán và luật pháp địa phương để sống hòa hợp với người ở xứ đó. Vậy, tuân theo giới điều Phật giáo thì cũng làm theo tập quán và luật pháp quốc gia. Chính phủ nào cũng hoan nghênh những người dân biết trọng pháp luật, vì vậy tuân theo giới luật là một cách biểu dương và làm lợi ích cho Phật Giáo. Với Giới Hòa làm căn bản, người ta có thể sống hòa hợp và cùng thực hành tu tập với nhau. Khi sống cùng với nhau và lại có cùng ý kiến thì tự nhiên mọi người trong nhóm sẽ không có một sự tranh chấp nào cả? Một cộng đồng tu tập với cùng một mục tiêu,

cùng nhau đạt thành tựu mỗi ngày thì chắc chắn cộng đồng đó sẽ được an lạc.

Điều cuối cùng trong Lục Hòa là chia sẻ lợi ích một cách hòa hợp với nhau, hay Lợi Hòa. Tăng Đoàn không chỉ có nghĩa là một cộng đồng tăng sĩ. Đối với Phật tử tại gia, một gia đình cũng có thể thực hành tu tập cùng với nhau theo Lục Hòa để làm thành một tăng đoàn. Cả trong một công ty, mọi người từ chủ nhân cho tới nhân viên cũng có thể thực hành Phật Pháp và làm thành một tăng đoàn. Vậy, tăng đoàn có ý nghĩa rất rộng. Ở trong một tăng đoàn, chúng ta cùng chia sẻ lợi ích với nhau. Đối với người xuất gia thì điều này có nghĩa là mọi người trong đoàn thể có cùng một lối sống, từ vị sư trưởng cho đến người không có trách vụ chính thức trong cộng đồng, và không có đặc quyền đặc lợi nào cả.

Chúng ta nên sống theo Lục Hòa để có thể sống hòa hợp với mọi người. Khi ở cùng với những tổ chức hay những đoàn thể khác, dù họ có sống theo Lục Hòa hay không, bản thân chúng ta cũng cần phải cư xử theo tinh thần của Lục Hòa để tuân theo những lời dạy của Đức Phật.

Chư Phật, Bồ Tát là những khuôn mẫu tốt nhất của chúng ta, và chúng ta cũng phải trở thành những khuôn mẫu tốt cho những người ở ngoài Phật Giáo. Đây là tinh thần của Phật Giáo, tức là dùng hành vi của chính mình để gây ảnh hưởng và làm lợi ích cho người khác, và do đó, biểu dương Phật Giáo. Chúng ta không dạy bảo người khác, mà chỉ để cho họ quan sát chúng ta. Như vậy hành vi và lối sống hằng ngày của chúng ta có thể tự nhiên gây ảnh hưởng và làm lợi ích cho người khác, cũng giống như chư Phật, Bồ Tát thị hiện ở thế gian này để giáo hóa chúng sinh.

Tam học: Sự hướng dẫn thứ ba là Tam Học tức ba môn học: giới luật, thiền định, và trí huệ. Tam học bao gồm tất cả những giáo lý của Phật Thích Ca và chư Phật quá khứ, hiện tại, và tương lai. Đại Tạng Kinh gồm ba phần: kinh, luật, và luận. Kinh bao gồm những giáo lý về thiền định. Luật bao gồm những nguyên tắc về giới luật. Luận bao gồm những giáo lý về trí huệ. Tam Học giới, định, huệ là cốt tủy của Phật Giáo.

Giới luật là những luật lệ được quy định cho các Phật tử tại gia và xuất gia. Trái đất có bốn mùa thay đổi là Xuân, Hạ, Thu, Đông. Chúng ta cần phải có những luật lệ để cư xử đúng đắn với người và sự vật, do đó làm cho mọi người trong xã hội được hưởng đời sống an lạc và mãn nguyện. Một thế giới không có luật pháp và trật tự thì đó là một thế giới hỗn loạn. Dù có may mắn

và nhiều tiền của, chúng ta vẫn có thể không hạnh phúc, sống trong lo sợ và sự bất an. Tại sao? Tại vì chúng ta đã buông bỏ luật pháp và trật tự. Giới luật trình bày thấu đáo những nguyên tắc, những phương pháp, và mức tâm trí mà chúng ta cần phải có để mang lại trật tự và an lạc. Tam Học trình bày rõ ràng ý niệm này. Chúng ta thực hành giáo lý của Đức Phật là để đạt trí huệ vô thượng. Khi đã khám phá trí huệ nội tâm này, chúng ta sẽ biết chân lý của cuộc đời và vũ trụ, và cũng biết cách khôi phục lại những khả năng vốn có từ khởi thủy của mình.

Đức Phật dạy rằng chúng sinh đều có trí huệ và đức tính của một vị Phật. Trí kiến về hiện tại, quá khứ, và tương lai là một phần quan trọng trong khả năng nguyên thủy của chúng ta, nhưng không may là chúng ta đã bị vô minh che phủ. Vô minh xuất hiện khi tâm trí không an tĩnh, còn tâm giác ngộ thì không chịu một ảnh hưởng nào cả. Khi sáu giác quan tiếp xúc với ngoại cảnh, tâm trí của chúng ta sẽ xao động, phát sinh những ý nghĩ tán loạn.

Đức Phật đã dạy vô số pháp môn để thực hành để được an tĩnh trong mọi hoàn cảnh, không sinh ra những vọng niệm phân biệt hay chấp thủ, và do đó tái khám phá những khả năng nguyên thủy của mình. Trạng thái tâm an tĩnh này là thiền định. Tu tập tức là điều chỉnh những ý nghĩ, lời nói, và hành vi sai lầm của mình, nhưng chúng ta tu tập theo những tiêu chuẩn nào? Đó là giới luật và thiền định. Giới luật là tiêu chuẩn bên ngoài, trì giới là tiêu chuẩn bên trong, còn thiền định thì là tiêu chuẩn để đạt tâm thanh tịnh. Tiêu chuẩn bên ngoài là quan trọng, nhưng tiêu chuẩn bên trong còn quan trọng hơn nhiều, vì nó giúp chúng ta thành tựu trong việc thực hành tu tập đạt trí huệ.

Với sự trì giới, chúng ta sẽ đạt trạng thái thiền định phát sinh trí huệ. Trí huệ hoàn hảo tối hậu này được gọi là "Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác". Làm sao để đạt tri kiến đúng, rồi tri kiến đúng và bình đẳng và sau cùng là tri kiến hoàn hảo? Ba mức thành tựu này tùy thuộc vào lực thiền định, hay trình độ thanh tịnh của tâm trí. Là Phật tử, chúng ta thực hành tu tập là để đạt Giác Ngộ Viên Mãn. Nếu xa rời giới luật và sự thanh tịnh, sẽ không bao giờ đạt được kết quả. Dù hành trì bất cứ pháp môn nào, như Niệm Phật A Di Đà, trì giới, trì chú hay thiền định, nếu không làm theo những điều hướng dẫn này thì chúng ta không thể đạt được sự định tâm, nếu có cũng chỉ là những món trang trí bên ngoài mà thôi.

Sáu Ba La Mật: Sự hướng dẫn thứ tư là Sáu Ba La Mật tức sáu hạnh hoàn hảo của bậc Bồ Tát. Mỗi hạnh bao gồm tất cả lối sống của chúng ta. Thí dụ,

Ba La Mật thứ nhất là Bồ Thí. Người ta thường cho rằng bồ thí chỉ có nghĩa là cho tiền bạc. Thực ra cho tiền bạc chỉ là một trong vô số loại bồ thí. Nhìn bên ngoài thì bồ thí là sự hy sinh vì người khác, nhưng tính chất thật của bồ thí là sự xả ly, hay buông bỏ.

Chúng ta có thể bồ thí của cải hay sức khỏe của mình. Thí dụ, một người nội trợ giữ cho ngôi nhà của mình là chỗ ở tiện nghi cho gia đình. Nếu không hiểu biết đúng thì người nội trợ có thể cảm thấy những công việc hằng ngày như giặt quần áo, nấu ăn là nhàm chán. Nhưng nếu người nội trợ hiểu ra rằng mình đang tu tập Bồ Tát đạo bằng việc thực hành Sáu Ba La Mật thì người đó sẽ vui mừng ngay. Làm một việc gì đó cho người khác với tâm xả ly, không chấp thủ thì đó là thực hành hạnh bồ thí hoàn hảo. Một người nội trợ giỏi không những phục vụ gia đình của mình mà còn làm gương cho tất cả những người trong gia tộc cũng như những người láng giềng, và như vậy mọi người đều được lợi ích. Một gia đình như vậy là gia đình kiểu mẫu cho mọi gia đình. Dù trông coi một tiệm tạp hóa hay quản lý một doanh nghiệp, làm khuôn mẫu cho người khác noi theo chính là thực hành Bồ Tát Đạo vì lợi ích của chúng sinh. Hạnh Bồ Thí Ba La Mật có thể được mở rộng để bao trùm toàn thể vũ trụ và các cõi. Với tâm quảng đại này người ta sẽ là một vị Bồ Tát Đại Thừa.

Bồ thí có ba loại: tài thí, pháp thí và vô úy thí (wealth, teaching and fearlessness). Bồ thí tài vật gồm bồ thí bên trong và bồ thí bên ngoài. Bồ thí bên trong là dùng công sức tâm trí và thể xác của mình làm lợi ích cho người khác. Bồ thí bên ngoài là hiến tặng những thứ như tiền bạc, thực phẩm, v.v... Bồ thí tài vật sẽ có kết quả tốt là được hưởng tài vật về sau. Bồ thí pháp là sẵn lòng truyền đạt những kiến thức của mình cho người khác, và không giấu giếm một chút nào cả. Bồ thí pháp là làm hết sức để truyền dạy cho những người muốn học với mình. Kết quả tốt của việc bồ thí pháp là chúng ta sẽ đạt được sự thông minh và thông tuệ. Vô úy thí là giải tỏa sự lo sợ của người khác và làm cho họ cảm thấy an tâm. Quả tốt của việc bồ thí vô úy là có sức khỏe, trường thọ và thân tâm được tự tại. Đa số người ta đều muốn giàu có, thông minh, trí huệ, sức khỏe, sống lâu và an lạc. Khi người ta tạo nghiệp tốt thì quả báo tốt sẽ tới với mình. Muốn được hưởng quả tốt thì trước hết phải gieo nhân lành. Do thực hành tài thí, pháp thí, và vô úy thí chúng ta sẽ được hưởng tất cả những nghiệp quả tốt này.

Khi quan sát cẩn thận chúng ta sẽ thấy rằng không có bao nhiêu người đạt được tất cả những điều mình mong ước. Có những người chủ giàu có nhưng không thông minh, tuy nhiên lại có những nhân viên thông minh và khôn

ngoan ở dưới quyền họ, làm theo lệnh của họ. Những nhân viên thông minh và khôn ngoan này đã gây dựng trí huệ trong những kiếp trước, nhưng đã không tu tạo phước báo. Ngược lại, các chủ nhân thì vun bồi phước báo nhưng không tu tạo trí huệ. Nhân và quả rất phức tạp và rất khó phân biệt. Vậy, khi dùng những nguyên tắc của Phật giáo để quan sát xã hội, chúng ta sẽ biết cách hành xử trong tương lai.

Thật ra, trí huệ đích thực quan trọng hơn là phước báo. Của cải là phước báo, nhưng chúng ta phải có trình độ trí huệ cao để biết dùng và phân phối tài sản của mình đúng cách. Nếu không có trí huệ, sự sở hữu của cải có thể đưa chúng ta tới chỗ tạo nghiệp xấu mà lại tưởng là mình đang làm những việc tốt. Nếu không có trí huệ, chúng ta sẽ không thể phân biệt thật giả, đúng sai, phải trái, lợi và hại. Chúng ta vẫn thường không biết đến những sai lầm của mình.

Tất cả những nguyên tắc này được trình bày rất rõ ràng trong "Liễu Phàm Tứ Huấn". Trong điều tốt và điều xấu có sự thật và giả dối, một nửa và trọn vẹn, đúng và sai. Nhìn bên ngoài, một việc có vẻ là nghiệp tốt nhưng do có sự biến đổi tính chất sau đó, có thể là một nghiệp xấu. Ngược lại, một việc có vẻ là nghiệp xấu nhưng đó lại là một thiện nghiệp. Vì vậy, chúng ta cần phải có sự tinh tế để hiểu hệ quả của tất cả những việc làm tốt hay xấu, chứ không xét theo vẻ bên ngoài ban đầu của chúng. Chúng ta cần phải có mức trí huệ cao để có thể hiểu sâu xa và có khả năng nhận ra chân lý.

Ba La Mật thứ nhì là Trì Giới, vốn có nghĩa rộng. Chúng ta làm theo lời dạy của Đức Phật, và tuân hành luật pháp của một quốc gia, Mọi luật lệ cần phải được làm theo trong tinh thần cũng như trong văn tự.

Ba La Mật thứ ba là Nhẫn Nhục, là sự kiên nhẫn lâu bền trong hành xử với người và sự việc. Như Đức Phật đã giảng giải trong Kinh Kim Cương, vạn pháp đều có thể đạt được do nhẫn nhục và chịu đựng. Để thành công trong pháp thế gian hay pháp xuất thế gian, chúng ta phải có nhẫn nhục, nếu không thì khó thể đạt thành tựu. Có sự nhẫn nhục để chịu đựng những gì người khác không thể chịu đựng, chúng ta sẽ đạt được những gì người khác không thể đạt được. Chỉ khi đó chúng ta mới thành tựu được những việc lớn.

Ba La Mật thứ tư là Tinh Tấn. Tinh tấn là tập trung vào sự tu tập hằng ngày, không tìm cách tiến theo nhiều hướng khác nhau. Tu tiên với sự tinh tấn một mức nào đó, chúng ta sẽ đạt được trạng thái thiền định.

Ba La Mật thứ năm là Thiên Định, thiên ở đây có nghĩa là tham thiền với thế ngồi hoa sen, quay mặt vào vách. Thiên định là nhiếp phục được tâm trí của mình, không chịu ảnh hưởng bởi ngoại cảnh. Điều này phù hợp với Kinh Kim Cương, tức là không xao động và không bị tác động bởi bất cứ một hiện tượng nào. Không chấp thủ một hiện tượng nào có nghĩa là không chịu sự cám dỗ từ những ảnh hưởng bên ngoài. Chúng ta đạt sự định tâm khi không bị lay động bởi tất cả những hiện tượng, thí dụ như sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật, phức tạp mà sáng chói đối với mắt nhìn của chúng ta. Trông thấy rõ tất cả và biết tất cả thì đó là trí huệ trực giaùc tức trí huệ Bát Nhã (Ba La Mật thứ sáu là Trí Tuệ) Như vậy, chúng ta sẽ sống một cách an lạc và giải thoát.

Mười Đại Nguyên Cù của Bồ Tát Phổ Hiền: Sự hướng dẫn thứ năm và cuối cùng là Mười Đại Nguyên của Bồ Tát Phổ Hiền. Bồ Tát Phổ Hiền không giống bất cứ một vị Bồ Tát nào khác, vì tâm trí quảng đại của ngài. Mọi ý nghĩ của ngài đều hướng về sự cứu độ chúng sinh. Ngài không nghĩ đến bản thân, gia đình, xứ sở, hay thế giới, mà nghĩ đến vũ trụ các cõi, đạt tới sự hoàn hảo đích thực. Với tâm quảng đại này, tất cả những gì ngài làm đều vĩ đại. Tu theo Phật giáo có nghĩa là tin tưởng, thông hiểu, tu tập, và chứng đắc. Trước hết, chúng ta cần phải có niềm tin kiên cố, nếu không chúng ta sẽ không thể tiếp nhận những giáo lý của Đức Phật. Không dễ gì có niềm tin vững chắc, vì nó tùy thuộc vào nhân duyên. Trong Phật Giáo, nhân duyên hay những điều kiện là: caên cơ tốt, phước báo, công đức, đức hạnh, và nguyên nhân. Nếu không có những điều này thì sẽ rất khó được niềm tin không lay chuyển. Thứ hai, chúng ta phải tin tưởng vào Đức Bổn Sư Phật Thích Ca, vì biết rằng ngài không lừa dối chúng ta. Chúng ta cũng cần phải tin rằng những gì các vị thầy tổ truyền dạy đều là sự thật. Tuy nhiên, chỉ tin tưởng không thôi thì chưa đủ.

Một điều cũng quan trọng là chúng ta phải có sự hiểu biết đúng và hoàn hảo. Sau khi hiểu giáo lý, chúng ta cần phải ứng dụng thực hành những nguyên tắc, những pháp môn, và những mức chứng đắc của Phật giáo trong sinh hoạt hằng ngày. Sau cùng, chúng đắc là chứng minh trong đời sống hằng ngày rằng tất cả những giáo lý cũng như sự hiểu biết của chúng ta là đúng.

Một hiện tượng đáng buồn trong Phật giáo là người ta không hiểu tính chất thật và ý nghĩa của những nghi thức. Một đạo sư Mật Giáo là Ông Nian Chu Huang đã nói rất rõ ràng trong bộ số giải Kinh Vô Lượng Thọ rằng: "Lễ quán đảnh là một sự gia hộ từ bi. Nghi thức quán đảnh tượng trưng sự truyền vào hành giả những giáo lý thâm diệu của Đức Phật".

---o0o---

Chương năm: Tịnh Độ Tông

Ngày nay, khi tu tập theo pháp môn Tịnh Độ, chúng ta có ý thức rằng Kinh Vô Lượng Thọ là một bộ kinh rất quan trọng, và là Pháp vô thượng. Truyền bá Kinh Vô Lượng Thọ và Kinh A Di Đà cho người khác là mang lại cho họ một lễ quán đảnh lớn. Một lần tụng kinh này là một lần nhận được sự gia hộ của chư Phật mười phương. Hai lần tụng là hai lần được gia hộ. Vì vậy, chúng ta cần phải hiểu phương pháp thực hành bắt đầu từ căn bản Ba Điều Kiện.

Như đã nói, điều kiện thứ nhất là hiếu kính với cha mẹ và các vị thầy của mình, từ bi không sát sinh, và làm mười điều lành. Việc tu tập bắt đầu từ đây. Nếu chúng ta nghĩ rằng mình không thể làm tròn những điều này thì dù có tu tập bao nhiêu chúng ta cũng không đạt được một kết quả nào cả. Chúng ta cần phải thành tâm thi hành và thành tựu những điều kiện này, nếu không thì không thể đạt những lợi ích của Phật Giáo.

Cuối cùng chúng ta quy y pháp môn Tịnh Độ. Tại sao? vì chư Phật khuyên chúng ta làm như vậy. Trong Kinh A Di Đà, chư Phật sáu phương đều ca tụng Tịnh Độ. Trong Kinh Vô Lượng Thọ, Phật Thích Ca tán tụng Phật A Di Đà, vị Phật đáng tôn kính nhất, có hào quang sáng nhất và là vua của chư Phật. Khi quy y một vị Phật, chúng ta sẽ chọn vị Phật nào? Phật Thích Ca không bảo chúng ta quy y ngài mà hãy quy y Phật A Di Đà vì ngài là Phật Vô Thượng của chư Phật.

Trong Kinh Hoa Nghiêm, cả hai Bồ Tát Văn Thù và Phổ Hiền đều muốn được sinh vào Tịnh Độ Tây Phương. Nếu Tịnh Độ Tây Phương không có gì đặc biệt thì tại sao hai vị Bồ Tát của cõi Hoa Tạng này lại muốn tái sinh vào đó? Kinh Vô Lượng Thọ giải thích lý do chúng ta muốn niệm Phật A Di Đà và sinh vào Tịnh Độ. Nếu chúng ta tụng Kinh Vô Lượng Thọ thường xuyên và nghe thuyết pháp về kinh này chúng ta sẽ hiểu và tu tập sâu xa hơn.

Nếu chúng ta không muốn mất nhiều thời giờ và sức lực để tìm hiểu chân lý sự sống và vũ trụ thì làm theo những giáo lý trong kinh này cũng đủ và cũng có kết quả. Tại sao? Vì trong tương lai, sau khi sinh vào Tịnh Độ, trí huệ, đức năng, và phước báo của chúng ta sẽ bằng với phẩm tính này của Phật A Di Đà. Lúc đó chúng ta sẽ thông hiểu chân lý của cuộc đời và vũ trụ. Vậy như các Thầy Tổ thường nhắc, pháp môn Tịnh Độ là con đường tắt dẫn tới

Giác Ngõ Vô Thượng - Với những pháp môn khác, chúng ta sẽ phải đi đường vòng để đạt giác ngộ. Tái sinh vào Tịnh Độ là con đường tắt giúp chúng ta đạt Giác Ngộ ngay trong kiếp này. Vậy, chúng ta biết rằng pháp môn này là độc đáo và siêu thắng hơn hết. Chư Phật, Bồ Tát và chư Tổ ca tụng pháp môn này. Đây là một cơ hội hiếm có cho chúng ta gặp được trong kiếp này. Như câu mở đầu trong các kinh đã nói: "Khó gặp trong vô số đại kiếp". Đã gặp trong kiếp này mà lại bỏ qua thật là đáng buồn và đáng tiếc cho chúng ta. Một pháp môn tốt và hiếm có như vậy trong vô số đại kiếp thì chúng ta cần phải nắm chặt, không buông bỏ, phải học và thực hành một cách chân thành. Nếu làm được như vậy, kết quả giác ngộ và giải thoát đang nằm trong tầm tay của chúng ta.

---o0o---

Quyển 3 - Quy Y Tam Bảo

(Giảng tại Singapore 1992)

Các bạn đồng tu thân mến, hôm nay chúng ta sẽ làm lễ quy y Tam bảo Phật, Pháp, Tăng. Tôi muốn làm sáng tỏ ý nghĩa của quy y Tam bảo, vì đã có nhiều hiểu lầm trong thời đại này. Để đạt lợi ích thực sự, chúng ta phải giải quyết những sự hiểu lầm này.

Phật Giáo là gì? Phật Giáo có phải là một tôn giáo hay không? Phật Giáo không phải là một tôn giáo, mà là một nền giáo dục thâm diệu và tốt nhất, dựa trên bốn mươi chín năm giáo hóa chúng sinh của Đức Phật. Tôi nhớ là vào năm 1923, Ông Jing-Wu-Ou-Yang đã diễn thuyết ở Đại Học Trung Sơn với đề tài "Phật Giáo không phải là một Tôn giáo hay Triết lý mà là một sự thiết yếu cho thế giới ngày nay" (Buddhism is Neither a Religion, nor a Philosophy, but the Essential of the Modern World). Bài diễn thuyết này là một sự xuyên phá đầy ý nghĩa làm chấn động giới Phật Giáo Trung Hoa lúc ấy.

Phật Giáo là một nền giáo dục, nhưng mục tiêu, phương pháp, và nguyên tắc của nền giáo dục này chính xác là gì? Mục tiêu giáo dục của Phật Giáo là giúp chúng sinh hiểu sự thật của Pháp, tức Dharma, vốn được định nghĩa là (1) lời dạy của chư Phật, (2) nhiệm vụ, quy luật và chủ thuyết, hay (3) sự vật hiện tượng, vạn vật. Nói một cách đơn giản, Pháp là chỉ cho những nguyên nhân tạo ra mọi hiện tượng của đời sống và vũ trụ. Đời sống là nói về bản

thân chúng ta, còn vũ trụ là môi trường sống của chúng ta. Vậy, nội dung giáo dục của Phật Giáo hướng dẫn chúng ta hiểu rõ chính mình và môi trường sống của mình.

Ngày nay, hệ thống giáo dục phổ thông chỉ tạo một sự hiểu biết không trọn vẹn về vũ trụ, vốn vẫn là một bí mật. Hơn nữa chúng ta vẫn còn thảo luận và nghiên cứu phần được hiểu biết giới hạn này, chưa thể rút ra những kết luận chính xác. Có điều không may mắn là các tôn giáo cũng không thể cung cấp những lời giải thích bao quát và thỏa đáng về cuộc đời như moät toàn thể, mà chỉ giới hạn vào một phần của chân lý. Vì vậy, nội dung giáo dục thâm diệu và rộng lớn của Phật giáo là điều thiết yếu cho toàn thể chúng sinh.

Không gian sống của chúng ta không giới hạn trong một thành phố, một xứ sở, hay cả trái đất. Ở ngoài không gian vũ trụ là những thiên hà bao gồm vô số những hành tinh có những sinh vật cao cấp thông minh hơn loài người rất nhiều. Tất cả những thiên hà này cũng là môi trường sống của chúng ta. Thêm nữa, ngoài chiều không gian còn có chiều thời gian, kéo dài từ quá khứ, qua hiện tại, tới tương lai. Vậy, môi trường mà chúng ta sống bao gồm một cấp không gian và thời gian bất tận.

Nền giáo dục phổ thông hiện tại không xét tới không gian và thời gian sống bất tận này. Triết lý Khổng giáo đáng kính trọng cũng chỉ nói về đời sống trong một kiếp, từ lúc sinh ra cho đến lúc từ giã cõi đời và sau cùng đến liên hệ giữa cá nhân và tổ tiên. Giáo lý Khổng giáo rất ít nói đến quỹ thần tức sinh linh thuộc những cõi khác mà chỉ chú trọng cách hành xử của người có danh dự. Tương phản với Khổng giáo, Phật Thích Ca trình bày một cách rõ ràng và chính xác về bốn cõi thánh :Phật, Bồ Tát, Duyên Giác, và Thanh Văn, và sáu cõi phàm: Thiên, Nhơn, Atula, Địa ngục, Ngạ quỷ và Súc sanh. Mười cõi này là những mức độ giác ngộ khác nhau. Thí dụ, các vị Phật có tâm giác ngộ tối thượng, còn chúng sinh trong địa ngục thì vô minh tận cùng. Mười cõi này là không gian sống của chúng ta nên ta cần phải hiểu rõ.

Khi đã hiểu sự thật của đời sống và vũ trụ, thì ý nghĩ, quan điểm, lời nói và hành vi của chúng ta sẽ tự nhiên khác trước. Trước kia tâm vô minh và tà kiến đã làm cho chúng ta hành động sai lầm, tạo nghiệp ác qua thân, khẩu, ý, và sẽ chịu quả xấu trong tương lai. Theo luật nhân quả thì sự tạo nghiệp sẽ sinh ra hệ quả tất yếu, nghiệp tốt sinh ra quả tốt, nghiệp xấu sinh ra quả xấu. Không phải bất cứ một thần linh nào, mà mỗi cá nhân đã tạo ra phần số của chính mình; không có ai khác có thể nhận gánh đùm nghiệp quả của mình.

Chúng ta có thể thấy rằng sự thông hiểu chân lý đời sống và vũ trụ sẽ mang lại lợi ích vô tận cho chúng ta. Khi hiểu và tin tưởng vững chắc vào luật nhân quả, chúng ta sẽ không tạo nghiệp xấu nữa. Nếu không tạo thêm nghiệp nào nữa thì chúng ta sẽ không phải chịu nghiệp quả bất hạnh và do đó sẽ chúng đạt được điều mà Đức Phật thường nói trong các kinh là vượt thoát mười cõi. Xét theo luật nhân quả thì bốn cõi thánh là kết quả của quá trình tinh tấn tu tập và thành tựu, còn sáu cõi phàm là hệ quả của quá trình tạo nghiệp thiện và nghiệp ác. Sáu cõi luân hồi có thể được chia thành ba cõi tốt là các cõi của Trời, Người và Atula, ba cõi xấu của chúng sinh là ở địa ngục, quỷ đói và súc sinh.

Khi hiểu về nghiệp và nghiệp quả, chúng ta sẽ không tạo nghiệp nữa, hay ít nhất thì cũng không tạo những nghiệp xấu. Do ứng dụng những ý niệm nói trên, trong đời sống hằng ngày, chúng ta sẽ đạt được những gì mà mọi người hằng mong ước: đời sống hạnh phúc, gia đình hòa thuận, sự nghiệp thành công, xã hội yên ổn, quốc gia thịnh vượng, và thế giới hòa bình. Chỉ có nền giáo dục của Đức Phật mới có thể cung cấp trọn vẹn giải pháp cho việc mưu cầu chân hạnh phúc của loài người. Khi hiểu rõ điều này, chúng ta sẽ nhận thấy rằng nền giáo dục Phật giáo là thiết yếu cho tất cả mọi người, vì nền giáo dục này bao gồm không gian và thời gian vô tận nên nó vượt lên trên những sự dị biệt giữa quốc gia, chủng tộc, tôn giáo, và quan điểm chính trị. Nói cách khác, nền giáo dục này dành cho chúng sinh trong chín cõi ở dưới cõi Phật.

Trong kinh điển có một số thí dụ về những tín đồ của các tôn giáo khác nhau học giáo lý của Đức Phật trong thời của ngài. Kinh Hoa Nghiêm và Kinh Địa Tạng kể về một người Bà La Môn và con gái của một người Ba La Môn do tin theo Phật Giáo đã đắc quả Bồ Tát. Từ những thí dụ này chúng ta thấy rằng quả nhiên nền giáo dục của Đức Phật vượt lên trên những tín ngưỡng tôn giáo và bất cứ tín đồ của tôn giáo nào cũng có thể thọ hưởng lợi ích của Phật Giáo.

Hệ thống giáo dục do Đức Phật thiết lập tương tự nền giáo dục của chúng ta ngày nay. Thí dụ, quả La Hán tương đương với bằng cấp cử nhân, Bồ Tát tương đương với tiến sĩ... Tín đồ của bất cứ tôn giáo nào cũng có thể đạt được những cấp độ giác ngộ này. Có cần phải bỏ tôn giáo của mình để học Phật Học và đạt giác ngộ hay không? Chắc chắn không cần, vì cũng giống như một người đi tới trường học hay học ở nước ngoài để theo đuổi kiến thức và thăng tiến không cần phải thay đổi quốc tịch hay tôn giáo. Nói cách khác, mục đích của sự học không tương tranh với quốc tịch, tôn giáo, v.v...

Vậy Phật Giáo là một nền giáo dục. Những danh hiệu như La Hán, Bồ Tát, không là gì khác hơn những danh hiệu "bằng cấp". Không xét tới những khác biệt giữa mọi người, chúng ta sẽ đều đạt được những đẳng cấp này nếu tinh tấn thực hành giáo lý. Vậy, lễ quy y Tam Bảo là sự ghi danh chính học ở một trường học nơi Đức Phật dạy mục tiêu, phương pháp, và nguyên tắc đạt giác ngộ.

Vì Đức Phật là người thiết lập Phật giáo nên chúng ta công nhận ngài là Thầy Bổn Sư của mình. Sự thật là tất cả Phật tử chỉ có một vị thầy là Đức Phật. Các vị Bồ Tát như Văn Thù (tượng trưng trí huệ), Phổ Hiền (tượng trưng đại nguyện), và Quan Âm (tượng trưng từ bi) đều là những đệ tử lúc ban đầu của Đức Phật. Các vị Bồ Tát này là bạn đồng môn của chúng ta, là những huynh trưởng đã theo học trước chúng ta, còn chúng ta thì là những người mới theo học. Các vị Phật, Bồ Tát, và La Hán là những huynh trưởng có khả năng dạy chúng ta. Các ngài không phải là những đối tượng để thờ phụng mà là những người đáng kính trọng và xứng đáng cho chúng ta noi gương.

Mục tiêu tối hậu của nền giáo dục Phật Giáo là gì? Kinh điển dạy rằng đó là Anutara-Samyah-Sambodhi, được phiên âm là A nậu đa la Tam miệu Tam Bồ Đề, một từ ngữ Sanskrit có nghĩa là Vô Thượng Chắng Đẳng Chánh Giác, hay sự giác ngộ trọn vẹn và cao nhất. Nói một cách đơn giản thì đây là trí huệ hoàn hảo tối hậu. Ai đạt được trí huệ này có thể nhận biết mọi phương diện của chân lý đời sống và vũ trụ vạn vật. Mục tiêu tối hậu của tất cả những đệ tử của Đức Phật là đạt trí huệ và khả năng này.

Đức Phật dạy rằng trí huệ hoàn hảo tối thượng là cái sẵn có ở bên trong mỗi người. Kinh Hoa Nghiêm nói: "Chúng sinh đều có trí huệ và đức năng như chư Phật" (Every being possesses the same wisdom and virtuous capabilities as Buddha). Nhưng tại sao hiện tại chúng ta không có trí huệ này? Đó là vì chúng ta có nhiều vọng niệm và chấp thủ. Chúng ta tạm thời mất khả năng nguyên thủy của mình vì vọng niệm và chấp thủ, vốn là những điều không có ở trong chân tính của chúng ta, và cũng vì vậy mà chúng ta có thể giải trừ được chúng. Giống như phá tan những đám mây để cho ánh sáng mặt trời chiếu qua, chúng ta loại bỏ những vọng niệm và chấp thủ ra khỏi tâm trí và trưởng dưỡng đức hạnh để làm hiển lộ Phật tánh (Buddha nature), khôi phục trọn vẹn những khả năng vốn có của mình.

Chúng ta bắt đầu tu tập như thế nào? Một cách chính thức, ta phải Quy y Tam Bảo (Taking refuge in the Triple Jewels) là bước đầu tiên và tượng

trung cho việc thỉnh cầu chư Đại Đức Tăng Ni truyền dạy Phật Pháp cho mình. Quy y nghĩa là trở về và nương tựa, nhưng chúng ta trở về đâu và nương tựa cái gì? Chúng ta trở về với Phật giáo và nương tựa vào Tam Bảo, Phật, Pháp, và Tăng. Tham dự lễ quy y và thọ nhận lời dạy của Đức Phật là những bước đầu tiên của sự thức tỉnh vì chúng ta được biết đến sự quan trọng của nền giáo dục Phật giáo.

Lục Tô Huệ Năng có một cách giải thích khác về Tam Bảo. Ngài không dùng những từ ngữ "Phật", "Pháp" và "Tăng" để tránh gây hiểu lầm về Tam Bảo cho những thế hệ tương lai. Ngài sợ rằng khi Phật giáo được truyền từ thế hệ này tới thế hệ khác, nếu ngài dùng những từ ngữ này, người ta sẽ nghĩ rằng Phật Bảo là tranh tượng Phật; Pháp Bảo là kinh sách; và Tăng Bảo là các tăng sĩ. Đó là những đối tượng mà chúng ta quy y trên mặt sự, còn trên khía cạnh lý, chúng ta quy y Phật, có nghĩa là ta quay về với Phật tánh của chính mình. Một vị Bồ Tát nói: "Tự tính Giác Ngộ là cái vốn có". Vì vậy, khi Đức Phật nói "quy y Phật", không có nghĩa là đến an trú nơi ngài, mà là từ bỏ tâm vô minh mà quay về nương tựa Tự Tánh Phật vốn có của mình. Chúng ta cần phải hiểu sự quan trọng của việc quy y tự tánh này.

Bước đầu tiên này, chúng ta Quy y Phật Bảo, "Phật" là tiếng Sanskrit, có nghĩa là Bạc đã giác ngộ. Khi quy y Phật, chúng ta quay lưng với trạng thái tâm vô minh và nương tựa vào tâm giác ngộ. Chúng ta không nương tựa những bức tranh hay những bức tượng Phật, mà nương tựa tinh thần giác ngộ vốn là ý nghĩa đích thực của những tranh tượng đó. Là những người tu theo pháp môn Tịnh Độ, chúng ta phải biết nương tựa vào những bài học về từ bi và trí huệ của Phật A Di Đà: Danh hiệu "A Di Đà" có nghĩa là Ánh Sáng Vô Lượng và Tuổi Thọ Vô Lượng. Khi thực hành giáo lý của ngài, chúng ta sẽ đạt được trí huệ, phúc lạc, và trường thọ. Đó là quy y Phật.

Bước thứ hai, chúng ta Quy y Pháp Bảo, từ tà kiến quay lại quy y chánh kiến. Pháp Bảo là sự hiểu biết đúng về cuộc đời và vũ trụ, là trí huệ nội tại, vô hạn của tự tánh, cũng được gọi là trí Bát Nhã. Quy y Pháp Bảo có nghĩa là nương tựa trí Bát Nhã để sửa đổi những hành vi thân, khẩu, ý sai lầm. Trong Tam Bảo, Pháp Bảo là đối tượng chính yếu mà chúng ta nên quy y. Trong thời đại này, trí Bát Nhã sẽ là điều quan tâm chính yếu của chúng ta.

Tuy nhiên, chúng ta không thể khôi phục trí huệ vốn có của mình trong một thời gian ngắn. Nếu vậy chúng ta phải làm sao? Kinh điển là những cuốn sách ghi lại lời dạy của Đức Phật nói về sự thật của vũ trụ vạn vật. Trước khi trí Bát Nhã của mình được khôi phục trọn vẹn, chúng ta làm theo những lời

dạy trong kinh sách. Nếu lối nghĩ của chúng ta phù hợp với kinh sách thì như vậy có nghĩa là chúng ta đã hiểu đúng giáo lý. Thí dụ, Đức Phật dạy chúng ta tôn kính và phụng dưỡng cha mẹ và các vị thầy của mình, từ bi không sát sinh, và thực thi mười điều thiện. Có thể người ta sẽ thắc mắc là tại sao trong thời đại này chúng ta lại phải làm theo những lời dạy đã có từ mấy ngàn năm trước. Chúng ta làm theo những giáo lý của ngài vì Tự tánh Bát Nhã Trí là trường tồn bất biến. Người nào đạt được trí huệ này sẽ có khả năng biết tất cả mọi sự vật trong quá khứ, hiện tại, và tương lai ở trong vũ trụ.

Tuy nhiên, chúng ta phải cảnh giác với những kinh sách giả mạo. Chúng ta rất dễ gặp loại kinh sách này, đặc biệt là trong thế giới ngày nay đề cao quyền tự do xuất bản sách báo. Bất cứ người nào cũng có thể in và xuất bản sách. Ngày xưa, khi kinh sách mới được du nhập vào Trung Quốc, mỗi cuốn kinh phải được các nhà chuyên môn, kiểm soát kỹ, sau đó phải được chứng thực bằng ấn ký của hoàng đế rồi mới được xem là kinh điển đích thực. Ngay cả những tác phẩm của các vị luận sư nổi tiếng cũng phải chịu sự kiểm soát của các tu sĩ và các học giả thời đó trước khi được hoàng đế chấp thuận cho phát hành. Ngày nay, không có ai quy định hay thi hành những việc kiểm soát đó. Vì vậy, chúng ta cần phải cẩn thận kiểm chứng sự xác thực của một cuốn kinh, bằng cách tìm tên của cuốn kinh đó trong danh sách kinh điển của Đại Tạng Kinh Càn Long (Chien-Long Tipitaka) hay là không. Đại Tạng Kinh này có ba mươi tám bộ kinh và được in xong vào năm 1738, theo lệnh của Hoàng Đế Càn Long. Những tạng kinh có trước đó đã được kiểm nhận kỹ càng bởi các tăng sĩ và học giả đương thời, do đó cũng được dùng làm nguồn tham khảo đáng tin cậy.

Là hành giả tu học theo pháp môn Tịnh Độ, chúng ta nên nương tựa năm bộ kinh và một bộ luận của Tịnh Độ Tông để được hướng dẫn thực hành: 1.- Phật Nói Kinh Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm, Thanh Tịnh, Bình Đẳng, Và Giác Ngộ Của Đại Thừa; 2.- Kinh A Di Đà; 3.- Kinh Quán Vô Lượng Thọ; 4.- Phẩm "Hạnh nguyện Của Bồ Tát Phổ Hiền" trong Kinh Hoa Nghiêm; 5.- Phẩm "Bồ Tát Đại Thế Chí Đắc Quả Bằng Pháp Niệm Phật" trong Kinh Lăng Nghiêm; 6. Tịnh Độ Luận của Bồ Tát Thế Thân (Vasubandhu). Đó là quy y Pháp.

Bước thứ ba là Quy y Tăng Bảo. Ở đây, Tăng Bảo có nghĩa là một đoàn thể tăng già. Tăng Bảo tượng trưng hai điều: sự thanh tịnh tâm trí và sự hòa hợp trong đời sống. trước hết Tăng Bảo hàm ý lối sống với tâm trí xa cách những sự cám dỗ, giữa sự thanh tịnh của sáu căn mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý đối với

sáu trần. Trong thế giới hiện đại, người ta chịu sự ô nhiễm tâm trí, tinh thần, và thể xác. Ngay cả hệ thống sinh thái của trái đất cũng mất cân bằng. Tầng ozone có lỗ thủng, khí quyển bị "ô nhiễm". Hầu như mọi vật từ bầu trời, trái đất cho tới các sinh vật đều bị ô nhiễm cách này hoặc cách khác. Ngày nay, mọi người đều có ý thức về sự ô nhiễm môi trường. Chính phủ các nước cũng đang hào hào việc bảo vệ môi trường để đời sống được bảo đảm tốt đẹp hơn. Nhưng những chương trình bảo vệ môi trường này có hiệu quả tới mức độ nào thì không ai biết. Điều này rất đáng thắc mắc. Vấn đề này đưa chúng ta trở lại với những gì Đức Phật đã nói, rằng môi trường hay ngoại vật biến đổi theo tâm trí, còn tâm trí thì tự thay đổi. Nếu những ô trược trong tâm trí không được thanh lọc thì môi trường cũng không thể đạt được sự trong sạch. Vì vậy, nếu muốn phát triển môi trường bên ngoài thì chúng ta phải trước hết bắt đầu từ bên trong, thanh lọc tâm trí của mình. Vậy, quy y Tăng Bảo có nghĩa là quay khỏi tâm ô nhiễm, nương tựa vào tâm thanh tịnh. Thứ hai là Tăng Bảo tượng trưng sự hòa hợp trong đời sống. Do quan sát những đau khổ, hậu quả của những bất hòa giữa các dân tộc, các quốc gia, và cả các tôn giáo, Đức Phật dạy sáu điều hòa hợp tức lục hòa (six principles of harmony). Sáu nguyên tắc sống hòa hợp này là những điều hướng dẫn thiết yếu mà mỗi Phật tử đều cần phải tuân theo. Khi quy y Tăng Bảo, chúng ta thoát ra khỏi nhiễm ô và bất hòa để nương tựa tâm thanh tịnh và lục hòa.

Là những đệ tử của tu theo Tịnh Độ, chúng ta dựa vào trí huệ và từ bi làm phương cách đối nhân xử thế. Bồ Tát Đại Thế Chí tượng trưng cho trí huệ. Do có trí huệ mà ngài đã chọn pháp môn niệm Phật làm pháp tu tập. Bồ Tát Quan Âm tượng trưng từ bi, là phẩm tính mà chúng ta thi triển khi giới thiệu cho người khác biết về Tịnh Độ Học. Đó là quy y Tăng.

Đó là những giới điều chính yếu trong việc thực hành Phật giáo từ lúc bắt đầu tu tập cho đến khi đắc Phật Quả. Mục đích chính của việc quy y Tam Bảo là để tu tập đạt sự thức tỉnh ý kiến chân chính, và sự thanh tịnh. Từ nay trở đi, nếu người hỏi chúng ta tu tập cái gì, chúng ta có thể trả lời là mình đang tu theo pháp Quy Y Tam Bảo. Nhưng chúng ta học cái gì? Chúng ta học cách đạt đến trí huệ vô thượng do hoàn thiện ba sự quy y này. Chúng ta dùng những phương pháp nào để tu tập? Có vô số pháp môn hợp với khả năng và điều kiện của mỗi hành giả. Phương pháp thực hành không cố định mà mềm dẻo, nhưng chúng ta phải nhớ là mục tiêu ta học luôn luôn là giác ngộ, chánh tri kiến và sự thanh tịnh.

Đối với các hành giả Tịnh Độ thì pháp tu tập chính yếu là niệm danh hiệu Phật A Di Đà. Pháp môn này được Bồ Tát Đại Thế Chí tuyên dương trong Kinh Lăng Nghiêm và Bồ Tát Phổ Hiền trong kinh Hoa Nghiêm.

Thêm vào với pháp niệm Phật A Di Đà, chúng ta làm theo Năm Sự Hướng Dẫn trong việc tu tập hằng ngày. Trước hết chúng ta thực hành năm đức hạnh do Đức Khổng Tử đề ra: hiền từ, tử tế, cung kính, tiết kiệm, và khiêm tốn. Chúng ta dùng năm đức hạnh này để tu tập thân thể và tâm trí, làm nền móng cho việc tu tập chính. Cấp thứ nhất là Ba Điều Kiện được kể trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ. Điều Kiện Thứ Nhất là (a) có hiếu với cha mẹ và tôn kính các bậc sư trưởng, (b) từ bi không sát sinh, và (c) thực hành Mười Điều Tốt. Điều Kiện Thứ hai là (a) Quy Y Tam Bảo, (b) trì giới, tuân theo luật pháp và phong tục, và (c) cư xử nghiêm chỉnh đúng đắn. Điều Kiện Thứ Ba là (a) phát Bồ Đề Tâm, (b) thâm tín luật nhân quả, (c) tụng đọc và đề cao kinh sách Đại Thừa, và (d) khuyến khích người khác tu tiến trên con đường Giác Ngộ. Đức Phật dạy rằng Ba Điều Kiện này là nguồn gốc mang lại giác ngộ cho chư Phật ba đời ở khắp mườì phương. Vậy, chúng ta không thể thiếu những điều quan trọng này trong việc thực hành tu tập.

Từ Ba Điều Kiện trên chúng ta tiến lên cấp thứ hai đó là sáu nguyên tắc sống hòa hợp, tức Lục Hòa. Điều thứ nhất của Lục Hòa là có cùng ý kiến hay mục tiêu tức kiến hòa đồng giải. Nếu mọi người có cùng ý kiến thì thế giới này sẽ không có tranh chấp nào cả. Nguyên tắc này tạo sự hiểu biết chung cho toàn thể chúng sinh. Sự hiểu biết chung này dựa trên chân tính của chúng ta chứ không phải là ý kiến riêng của Phật Thích Ca. Ngài dạy chúng ta cách tu tập và khám phá, trí huệ, đức tính và khả năng nội tại của mình. Chúng ta không bắt chước ngài, mà tự tái khám phá tiềm năng vốn có của mình. Nền giáo dục của ngài thật là siêu diệu.

Điều thứ hai là cùng tuân theo những giới luật, tức Giới Hòa đồng tu. Việc trì giới bao gồm tạo thói quen chấp hành luật pháp và phong tục của xã hội. Khi mọi người có cùng ý kiến và biết tôn trọng luật pháp, xã hội sẽ ổn định và thịnh vượng, và tự nhiên thế giới sẽ hòa bình.

Nguyên tắc thứ ba là cùng hưởng tài lộc một cách đồng đều, tức Lợi Hòa đồng quân. Trong xã hội hiện đại, sự phân cách lớn giữa người giàu và người nghèo là điều không tốt, vì vậy chúng ta nên lấp hố sâu này giữa mọi người. Sự chia sẻ đồng đều tài sản sẽ giải quyết những tranh chấp về của cải vật chất. Chia sẻ lợi lộc một cách hòa hợp với người khác là việc làm của người có trí huệ và sẽ mang lại phúc báo. Giữa mọi người có sự giàu nghèo

khác nhau là do những nguyên nhân khác nhau mà họ đã gieo trồng trong quá khứ. Nếu người ta tạo nghiệp khác nhau thì họ cũng hưởng kết quả khác nhau. Đức Phật dạy rằng những người được hưởng nhiều tài lộc nên chia xẻ với những người được hưởng ít. Việc chia xẻ với người khác là thiện nghiệp sẽ mang lại cho mình thêm phước báo. Theo luật nhân quả, nghèo nên tạo dựng nhân duyên tốt để được hưởng quả tốt trong tương lai. Người giàu nên chia xẻ tài sản của mình để vẫn được giàu có ở mai sau. Khi mọi người làm như vậy thế giới sẽ hòa bình, và do học giáo lý của Đức Phật mà con người tiếp tục tu tạo công đức vô lậu.

Để tạo nền móng cho công trình tu tập của mình, các hành giả Tịnh Độ thực hành năm đức hạnh của Không giáo vốn là căn bản cho tất cả mọi người. Sau đó chúng ta tiếp tục với Ba Điều Kiện và Lục Hòa vốn là những việc quan trọng trước khi thực hành Phật Giáo. Kế tiếp, Tam Học giới, định, huệ là căn bản trước khi tu tập theo Phật Giáo Đại Thừa với Sáu Ba La Mật. Sau cùng, chúng ta thực hành Mười Đại nguyện của Bồ Tát Phổ Hiền để đắc Phật quả. Đó là năm sự hướng dẫn mà chúng ta có thể nhớ một cách dễ dàng. Khi phối hợp nền móng vững chắc này với pháp niệm Phật A Di Đà, chắc chắn chúng ta sẽ đạt được tất cả những gì mà mình vẫn tìm kiếm, đó là đời sống gia đình hòa thuận, sự nghiệp thành công, và xã hội an lạc. Bây giờ, khi đã hiểu rõ những điều mình đang học và thực tâm muốn làm theo giáo lý, chúng ta cần phải tinh tấn thực hành để có thể thành tựu mục tiêu cao thượng của mình. Như vậy là chúng ta quy y Tam Bảo chân tánh của mình.

Ngoài pháp Tam Bảo Tự Tánh bên trong còn có Tam Bảo sắc tướng bên ngoài như tranh tượng Phật, kinh sách, và các tăng sĩ. Việc dâng cúng và kính lễ hình tượng Đức Phật có hai mục đích. Thứ nhất là để tỏ lòng tôn kính Phật Thích Ca, Đức Bổn Sư của chúng ta. Mỗi lần ngắm tranh hay tượng của ngài, chúng ta nhớ lại những giáo lý cao siêu mà ngài đã truyền dạy. Thứ hai là để nhắc nhở mình làm theo gương ngài. Khi thấy hình tượng Đức Phật, chúng ta tự nhắc mình ra sùc giải trừ vô minh, đạt giác ngộ. Kinh sách cũng có mục đích nhắc nhở chúng ta rằng mình đã quy y Pháp bảo và cần phải suy ngẫm về quan kiến và mức hiểu biết của mình. Tương tự, khi gặp Tăng Ni, được coi là đại diện của Tăng Bảo, chúng ta sẽ nhớ là mình phải giữ sự thanh tịnh của sáu căn và phải sống hòa hợp với mọi người. Vậy, việc tiếp xúc với hình thức vật chất của Tam Bảo mang lại lợi ích lớn cho chúng ta, vì tranh tượng, kinh sách, và các tăng sĩ luôn luôn làm cho chúng ta nhớ là mình đang đi trên con đường giác ngộ.

Có những hành giả dùng hình thức vật chất của Tam bảo làm phương tiện tu tập ở tại nhà của mình. Tranh tượng Đức Phật tượng trưng Phaät Bảo, còn tranh tượng Bồ Tát thì tượng trưng Tăng Bảo. Khi chúng ta tu theo pháp môn Tịnh Độ thì Phật A Di Đà tượng trưng Phật bảo, còn Bồ Tát Quan Âm và Bồ Tát Đại Thế Chí thì tượng trưng Tăng bảo. Kinh sách Phật giáo là biểu tượng của Pháp bảo. Những hình thức này nhắc nhở chúng ta về những điều quý báu của Tự Tính ở bên trong bản thân.

Trong tất cả kinh điển Phật Giáo, Kinh Vô Lượng Thọ là cuốn kinh mà tôi thường đề nghị nhất. Cuốn kinh này không quá dài, nhưng lại hàm chứa tất cả những giáo lý của Đức Phật, vì vậy mà thích hợp cho các hành giả ngày nay. Tên gọi đủ của kinh này là "Phật Nói Kinh Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm, Thanh Tịnh, Bình Đẳng, Và Giác Ngộ Của Đại Thừa"(The Buddha Speakers of the Infinite Life Sutra of Adornment, Purity, Equality and Enlightenment of the Mahayana School). Tựa đề đầy đủ này cho thấy mục tiêu, nguyên tắc, và phương pháp tu tập của Phật giáo. "Vô Lượng Thọ" là điều quan trọng nhất trong tất cả những sự vô lượng khác, như trí huệ vô lượng, quyền năng vô lượng, đức hạnh vô lượng, của cái vô lượng, v.v... Nếu không có tuổi thọ vô lượng thì người ta không thể hưởng được tất cả những sự vô lượng khác. Hành giả Tịnh Độ tìm kiếm năng tự nhiên vô lượng của mình, và những khả năng của Tự Tính là vô lượng. Thêm nữa Giáo Pháp vô lượng phát xuất từ Tự Tính. Vì vậy, sự hiện hữu vô lượng, vô biên của Mười Cõi là do Tự Tính tạo ra.

Từ ngữ "Trang Nghiêm" trong tên kinh này hàm ý chân, thiện, mỹ, và trí huệ, là những phẩm tính không tuyệt đối có thật ở thế gian này, mà chỉ có ở trong Tự tính và sẽ được khám phá khi người ta tìm ở bên trong bản thân.

"Thanh Tịnh, Bình Đẳng Và Giác Ngộ" là những nguyên tắc của việc tu tập. Thanh Tịnh tượng trưng Tăng bảo; Bình Đẳng tượng trưng Pháp bảo; và Giác Ngộ tượng trưng Phật bảo. Ba ý niệm này cũng đồng nghĩa với ba môn học giới, định, huệ, và bao trùm bốn mươi chín năm hoằng pháp của Đức Phật. Thanh Tịnh bao hàm sự trì giới và luật tạng; Bình Đẳng bao hàm thiền định và kinh tạng; Giác Ngộ bao hàm trí huệ và luận tạng.

Nếu đời sống bận rộn, không có thì giờ để nghiên cứu kinh sách Phật giáo nhiều vô số, chúng ta có thể bắt đầu với Kinh Vô Lượng Thọ này. Khi đã thông hiểu kinh này, hành giả sẽ hiểu không chỉ lời dạy của Phật Thích Ca mà còn cả giáo lý của chư Phật nữa, vì tất cả những giáo lý này đều phát xuất từ tự tánh.

Tựa đề đầy đủ của Kinh Vô Lượng Thọ biểu lộ cốt tủy của tất cả kinh điển. Thực hành theo những lời dạy của cuốn kinh này tức là đã thực hiện điều kiện quy y Tam Bảo.

Hôm nay, tôi đã trình bày với mọi người về ý nghĩa của việc quy y tam bảo. Chúng ta sẽ bắt đầu lễ quy y bằng cách thành tâm và kính cẩn phát nguyện ba lần trước Đức Phật xin làm đệ tử và học giáo lý của ngài. Tôi, Hòa Thượng Tịnh Không, sẽ là người làm chứng và là vị thầy truyền giới. Xin nhớ rằng hành giả không quy y vị tăng sĩ chủ lễ, mà quy y Phật, Pháp, Tăng, trở thành đệ tử của Tam Bảo.

Sau đây là lễ truyền Tam Quy Ngũ Giới đơn giản mà trang nghiêm. Mọi người sẽ nhận một Chứng Điệp Quy Y với một lời phát nguyện thọ trì tam quy và năm giới. Chúng ta dùng lời phát nguyện này vì tính cách kỷ niệm và sự đơn giản của nó. Mọi người hãy đứng trước tượng chư Phật, Bồ Tát, với lòng chân thành, thanh tịnh, từ bi, và thành kính nhất của mình. Lập lại theo tôi: "Con xin chí thành phát nguyện làm đệ tử của Tam Bảo Phật Pháp Tăng. Từ nay, con sẽ tu tập theo giáo lý của Đức Phật, nguyện được sinh về Tịnh Độ và sẽ giúp đỡ chúng sinh thông hiểu chân lý của Chánh Pháp".

---o0o---

Quyển 4 - Nghệ thuật sống

(The Art of Living)

(Giảng tại Thành phố Houston, Tiểu bang Texas, Hoa Kỳ)

Chương một: Nền giáo dục của Đức Bổn Sư Phật Thích Ca

"Giáo dục: lãnh vực nghiên cứu về sự dạy học và sự học".

The American Heritage Dictionary.

Phật giáo là nền giáo dục về môi trường sống và con người. Đức Phật dạy chúng ta biết về chính mình, về những nghiệp thân, khẩu, ý và nghiệp quả. Điều quan trọng nhất là Đức Phật muốn chúng ta khôi phục trí huệ nguyên thủy viên mãn của mình. Ngài dạy rằng mọi người đều có khả năng đạt hiểu biết trọn vẹn về đời sống và vũ trụ, và chỉ vì vô minh mà chúng ta đã không biết về khả năng này. Chúng ta mơ quáng vì tâm phân biệt, vì những ý nghĩ tán loạn, vì tham dục, và đã quên chân tánh thanh tịnh của mình. Đó là lý do chúng ta đã gây ra cho mình nhiều đau khổ.

Đức Phật cũng dạy chúng ta phải quan sát khung cảnh hay môi trường của mình một cách rõ rệt. Khung cảnh ở đây là những người và những sự vật mà chúng ta gặp hằng ngày. Khi tâm trí không còn những ý nghĩ phân biệt và những tham muốn thì chúng ta sẽ có thể quan sát mọi vật một cách rõ rệt, và đối xử với chúng một cách đúng đắn. Như vậy chúng ta có thể sống hòa hợp với người khác và đạt thành công trong mọi việc.

Đức Phật đã có ý gì khi ngài dạy chúng ta tu tập? Ý định chính yếu của ngài là giúp chúng ta giải trừ vô minh và ái dục. Nếu thu tóm sáu Ba la mật tức sáu hạnh hoàn hảo lại làm một thì chúng ta sẽ chỉ có hạnh bố thí. Bố thí chỉ có nghĩa là buông bỏ. Nếu có thể buông bỏ được tham, sân, si, và kiêu ngạo, chúng ta sẽ luôn luôn an trụ trong tâm thanh tịnh. Nếu có thể buông bỏ được mọi phân biệt, phiền não, và tham muốn, chúng ta sẽ đạt an tĩnh, giải thoát, khỏe mạnh và trường thọ. Nếu có thể buông bỏ mọi quan kiến riêng để cùng nhau làm việc vì lợi ích của mọi người, chúng ta sẽ đạt sự hòa hợp với người khác, sự hòa hợp trong xã hội, và rốt cuộc đạt được hòa bình thế giới. Vậy, chúng ta có thể thấy rằng việc tu tập, chính yếu giáo lý của Đức Phật không là gì khác hơn bố thí, là buông bỏ.

Khi Đức Phật tại thế, ngài không chỉ dùng ngôn từ để dạy đạo mà còn làm gương để chúng sanh noi theo. Ngài buông bỏ mọi ái dục, mọi thú vui trần tục, mọi danh vọng và của cải để sống đời sống của người xuất gia. Ngài sống một đời sống đơn sơ, thân tâm thanh tịnh, và phúc lạc. Phàm nhân có thể cho rằng lối sống như vậy là một sự khổ hạnh, nhưng đó là do họ không hiểu biết. Người hiểu biết sẽ có ý kiến khác, vì với trí huệ họ sẽ thấy rằng cuộc đời của Đức Phật là sự giải thoát, phúc lạc và thành tựu viên mãn thực sự. Đức Phật không còn vọng tưởng, phân biệt, chấp thủ, hay phiền não. Ngài thật là an nhiên, tự tại! Ngài hòa hợp với mọi hoàn cảnh và biểu lộ trí huệ trong mọi ý nghĩ và hành vi để hướng dẫn chúng sanh ở thế gian này.

Chư Phật sống đời sống trí huệ, còn phàm nhân thì sống đời sống phiền não. Giáo lý của Đức Phật cho chúng ta thấy rằng có thể chuyển đời sống phiền não thành đời sống trí huệ lớn, khôi phục trí huệ viên mãn và vô thượng cũng như những khả năng của chân tính, đạt hạnh phúc và thịnh vượng đích thực. Đây chính là nền giáo dục của Đức Phật.

Chương hai : Bốn loại Phật Giáo ngày nay

Trong thế giới của chúng ta ngày nay, có ít nhất là bốn loại Phật giáo khác nhau. Thứ nhất là Phật giáo đích thực, nền giáo dục về sự hiểu biết chân lý của đời sống và vũ trụ mà Đức Phật đã truyền dạy. Có điều không may mắn là ngày nay chúng ta khó gặp được nền giáo dục đích thực này. Những loại Phật giáo khác không phải là Phật giáo đích thực mà có phần nào sai lạc giáo lý nguyên thủy của Đức Phật.

Loại thứ nhì là Phật giáo có tính cách tôn giáo. Ban đầu, Phật giáo không phải là một tôn giáo, nhưng bây giờ đã trở thành một tôn giáo. Chúng ta không thể chối cãi rằng không có tôn giáo Phật giáo, vì nhìn ở đâu chúng ta cũng thấy Phật giáo được người ta phô bày như một tôn giáo, đặc biệt là ở Á Châu. Không giống như những tu viện ngày xưa, với tám giờ học giáo lý mỗi ngày, thêm tám giờ tu tập, các chùa Phật giáo ngày nay không còn giữ sự tinh tấn tu học Phật Pháp như vậy. Ngày nay chúng ta chỉ thấy mọi người dâng cúng và lễ bái những bức tượng Phật, cầu nguyện cho mình được phước lộc. Như vậy, Phật giáo đã lầm lạc biến thành một tôn giáo.

Loại Phật Giáo thứ ba là việc nghiên cứu có tính cách triết học về giáo lý của Đức Phật. Nhiều trường đại học ngày nay mở những khóa nghiên cứu kinh điển Phật giáo, xem giáo lý Phật giáo là một triết lý. Nội dung của nền giáo dục của Đức Phật chính là một chương trình đại học hoàn bị về kiến thức và trí huệ. Triết học chỉ là một trong những môn học của Phật giáo. Vì vậy, nếu cho rằng nền giáo dục của Đức Phật chỉ là một triết lý cũng sai lầm như xem chương trình đại học chỉ là một môn học. Nền giáo dục của Đức Phật có thể giúp chúng ta giải quyết những vấn đề của mình, từ những khó khăn trong gia đình cho tới đề tài lớn sự sống và sự chết. Những giáo lý thâm diệu và rộng lớn của Đức Phật dạy chúng ta về đời sống và vũ trụ. Không nên hiểu lầm giáo lý của ngài chỉ là một môn triết học.

Loại Phật giáo thứ tư mà chúng ta thấy ở trên thế giới ngày nay là một thứ Phật giáo đổi khác và có tính cách ngoại nhập. Hình thức Phật giáo biến dạng rất không may mắn này chỉ xuất hiện khoảng bốn mươi năm nay. Loại Phật giáo tôn giáo khuyến khích người ta trở thành người tốt, còn loại Phật giáo triết học thì tìm hiểu chân lý. Hai loại này không có hại nhiều cho xã hội. Nhưng nếu Phật giáo biến thành một thứ pháp môn sai lạc ngoại nhập, dùng sự yêu đuối của nhân tính để đánh lừa và hại chúng sinh, phá rối hòa bình và an ninh xã hội thì sự biến đổi này đã đi quá xa. Ngôn từ và hành vi của những pháp môn sai lạc và bên ngoài này có thể rất hấp dẫn và lôi cuốn.

Người ta không để cho những pháp môn này dẫn dắt mình một cách sai lầm để rồi khi hồi hận thì đã quá trễ.

Bốn loại Phật giáo này hiện hữu trong xã hội chúng ta ngày nay. Chúng ta nên biết rõ về tính chất của bốn loại này, và cẩn thận chọn con đường nào tốt cho mình nhất để đi theo.

---o0o---

Chương ba: Nghệ thuật sống

Mục đích của việc nghiên cứu Phật giáo của chúng ta là khai mở trí huệ. Để đạt mục tiêu này, chúng ta phải tu sửa cho tâm trí được thanh tịnh. Trong xã hội ngày nay, những chướng ngại lớn nhất của chúng ta là truyền hình, truyền thanh, và báo chí. Tất cả những thứ này đều chứa những nội dung có thể gây ô nhiễm cho tâm trí. Tôi thường khuyên mọi người nên thận trọng đối với những phương tiện truyền thông này. Khi tâm trí thoát khỏi những phiền não vô dụng này, chúng ta sẽ sống mỗi ngày trong an lạc và hạnh phúc, và như vậy tâm trí của chúng ta sẽ đạt trở lại trạng thái thanh tịnh. Với tâm trong sáng, người ta sẽ nhìn thấy sự vật rõ ràng hơn và sâu xa hơn người khác, vì tâm ổn định chính là tâm trí huệ. Điều then chốt trong việc tu tập giáo lý của Đức Phật là đạt được tâm ổn định. Trong việc thực hành pháp môn Tịnh Độ, tâm thanh tịnh là điều quan trọng nhất.

Kinh Vô Lượng Thọ dạy chúng ta gây dựng sự thanh tịnh, bình đẳng, và giác ngộ. Nghĩ nhớ tới Phật A Di Đà là việc cần được tu tập trên hết, vì Phật A Di Đà là thanh tịnh, bình đẳng, và giác ngộ. Niệm danh Phật A Di Đà là tự nhắc nhở mình về những phẩm tính này.

Ở Trung Hoa, Phật Giáo được chia thành mười tông phái, gồm hai tông phái Tiểu Thừa đã suy tàn, và tám tông phái Đại Thừa. Hai phái Thiền Tông và Mật Tông nhập vào giáo lý của Đức Phật qua pháp "Giác Ngộ". Họ tìm sự giác ngộ để hiểu biết về tâm trí và chứng ngộ chân tính. Thông thường những người kém khả năng tự giác ngộ rất khó thành tựu pháp môn này. Việc thực hành Thiền Tông đòi hỏi trình độ trí huệ và khả năng cao cùng với tâm trí thanh tịnh. Nếu không có những điều kiện này thì hành giả phải học lại những giáo lý căn bản của Đức Phật.

Việc học những giáo lý này sẽ giúp thiết lập tri kiến đúng đắn. Như vậy, pháp "Chánh Tri Kiến" được dùng để nhập vào giáo lý của Đức Phật. Có

bốn tông phái thuộc loại này, đó là Thiên Thai Tông, Mật Tông, Pháp Tướng Tông, và Tam Luận Tông. Các hành giả thuộc những tông phái này học và thực hành giáo lý của Đức Phật để sửa chữa những quan điểm, ý nghĩ, và hành vi sai lầm của mình. Đa số Phật tử có khả năng thực hành phương pháp này, nhưng đây là một hành trình lâu dài, giống như đi tới trường học để học qua các lớp tiểu học, trung học, và đại học. Học xong lớp nào thì chỉ đạt lợi ích của riêng lớp đó.

Sau cùng là hai phái Tịnh Độ Tông và Mật Tông. Hai phái này chú trọng việc gây dựng tâm thanh tịnh, vì vậy phương pháp thực hành giáo lý của họ là qua sự thanh tịnh. Mọi người thuộc mọi khả năng, dù thông minh hay kém thông minh đều có thể thực hành theo Tịnh Độ Tông và đạt thành tựu trong việc tu tập theo phương pháp của phái này. Trong khi đó Mật Tông đòi hỏi mức thanh tịnh tâm trí cao hơn, vì vậy hành giả rất khó thành tựu trong việc tu tập pháp môn này.

Về mặt tu tập, Tịnh Độ Tông và Mật Tông khác nhau ở chỗ Tịnh Độ dạy chúng ta tu luyện sự thanh tịnh tâm trí, tránh xa ô trược, còn Mật Tông thì dạy chúng ta tịnh hóa tâm trí ở giữa ô trược. Hành giả ở trong trạng thái chìm trong ô trược nhưng lại không nhiễm ô. Tất nhiên, đối với đa số người trạng thái này rất khó đạt được.

Trí huệ đích thực chỉ phát xuất từ sự thanh tịnh của tâm trí, vì vậy, trí huệ mà giáo lý của Đức Phật nói tới thì không thể đạt được chỉ bằng việc đọc và nghiên cứu kinh sách. Trí huệ mà chúng ta đạt được bằng cách đọc sách và nghiên cứu thì chỉ là trí thức thế gian chứ không phải là chân trí huệ.

Trí huệ đích thực là công năng của chân tính. Chân tính của chúng ta bao gồm trí huệ vô lượng, đức hạnh và quyền năng, tức bi, trí và dũng. Những phẩm tính này có ở trong chân tính của mỗi người chúng ta. Chúng ta cần phải biết cách làm cho những phẩm tính này hiển lộ.

"Phật" là Thanh Tịnh, Bình Đẳng, và Giác Ngộ. Giáo lý của Đức Phật có thể được tóm tắt một cách đơn giản như sau: Chân Thành với người khác, Thanh Tịnh trong tâm, Bình Đẳng trong mọi vật, Tri Kiến đúng đắn về cuộc đời và vũ trụ vạn vật, Từ Bi giúp đỡ người khác một cách khôn ngoan, vô tư, và vô điều kiện, Nhìn Thấu lý vô thường, Buông Bỏ mọi vọng niệm và tham dục, Đạt Tự Do tâm trí và tinh thần, Hòa Hợp với mọi hoàn cảnh, Quán Niệm Phật A Di Đà, làm theo lời dạy của ngài và nguyện vãng sanh Tịnh Độ.

Năm điều đầu tiên là tâm của Phật và là đức hạnh của chân tính của chúng ta. Hiện tại chúng ta không thể biểu lộ trọn vẹn những phẩm tính này, vì thiếu tu tập năm điều sau. Chúng ta cần phải tinh tấn tu luyện để làm biểu lộ những đức hạnh của Phật tánh bên trong mỗi người chúng ta.

Mục tiêu tối thượng trong việc tu học Phật giáo là sự đạt đến giác ngộ viên mãn. Trong mọi lãnh vực của đời sống, chư Phật, Bồ Tát là khuôn mẫu cho mọi người noi theo. Đệ tử của Đức Phật có thể là tấm gương sáng cho người khác. Những gia đình nào thực hành lời dạy của Đức Phật có thể hành xử một cách xứng đáng với vai trò khuôn mẫu cho tất cả những gia đình khác. Khi còn là một học sinh, việc học hạnh kiểm, và sức khỏe của người ta là tấm gương cho các bạn học, còn bây giờ chúng ta là học trò của Đức Phật. Trong việc làm hay công việc kinh doanh, người ta có thể trở thành khuôn mẫu cho các đồng nghiệp. Vậy, tất cả những gì ở trong Phật Pháp cũng có thể là cái tốt nhất. Một gia đình cư xử với trí huệ hoàn hảo là gia đình hạnh phúc, may mắn và mãn nguyện nhất thế giới.

Trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ, Ba Điều Kiện là nền móng của việc tu tập theo Phật Giáo. Khi Ba Điều Kiện được hoàn hảo, hành giả sẽ có trí huệ, cơ duyên, và đức hạnh hoàn hảo.

Điều kiện thứ nhất bao gồm bốn pháp dựa trên luân lý của loài người: 1.- Hiếu kính cha mẹ; 2.- Tôn kính thầy và các bậc trưởng thượng; 3.- Từ bi không sát sinh; 4.- Làm Mười Điều Lành (Thập Thiện).

Điều kiện thứ nhì bao gồm ba pháp tu luyện bản thân: 5.- Quy Y Tam Bảo; 6.- Giữ gìn các giới đã thọ 7.- Có hành vi đúng đắn và nghiêm chỉnh.

Điều kiện thứ ba bao gồm pháp dựa trên các pháp thực hành của bậc Bồ Tát: 8.- Phát Bồ đề tâm.

9.- Tin sâu giáo luật nhân quả, 10.- Tụng niệm và đề cao kinh điển Đại Thừa, 11.- Khuyến người khác đi theo đường đạo Giác Ngộ.

Tất cả mười một pháp này đều thâm diệu và đầy ý nghĩa, và nên được thực hành trong đời sống hằng ngày, vì đây là nền móng của bốn mươi chín năm hồng pháp của Đức Phật.

Phật Giáo Đại Thừa ở Trung Hoa có thể được tượng trưng bằng bốn vị Đại Bồ Tát của bốn danh sơn. Thứ nhất, Bồ Tát Địa Tạng ở núi Cửu Hoa tượng trưng hiếu kính. Thứ nhì, Bồ Tát Quan Âm ở núi Phổ Đà, tượng trưng cho

lòng từ bi. Thứ ba, Bồ Tát Văn Thù ở núi Ngũ Đài, tượng trưng trí huệ. Thứ tư, Bồ Tát Phổ Hiền ở núi Nga Mi, tượng trưng pháp tu tập chân chính. Bốn vị Đại Bồ Tát này tượng trưng cốt tủy của việc thực hành tu tập. Là những người sơ cơ, chúng ta sẽ bắt đầu học từ Bồ Tát Địa Tạng, vì đất là nguồn gốc sự sống của chúng sinh. Vì đất lớn nuôi dưỡng chúng sinh và là kho tàng chứa tất cả những gì quý báu nên Đức Phật lấy đất tượng trưng cho "tâm địa" của chúng ta. Chân tâm hay bản tính của chúng ta gồm có trí huệ, đức hạnh, và tài năng vô tận, vậy chúng ta nên biết cách khai mở kho tàng này để dùng lợi ích của nó. Bồ Tát Địa Tạng dạy chúng ta có hiếu với cha mẹ và tôn kính các vị thầy, vì đó là chìa khóa mở cửa kho tàng chân tâm của mình.

Lãnh vực hiếu kính rất rộng lớn. Cha mẹ của chúng ta đã biểu lộ tâm từ bi lớn khi các vị nuôi dưỡng và giáo dục chúng ta, vì vậy chúng ta không những phải phụng dưỡng các vị trong tuổi già mà còn phải chăm lo cho các vị được phúc lạc về mặt tâm trí và tinh thần. Đó là thực hành đạo hiếu.

Về việc thực hành hiếu để, chúng ta nên hết sức cố gắng sống đúng theo ý nguyện của cha mẹ. Khi các vị muốn chúng ta trở thành người tốt, chúng ta phải làm theo ý nguyện này, nếu không thì sẽ là những đứa con bất hiếu. Trẻ con đi học ở trường mà học kém làm cho cha mẹ lo buồn, như vậy là không có hiếu. Hạnh kiểm xấu, không giữ gìn sức khỏe, không tôn kính thầy, hay không hòa hợp với người khác cũng là bất hiếu. Khi trưởng thành, sống trong xã hội mà chống đối cấp trên và bất hòa với đồng nghiệp, như vậy cũng là bất hiếu. Từ những điều này, chúng ta thấy lãnh vực gây dựng lòng hiếu kính quả là rất rộng lớn, và toàn thể Phật Pháp thực sự chỉ giảng dạy đạo hiếu. Trong Phật giáo, lòng hiếu kính hoàn hảo chỉ được thành tựu khi người ta đắc Phật Quả Giác Ngộ Vô Thượng.

Ngày nay, loài người đã bị ô nhiễm nặng trong tâm trí, ý nghĩ, quan kiến, tinh thần, và thể xác, vì vậy mà nhiều căn bệnh kỳ lạ đã xuất hiện. Nguyên nhân của bệnh tật là sợ nhiễm ô của tâm trí. Nếu thân thể và tâm trí trong sạch thì người ta sẽ không bị bệnh tật hay già lão. Không bệnh tật và già lão là hạnh phúc đích thực. Để đạt mục tiêu này, chúng ta chỉ cần phải học và tu tập theo giáo lý của Đức Phật.

Thế giới ngày nay, khi thực phẩm đã bị nhiễm độc chất, chúng ta nên trường dưỡng lòng từ bi, vì từ bi là thuốc đối trị mọi loại chất độc. Tâm từ bi đích thực có thể hóa giải tất cả các loại độc chất. Đức Phật đã nói: " Mọi vật đều do tâm tạo ra". Vậy, tâm trí thanh tịnh, bình đẳng, và giác ngộ tự nhiên sẽ mang lại sức khỏe cho thân thể.

Khi chúng ta tụng niệm sáng chiều trước tượng Phật, Bồ Tát thì như vậy cũng giống như trong sự hiện diện của chư Phật, Bồ Tát chúng ta phát nguyện làm theo lời dạy của các ngài. Tụng niệm buổi sáng là sự nhắc nhở chúng ta không quên giáo lý của Đức Phật và hành xử đúng đắn trong ngày. Tụng niệm buổi tối là xem lại những hành vi trong ngày của mình, để biết mình có làm theo lời dạy của Đức Phật hay không. Nếu đã làm theo thì chúng ta có thể cố gắng nhiều hơn nữa trong những ngày sau, còn nếu không thì chúng ta cần phải sửa đổi bản thân mỗi ngày. Chỉ bằng cách thực hành như vậy, chúng ta mới có thể đạt được lợi ích thực sự. Tụng niệm sáng tối là pháp tu tập căn bản trong việc tu học Phật Pháp. Chúng ta cần phải nhắc nhở mình mỗi ngày, suy xét và tu sửa.

Người nào muốn trở thành đệ tử của Đức Phật thì trước hết phải học theo Bồ Tát Di Lạc, mà ở Hoa Kỳ được gọi là "Phật Phúc Lạc". Bồ Tát Di Lạc tượng trưng cho những điều kiện căn bản nhất cần phải có để trở thành một Phật tử, đó là một khuôn mặt tươi cười và một tấm lòng bao dung, được tượng trưng bằng cái bụng lớn của ngài. Tất cả những bức tranh và những bức tượng Phật có mục đích nhắc nhở chúng ta về những lời dạy của chư Phật, Bồ Tát chứ không phải là những pho tượng để thờ phụng. "Phật Phúc Lạc" dạy chúng ta phát tâm vô phân biệt và an lạc để có thể đi vào Phật Đạo.

Giáo lý của Đức Phật thâm diệu và rộng lớn vô cùng, không thể nào nói hết được, vì phần giáo lý tinh yếu là vô lượng. Khi thông hiểu giáo lý của Đức Phật, chúng ta sẽ đạt lợi ích trong đời sống, trong công việc và trong sự tương tác với mọi người và mọi sự việc. Phật Giáo thực sự vượt qua tất cả mọi ranh giới, quốc gia, chủng tộc, và tôn giáo. Giáo lý của Đức Phật thực sự là một nền giáo dục hoàn hảo.

---o0o---

Chương bốn: Quy Y Tam Bảo

Quy y có nghĩa là trở về nương tựa. Khi quy y Phật, chúng ta, quay trở về lại từ trạng thái tâm mê muội và nương tựa vào tâm giác ngộ. Khi quy y Pháp, chúng ta quay trở về từ những tà kiến và nương tựa vào chánh kiến và sự hiểu biết. Khi quy y Tăng, chúng ta quay trở về từ nhiễm ô và bất hòa để nương tựa vào tâm thanh tịnh và sáu nguyên tắc sống hòa hợp, hay lục hòa. Quy y Tam Bảo là khôi phục lại trí huệ hoàn hảo và những khả năng chân tính của chúng ta. Chúng ta sẽ đạt được thanh tịnh, bình đẳng, chân thực, tự do, từ bi, và nhất là chân hạnh phúc ngay trong đời sống này.

Phật Bảo: "Phật", tiếng Sanskrit gọi là Buddha, có nghĩa là "bậc Giác Ngộ viên mãn". Khi quy y Phật, chúng ta trở về từ niềm tin mù quáng và sự mê muội để nương tựa vào tri giác như một lối sống. Hình tượng Đức Phật được dùng để nhắc nhở chúng ta thực hành tu tập với tri giác chứ không phải là những thần tượng để thờ phụng. Lễ bái những hình tượng này chỉ là một cách đối trị tính kiêu ngạo, gây dựng lòng khiêm hạ của chúng ta. Đó là quy y Phật.

Pháp Bảo: "Pháp", tiếng Sanskrit là Dharma, có nghĩa là "Tri Kiến Chân Chính". Tâm vô minh làm cho chúng ta không trông thấy chân tính của con người cũng như chân lý ẩn ở phía sau sự vật, vì vậy chúng ta đã nhìn cuộc đời và vũ trụ một cách sai lầm. Khi vô minh được giải trừ và tâm trí được trong sạch tới một mức độ nào đó, trí tuệ của chúng ta sẽ khai mở. Với trí huệ, chúng ta sẽ nhìn thấy người và sự vật một cách trọn vẹn và rõ ràng. Khi tâm trí thanh tịnh, chúng ta có thể trông thấy quá khứ, hiện tại, cũng như tương lai. Chỉ khi nào trông thấy rõ được tri kiến của chúng ta mới được coi là chân chánh.

Tâm của Đức Phật luôn thanh tịnh không một chút ô trược, vì vậy mà trông thấy vạn vật một cách rõ ràng và trọn vẹn. Chúng ta có thể nương tựa vào kinh sách ghi chép những lời dạy của Đức Phật, vì kinh sách nói lên tất cả những sự thật mà Đức Phật đã trông thấy. Kinh sách dạy chúng ta cách đạt đến tâm thanh tịnh, trông thấy cuộc đời và vũ trụ một cách rõ ràng. Khi trông thấy kinh sách chúng ta nên phát tâm tôn kính và tự nhắc nhở mình tu tập để đạt Chánh tri kiến. Quy y Pháp là như vậy.

Tăng Bảo: "Tăng", tiếng Sanskrit gọi là Sangha có nghĩa là thanh tịnh và hòa hợp. Thế giới ngày nay đầy ô trược; ô trược từ trong tâm trí, tinh thần, quan kiến, và thân thể. Cả trái đất và bầu khí quyển cũng bị nhiễm ô một cách tệ hại. Đức Phật dạy: "Hoàn cảnh biến đổi theo tâm". Chúng ta nên quay trở về từ những trược dơ này để nương tựa vào tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh là điều kiện để cứu vãn trái đất của chúng ta.

Có rất nhiều bất hòa trong thế giới ngày nay, giữa vợ chồng, gia đình, bạn bè, xã hội, và giữa các quốc gia, gây ra nhiều tai họa và đau khổ. Đức Phật dạy chúng ta nương tựa vào sáu nguyên tắc sống chung hòa hợp để thiết lập mối liên hệ hài hòa giữa mình và mọi người.

Tăng đoàn có nghĩa là một nhóm bốn người hay nhiều người hơn cùng tu hành Phật Pháp và sống theo lục hòa, tức sáu nguyên tắc sống chung hòa

hợp. Tăng đoàn gồm các Tỳ kheo và các Tỳ kheo Ni. Khi gặp các vị này, chúng ta liền nên phát tâm thanh tịnh và hòa hợp. Đó là quy y Tăng.

Quy Y Tam Bảo:

Quy y Phật, Con xin quay về từ vô minh, nương tựa vào tri giác;

Quy y Pháp, Con xin quay về từ tà kiến, nương tựa vào Chánh tri kiến;

Quy y Tăng, Con xin quay về từ ô trược và bất hòa, nương tựa vào tâm thanh tịnh và lục hòa.

---o0o---

Chương năm: Người nội trợ tu tập Bồ Tát Đạo trong đời sống hằng ngày

Làm cùng một loại công việc hằng ngày là điều rất mệt nhọc, đặc biệt là đối với những người nội trợ. Hình như người ta không thể nào thoát khỏi những công việc trong nhà, dù chỉ trong một ngày, và nhiều người phải lo nghĩ rất nhiều vì những bồn phận trong nhà của mình. Tuy nhiên, nếu biết cách thay đổi lối nhìn sự vật của mình, chúng ta sẽ có thể làm công việc nhà với niềm vui lớn.

Phần lớn vấn đề ở đây là người ta thường chấp chặt vào cái "ta" hay "cái của ta". Họ thường nghĩ: "Mình đang làm công việc này; thật là khổ, vì mình mệt quá. Tại sao mình lại làm việc này cho người khác?". Càng suy nghĩ như vậy, họ lại càng thêm phiền não. Nếu chúng ta học Bồ Tát đạo, tức đạo Giác Ngộ, và phát nguyện giúp đỡ chúng sinh, chúng ta sẽ có quan điểm rất khác.

Khi đi theo Bồ Tát đạo, điều đầu tiên mà chúng ta cần phải học là hạnh Bồ Thí. Do phục vụ gia đình của mình ở nhà, vị Bồ Tát nội trợ đã tu dưỡng hạnh Bồ Thí rồi. Trong hạnh Bồ Thí có Tài Thí, Pháp Thí, và Vô Úy Thí. Tài Thí có thể được chia thành hai loại là tài sản bên ngoài và tài sản bên trong. Thí dụ, tài sản bên ngoài là làm ra tiền bạc để cung cấp phương tiện sống cho gia đình. Tài sản bên trong là dùng sức lực thể xác và tri thức của mình để giúp đỡ gia đình. Vậy, chúng ta có thể thực hành Bồ Thí một cách hoàn hảo ở ngay tại nhà của mình.

Khi chúng ta tổ chức và làm công việc trong nhà một cách cẩn thận, ngăn nắp và sạch sẽ thì mọi người trong gia đình sẽ có tiện nghi, dễ chịu, và bản thân chúng ta sẽ được hàng xóm khen ngợi. Đó là tu tập hạnh Trì Giới. Trì Giới có ý nghĩa đơn giản là tuân thủ luật lệ của quốc gia, xã hội, và gia đình, và làm mọi việc một cách đúng đắn và có tổ chức. Kiên nhẫn làm công việc của mình không than phiền hay mệt mỏi là tu tập hạnh Nhãn Nhục. Khi chúng ta cố gắng cải tiến mỗi ngày, hy vọng ngày mai mình sẽ đạt thành tựu nhiều hơn hôm nay, thì đó là tu tập hạnh Tinh Tấn. Làm mọi bổn phận hằng ngày mà vẫn giữ cho tâm trí được thanh tịnh thì đó là tu tập hạnh Thiền Định, xả ly mọi vọng niệm và tham dục. Khi tâm trí thanh tịnh, trí huệ sẽ phát sinh, người ta sẽ có đầy an lạc nội tâm, và đó là tu tập hạnh Trí Huệ. Vậy, do hiểu biết đúng, chúng ta sẽ nhận thấy rằng Sáu Hạnh Hoàn Hảo Ba La Mật của bậc Bồ Tát gồm Bố thí, Trì Giới, Nhãn Nhục, Tinh Tấn, Thiền Định và Trí Huệ, có thể được thực hành một cách trọn vẹn trong những hoạt động hằng ngày như lau chùi quét dọn, giặt quần áo, và nấu ăn.

Khi làm tròn bổn phận của mình chúng ta sẽ trở thành khuôn mẫu cho những người nội trợ trên khắp thế giới và là tấm gương cho mọi gia đình noi theo. Vậy, không những chúng ta có thể giúp ích cho hàng xóm mà lại còn có thể ảnh hưởng tới xã hội, xứ sở, và cả thế giới này một cách tích cực. Từ những điều ấy, chúng ta thấy rằng khi lau chùi, quét dọn, giặt quần áo và nấu ăn, vị Bồ Tát nội trợ đang thực sự thi hành đại nguyện giúp đỡ chúng sinh, và cũng chính là đệ tử thực sự của Đức Phật. Vì vậy, nếu suy ngẫm về những bổn phận của mình như trên, chúng ta sẽ cảm thấy an lạc ngay trong công việc của mình, và như vậy thì có cái gì có thể làm cho chúng ta ưu phiền?

Điều quan trọng nhất trong việc học và thực hành giáo lý của Đức Phật, người ta có thực hành những giáo lý này trong đời sống hằng ngày hay không. Vì vậy, chúng ta có thể thực hành Sáu Pháp Ba La Mật trong công việc và trong bổn phận của mình. Một Bồ Tát, trong mọi lĩnh vực của đời sống, nam hay nữ, già hay trẻ, sẽ tu tập bằng cách làm tròn những bổn phận của mình. Tu tập và sinh hoạt hằng ngày chính là một, và cũng là đời sống của những người giác ngộ.

Chương sáu: Những tâm niệm của người đệ tử Phật trong đời sống hằng ngày

* Phật Giáo là một nền giáo dục chứ không phải là một tôn giáo. Chúng ta không thờ phụng Đức Phật, mà chúng ta tôn kính ngài như một vị thầy. Giáo lý của ngài giúp chúng ta thoát khổ, đạt đến chân hạnh phúc.

* Chúng ta nên cư xử với mọi người một cách tôn kính và chân thành, có trách nhiệm với những hành vi của mình, và thận trọng với tài sản của người khác. Nên cẩn thận trong lời nói và việc làm để tránh gây tai hại cho người khác.

* Nên tỏ lòng biết ơn với những người đã gia ơn cho mình, như cha mẹ, thầy tổ, và cả xã hội nữa. Mọi người trong xã hội đều tương thuộc và tương liên với nhau; để trả ơn cho mọi người, chúng ta có thể làm những việc tốt.

* Có bao nhiêu người biết ơn cha mẹ của mình? Người ta thường không biết tới công ơn của cha mẹ cho tới khi chính mình trở thành cha mẹ, hay cho tới khi cha mẹ của mình qua đời. Chúng ta có thể thực hành đạo hiếu để tỏ lòng biết ơn cha mẹ bằng cách làm tròn bổn phận, biết nghĩ tới cha mẹ, và làm theo ý của cha mẹ.

* Thà làm người nghèo mà an lạc còn hơn làm người giàu mà phiền não với nhiều tham vọng.

* Phật giáo là một nền giáo huấn, dạy chúng ta biết cách sống một đời sống hạnh phúc và mãn nguyện.

* Tình yêu đích thực thì không phân biệt, không chấp thủ, và không điều kiện. Chúng ta có thể chia sẻ tình yêu này với toàn thể chúng sinh. Tình yêu như vậy được gọi là từ bi.

* Nếu muốn mang lại hòa bình cho thế giới, chúng ta cần phải bắt đầu bằng cách sửa đổi những sai lầm của mình. Hòa bình thế giới phát xuất từ an lạc nội tâm.

* Chúng ta học và thực hành giáo lý của Đức Phật là để hiểu biết trọn vẹn về cuộc đời và vũ trụ.

* Nên có ý thức và sự tử tế trong lời nói. Nói xấu người khác chỉ là phô bày tính kiêu ngạo và thiếu tự tin của mình.

* Cuộc đời này ngắn ngủi và mong manh, vậy tại sao chúng ta lại không trưởng dưỡng tâm từ bi thay vì làm những việc có hại cho chúng sinh cũng như cho bản thân ta ?

* Xây dựng nếp sống đức hạnh là giữ lòng tử tế, nói lời tử tế, và làm điều tử tế vì lợi ích của người khác.

* Người khôn ngoan thì không nghĩ tới chuyện mình được lợi hay không được lợi, được như vậy người đó luôn luôn sống trong an lạc nội tâm.

* Chúng ta thực hành hạnh bố thí là để giải trừ tham, sân, si, và kiêu ngạo.

* Khi giúp đỡ người khác, chúng ta nên nghĩ tới việc làm lợi ích cho xã hội hay toàn thể giới chứ không chỉ giúp đỡ những người nào mình thích. Mở rộng sự quan tâm của mình thêm ý nghĩa, tự do, và hạnh phúc.

* Những lời dạy của Đức Phật là giáo lý của trí tuệ. Sống theo Phật pháp là làm cho cuộc đời của mình trở nên minh triết và an lạc.

* Trong bất cứ hoàn cảnh nào chúng ta cũng phải tự xét mình trước hết. Không Tử nói: “ kỷ sở bất dục, vật thi ư nhơn”, có nghĩa là: "Những điều gì mình không muốn, đừng bao giờ làm cho người khác"(Do not give to others what you yourself do not desire). Câu này muốn nói rằng chúng ta phải có lòng nhân đạo và thành thực. Nếu muốn người khác cười với mình thì mình phải cười với họ trước. Trong xử sự chúng ta không nên tìm lợi lộc cho riêng mình, mà nên làm việc vì lợi ích chung.

* Một hành giả chân chính thì không bao giờ tìm lỗi người khác. Khi nghĩ tới tội lỗi của người khác thì đó chính là sự phiền não của mình. Người nào cũng có những mặt tốt và những mặt xấu, nhưng chúng ta nên tập nhìn vào những điều tốt của người khác và cố gắng tôn trọng mọi người.

---o0o---

Quyển 5 - Sự bất biến của Luật Nhân Quả

Trong mấy trăm năm qua, diện mạo Phật giáo đã có một số thay đổi. Trước hết, Phật giáo đã được xem là một tôn giáo. Rồi sau đó Phật giáo còn được coi là một triết lý. Có những người còn bóp méo Phật giáo tới mức không thể nhận ra được nữa và đã trở thành có nhiều tính chất mê tín và tôn thờ

thần tượng hơn. Mới đây Phật giáo lại còn được xem như một màn trình diễn đầy hình thức bên ngoài.

Một số những sự hiểu lầm này là do vô tình, thường phát sinh khi người ta cố gắng tìm hiểu và tôn kính giáo lý. Một số những sự hiểu lầm khác xảy ra khi người ta lợi dụng người khác để làm lợi cho mình. Nếu muốn hiểu đúng Phật giáo và đạt lợi ích thực sự, chúng ta cần phải trở về với hình thức Phật giáo nguyên thủy.

Khoảng hai ngàn năm trước, vào năm 67 Tây lịch, Phật giáo chính thức du nhập vào Trung Quốc, và từ đó đã lan truyền và thịnh hành ở khắp xứ này. Hoàng đế Trung Hoa đã công cử những sứ giả đặc biệt đi Ấn Độ để cung thỉnh các Tăng Sĩ Phật Giáo tới Trung Quốc để truyền dạy giáo lý. Thời đó người Trung Hoa đã coi Phật Giáo là một nền giáo dục.

Kinh sách Phật giáo gọi Phật Thích Ca là "Đức Bổn Sư", tức là "Thầy của chúng ta". Những người nghe ngài thuyết pháp được gọi là "người học", và liên hệ thầy trò này chỉ có ở trong ngành giáo dục. Trong kinh sách còn có một lý do khác để có thể gọi Phật giáo là một nền giáo dục, đó là các đệ tử thường hỏi những câu hỏi và Đức Phật trả lời những câu hỏi này. Khi các đệ tử không hiểu rõ, hoặc nghĩ rằng mình không hiểu rõ, họ sẽ hỏi để được biết rõ hơn, và Đức Phật sẽ giảng giải rõ hơn. Đây là lối thảo luận giữa thầy và trò trong một lớp học. Chúng ta nên biết rằng Phật Thích Ca chỉ dạy mà thôi, chứ không cử hành lễ nghi nào cả.

Phật giáo là hệ thống giáo dục của Phật Thích Ca, giống như nền giáo dục của Khổng Tử, vì hai bên trình bày những quan điểm và những phương pháp tương tự. Mục tiêu của nền giáo dục Phật Giáo là đạt trí huệ. Trong tiếng Sanskrit, trí huệ này được gọi là "anuttara-samyak-sambhodi", hay "Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác", tức trí huệ hoàn hảo. Đức Phật dạy rằng mục đích chính yếu của việc học và tu tập là đạt được trí huệ tối thượng này.

Đức Phật cũng nói rằng mọi người đều có khả năng chứng ngộ trạng thái giác ngộ vô thượng này, vì đó là chân tính của chúng ta. Trí huệ không phải là cái để đạt được ở bên ngoài, nhưng vì chúng ta do vô minh mê lầm nên không thể làm hiển lộ được tiềm năng này. Nếu giải trừ được mê lầm này thì chúng ta sẽ chứng ngộ được trí huệ vốn có. Vậy, Phật Giáo là một hệ thống giáo dục có mục đích giúp người ta tìm lại chân tính nguyên thủy của mình.

Phật giáo còn dạy về tâm bình đẳng, vì Đức Phật nói rằng toàn thể chúng sinh đều có trí huệ và chân tính này. Vì vậy, giữa các sinh linh không có điểm khác biệt cốt yếu nào cả. Hiện tại mọi người có vẻ khác nhau, vì chúng ta đã trở nên mê muội, không biết tới chân tính của mình. Mức độ trí huệ hiển lộ trong mỗi cá nhân tùy thuộc vào mức độ vô minh chứ không tùy thuộc chân tính nguyên thủy của cá nhân đó. Giáo lý của Đức Phật giúp chúng ta chứng ngộ trí huệ vô thượng vốn có từ khởi thủy. Với trí huệ này, chúng ta có thể giải quyết mọi vấn đề và chuyển hóa đau khổ thành phúc lạc.

Do thiếu trí huệ, chúng ta cảm nhận và hành xử một cách sai lầm, và do đó phải chịu đau khổ vốn là hậu quả của những ý nghĩ, lời nói, và hành vi xấu. Nếu có trí huệ thì ý nghĩ lời nói, và hành vi của chúng ta sẽ đúng đắn, và chúng ta sẽ không phải chịu những nghiệp quả xấu, và như vậy sẽ có hạnh phúc. Từ đó, chúng ta có thể thấy đau khổ có nguyên nhân là vô minh, còn nguồn gốc của hạnh phúc thì chính là sự chứng đắc trí huệ của mình.

Ngày nay chúng ta còn được hưởng nền giáo dục của Đức Phật trong những giảng đường với nhiều dụng cụ trợ huấn. Khi bước vào một giảng đường hay một phòng học, chúng ta trông thấy tượng Đức Phật, tượng trưng cho chân tính trong mỗi người. Có thể chúng ta thấy chén nước ở trên bàn thờ. Nước trong tượng trưng sự thanh tịnh của tâm trí mà chúng ta cần phải đạt được bằng cách giải trừ tham, sân, và si. Nước phẳng lặng không một gợn sóng gợi ý cho chúng ta đối xử với người và sự việc một cách bình tĩnh và vô phân biệt. Nước phản chiếu trung thực và đủ chi tiết cũng như chúng ta cần phải quan sát sự vật ở xung quanh mình một cách rõ ràng và đúng sự thật.

Những bông hoa tượng trưng cho kết quả của việc làm, nhắc nhở chúng ta rằng mọi hành vi thân, khẩu, ý của mình đều sinh ra những nghiệp quả tốt hay xấu. Đèn hay nến tượng trưng trí huệ và sự sáng suốt dẹp tan bóng tối vô minh. Bông sen tượng trưng sự siêu việt mùi hôi hiện hữu. Trước hết, cành sen mọc lên từ lớp bùn dưới đáy hồ tượng trưng sáu cõi luân hồi. Sen vươn lên qua lớp nước tượng trưng bốn cõi thánh. Sau cùng bông sen nở ở trên mặt nước tượng trưng sự đạt cõi Pháp Giới tức giác ngộ viên mãn.

Bông sen nhắc nhở chúng ta rằng dù đang sống ở thế gian chúng ta không nên để cho mình bị ô nhiễm bởi sự vật thế gian. Bông sen trên mặt nước muốn nói rằng sẽ có lúc toàn thể chúng sinh đều thành Phật. Cõi Phật siêu việt tất cả mùi hôi luân hồi, và sự thành Phật là mục tiêu tối hậu của sự tu học, vì vậy khi trông thấy hoa sen, chúng ta sẽ nhớ là mình cần phải thực hành tu tập để thoát luân hồi đắc Phật Quả.

Ngày nay, khi trông thấy hình tượng Đức Phật, chúng ta lại được nhắc nhở là mình cần phải biết ơn ngài đã truyền dạy Giáo Pháp trong bốn mươi chín năm. Là một nhà giáo dục xã hội tự nguyện, Đức Phật đã dành trọn cuộc đời của ngài để dạy chúng ta cách đoạn lìa phiền não, đạt trí huệ hoàn hảo và hạnh phúc đích thực. Ngài cũng là một người bình thường như mọi người khác, nhưng ngài đã tinh tấn tu hành giác ngộ khi nhìn thấy sự thật của đau khổ sinh, lão, bệnh, và tử. Ngài đã chứng ngộ chân lý của sự sống và vũ trụ, và đã làm gương cho chúng ta noi theo để cũng đạt giác ngộ, sống đời hạnh phúc và mãn nguyện.

Trên thế giới ngày nay có nhiều triết lý, tôn giáo, và những nền văn hóa, nhiều quan điểm khác nhau, giải thích vũ trụ và mối liên hệ của con người với vũ trụ. Nhưng dù có nhiều dị biệt, thực ra thế giới cũng có nhiều điểm tương đồng, thí dụ như những giáo lý không sát sinh, không trộm cướp, không nói dối; hãy làm cho người khác những gì mà mình muốn người khác làm cho mình; biết ơn người khác và sẵn sàng trả ơn.

Dù gọi là quan tâm và tôn trọng người khác hay gọi là từ bi, bác ái, mọi người trên thế giới đều tin vào việc giúp đỡ người khác bằng tài sản hay trí huệ của mình. Ngày nay, nhiều người đang tìm kiếm trí huệ để có thể hiểu ý nghĩa của cuộc đời. Chúng ta vừa bị thôi thúc bởi những cảm xúc trái ngược nhau lại vừa bị thôi thúc bởi óc duy lý. Khi nghe nói tới những tín ngưỡng khác, nhiều người có những cảm giác khác nhau từ lo ngại cho tới tò mò muốn biết, từ ngạc nhiên tới bị thu hút, từ nghi ngờ tới hợp tác.

Nhìn ra bất cứ đâu chúng ta cũng thấy những xã hội với nhiều nền văn hóa khác nhau, những xã hội có rất nhiều dị biệt, những xã hội thường quá chú trọng vào những điểm dị biệt này. Ngày nay, nhiều người tìm kiếm ở bên ngoài bản thân. Họ nhìn vào những điểm dị biệt và cho rằng đó là nguyên nhân của những sự đau khổ, trên thế giới. Nhưng thật ra nguyên nhân của đau khổ nằm ở bên trong mỗi con người chúng ta. Chúng ta chịu khổ sinh, lão, bệnh, tử. Chúng ta khổ vì đời sống khó nhọc, vì không đạt được những gì mình mong muốn, vì phải xa lìa những người mình yêu và phải sống gần những người mình ghét, và khi người ta không hiểu nguyên nhân thật sự của đau khổ thì sự đau khổ đó của họ sẽ gia tăng.

Có những người thường hay dùng thuốc an thần hay thuốc ngủ. Đó là vì họ cảm thấy không thể điều khiển được cuộc đời của mình. Họ muốn kiểm soát người khác và có thêm nhiều thứ nữa. Năm mươi năm trước, người ta có thời giờ để thưởng thức thiên nhiên, để học sách thánh hiền. Nhưng ngày

nay chúng ta không có thì giờ để ngắm cảnh hay để chiêm nghiệm về cuộc đời. Đời sống của chúng ta tiện nghi hơn đời sống của thế hệ trước, nhưng chúng ta gần như không có đời sống tâm linh. Vì vậy chúng ta tìm những thú vui bên ngoài hay những viên thuốc để làm tê liệt những cảm giác của mình, để che đậy sự bất lực của mình trong việc đối phó với đời sống.

Chúng ta phải làm sao để sửa chữa những điều này? Chúng ta cần phải giảm thời gian làm việc và thời gian giải trí. Với tâm thanh tịnh chúng ta sẽ có ít nhu cầu hơn. Chúng ta đã dùng cuộc đời một cách uổng phí trong việc tìm cách thỏa mãn những nhu cầu vật chất của mình. Chúng ta đã không mang gì vào cuộc đời, vì vậy chúng ta cũng sẽ không mang theo được gì khi rời bỏ cuộc đời. Điều mà chúng ta đang cần là lối sống đơn giản. Phật Thích Ca đã sống một đời phạm hạnh, đơn sơ chỉ với những gì cần yếu nhất; ba chiếc y, ăn ngày một bữa, ngủ dưới gốc cây một đêm, nhưng ngài vẫn sống một đời phúc lạc và mãn nguyện.

Chúng ta nên làm theo gương Đức Phật, sống đơn giản để có thể giảm bớt ái dục và do đó để thỏa mãn với cuộc sống. Chúng ta có thể làm việc một năm rồi lại nghỉ một năm. Lối sống đơn sơ sẽ mang lại cho chúng ta sự thanh tịnh và an lạc. Nếu không chấp vào thủ hay xả, chúng ta sẽ bước vào trạng thái lạc tịnh của một bậc giác ngộ.

Làm sao để chuyển hóa theo hướng này? Chúng ta chuyển hướng bằng cách giải trừ tham, sân, si, và kiêu ngạo, để tâm trí sáng suốt không mê muội nữa và bằng cách lâu thông luật nhân quả. Người ta nói rằng các Bồ Tát sợ nhân, còn chúng sinh thì sợ quả (Bodhisattvas fear causes while sentient beings fear effects). Vì hiểu luật nhân quả nên các Bồ Tát sợ gặp nghiệp quả xấu và do đó các ngài hết sức tránh tạo nghiệp xấu. Nên các ngài xóa bỏ được những món nợ nhân duyên, tích lũy công đức cho tới khi đắc Phật Quả.

Mọi sự vật trên thời gian đều phải chịu sự chi phối của luật nhân quả. Vạn vật đều giả ảo và vô thường, nhưng luật nhân quả thì lại là một chân lý vĩnh cửu và bất biến.

Nhân và quả có mối liên hệ mật thiết với nhau vì chúng hiện hữu cùng với nhau. Nhân trở thành quả, và quả này lại trở thành một nhân khác. Từ chuỗi nhân quả bất tận này chúng ta có thể thấy một hành động nguyên nhân không thể kết thúc trọn vẹn, và một nghiệp quả không phải là quả độc nhất. Sự phối hợp của nhân và quả tạo ra một chu trình tàn nhẫn, đó là vòng luân hồi sinh tử.

Một Bồ Tát là một người đã giác ngộ, và do đó hiểu rõ rằng mọi hành động đều sinh ra hậu quả. Các vị Bồ Tát rất thận trọng trong mỗi ý nghĩ, mỗi lời nói và mỗi hành vi, để không gây ra nghiệp quả xấu trong tương lai cho chính mình.

Không giống như các Bồ Tát, chúng ta không hiểu những quy luật và những chân lý của đời sống. Chúng ta chỉ có thể có một chút tri thức giới hạn và mơ hồ. Vì vậy mà chúng ta đã vô ý tạo ra nhiều nghiệp xấu nhưng lại không chịu hiểu tại sao mình lại phải chịu nhiều quả xấu, và đa số chúng ta không biết hối hận mà lại còn đổ lỗi cho người khác đã gây ra tai họa cho mình. Sự không hiểu biết này lại tạo thêm nhiều nghiệp quả xấu nữa. Như vậy nhân và quả liên tục xuất hiện xung quanh chúng ta. Nếu không hiểu luật nhân quả chúng ta sẽ không nhận ra sự liên quan giữa những hành vi và những hậu quả.

Pháp môn niệm Phật giúp ta được tái sinh vào Tịnh Độ Tây Phương phù hợp với luật nhân quả. Khi thực hành pháp môn này, vì lợi ích của mình, chúng ta sẽ tránh tạo thêm nghiệp xấu, chỉ có những hành vi tốt đối với người khác, và đó chính là điều mà các Thầy Tổ cùng các Hiền Thánh đã khuyến khích chúng ta làm.

Với pháp môn Tịnh Độ, chúng ta có thể mang nghiệp hiện hành của mình tới cõi tịnh Tây Phương. Có một điều chúng ta cần phải hiểu là nghiệp hiện hành ở đây là nghiệp "cũ" chứ không muốn nói nghiệp "mới". Những nghiệp "mới" được tạo trong hiện tại thì không thể mang tới Tịnh Độ Tây Phương được. Nghiệp mới tạo lại là những chướng ngại cản trở chúng ta vắng sinh Tịnh Độ. Nghiệp cũ là những nghiệp xấu mà chúng ta đã tạo trước khi học và thực hành Phật giáo.

Khi hiểu như vậy, chúng ta phải quyết định không tạo thêm nghiệp xấu nữa để có thể hoàn toàn giải thoát. Còn nếu nghĩ rằng chỉ cần niệm Phật là sẽ được tái sinh trong cõi tịnh chứ không phải tránh tạo nghiệp xấu thì như vậy là sai lầm. Người ta nói rằng trong mười ngàn người thực hành pháp môn niệm Phật chỉ có vài người được sinh vào Tịnh Độ Tây Phương. Tại sao vậy? Tại vì đa số người ta không chịu ngừng tạo nghiệp xấu trong kiếp hiện tại. Rất cuộc, dù có tụng kinh niệm Phật bao nhiêu họ cũng không thể tái sinh vào cõi tịnh được. Họ vẫn còn phải chịu nghiệp quả trong sáu cõi luân hồi. Đây là một điều quan trọng mà chúng ta cần phải khắc cốt ghi tâm.

Để tu theo Phật giáo, chúng ta cần phải phát Bồ Đề tâm (Bodhi mind), hiểu rõ những quy luật và chân lý của cuộc đời, là tâm đại từ bi, nguyện đạt giải thoát để có thể giúp chúng sinh cũng được giải thoát. Khi phát Bồ Đề tâm, chúng ta quyết định không tạo mọi nghiệp ác chỉ tạo thiện nghiệp và thực hành mọi đức hạnh.

Bồ Đề tâm đại bi tâm và thành thực tâm là tâm vô vị kỷ, hoạt động vì lợi ích của chúng sinh, không mong cầu được đền ơn đáp nghĩa. Với Bồ Đề tâm, chúng ta sẽ có thể phụng sự chúng sinh cũng như nghĩ tới lợi ích của bản thân hay của gia đình mình. Khi thực hành tu tập với Bồ Đề tâm, chúng ta sẽ hóa giải được những nghiệp quả xấu.

Sự thật thì chúng ta không xóa bỏ được những món nợ nhân quả của mình, mà chỉ có thể chuyển nghiệp quả xấu thành phúc lợi trong cõi người và cõi trời, và do đó chỉ có tính cách tạm thời, vẫn còn phải chịu luân hồi sinh tử. Tuy nhiên, việc chuyển hóa này có thể tương đương với sự giải trừ nghiệp xấu khi chúng ta chuyển hóa, phiền não thành bồ đề tâm, hay chuyển luân hồi thành niết bàn (transformation is equivalent to elimination to transform our afflictions into the Bodhi mind. It is transform the cycle of birth and death into the state of Nirvana). Trong tiến trình chuyển hóa này, đức hạnh của chúng ta trở thành tinh truyên và hoàn hảo khi chúng ta đắc Phật Quả viên mãn.

Trong Kinh Hoa Nghiêm, Đức Phật nói rằng chúng sinh đều có những đức tính và trí huệ của chư Phật. Nói cách khác, chúng sinh đều có Phật tánh tức chân tính nguyên thủy vốn có của chúng ta, tạm thời bị che phủ bởi vô minh, vọng tưởng phân biệt, và ái dục. Đắc Phật Quả có nghĩa là làm cho chân tính hiển lộ, là đạt trạng thái trí huệ hoàn hảo. Khi đó, đức hạnh, tài năng và phúc lợi cũng sẽ hoàn hảo. Vậy, khi mọi phương diện đều hoàn hảo, chúng ta sẽ thành Phật.

Nhưng tại sao trong hiện tại đời sống của chúng ta lại khó khăn như vậy? Tại vì chúng ta vẫn còn phiền não, tức những vọng niệm phân biệt và những chấp thủ. Phiền não gây ra đau khổ cho thân thể và tâm trí. Chấp thủ là sự bám giữ vào những đối tượng hay những ý tưởng nào đó, và do đó gây ra ái dục, ý tưởng vị kỷ và ganh tị, muốn điều khiển và sở hữu người khác. Vì những điều này mà chúng ta bám giữ vào những ý nghĩ về những gì đã xảy ra, những gì mình nhớ, những gì mình đã tưởng tượng. Chúng ta bị những ý nghĩ này lôi cuốn mà không thể ngừng lại được.

Chúng ta cần phải chấm dứt những sự chấp thủ này vốn đã làm cho mình đau khổ hay sân hận, đã gây ra những cảm xúc mạnh, không để cho tâm mình được an lạc. Vậy chúng ta phải làm sao? Là những người bình thường, hay phàm phu, chúng ta vẫn còn lệ thuộc những ý nghĩ và những cảm xúc có tính cách chấp thủ, vậy ngay khi những ý nghĩ này phát khởi, chúng ta hãy thay thế chúng bằng câu niệm "A Di Đà Phật". Chúng còn xuất hiện chúng ta còn niệm "A Di Đà Phật". Chúng ta có thể thực hành phương pháp giải trừ vọng niệm này ở bất nơi đâu và bất kỳ lúc nào.

Chư Phật dạy rằng vũ trụ sắc tướng là do tâm tạo, tức là phát sinh từ những vọng tưởng phân biệt và những chấp thủ của chúng ta (universe is generated from our wandering and discriminatory thoughts, is created from our attachment). Những chướng ngại này là những niềm tin sai lầm và những tà kiến, và đã tạo ra bốn mươi một cấp giác ngộ của Bồ Tát Pháp Thân. Có những cấp khác nhau này là vì người ta có những mức độ và vọng tưởng khác nhau.

Vũ trụ được tóm lược qua mười pháp giới. Mười cõi từ đâu mà có? Mười pháp giới (ten Dharma Realms) xuất hiện từ những vọng niệm phân biệt và do sự không bình đẳng của chúng ta. Khi chúng ta có một ý nghĩ phân biệt đối với người hay sự vật khác thì khi đó. Mười pháp giới sẽ xuất hiện. Trong mười cõi này, cao nhất là bốn cõi thánh Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, và Phật (Sound-hearer, Pratyekabuddha, Bodhisattva & Buddha).

Khi chúng ta tham dục thì Sáu Nẻo Luân Hồi sẽ xuất hiện, đó là cõi Trời, cõi Người, Atula, Địa Ngục, Quạ quỹ và Súc sinh - Heaven, Humans, Asuras, Hell, Hungry ghosts, and Animals). Khi sự tham dục gia tăng thì ba cõi thấp nhất trong sáu cõi luân hồi sẽ xuất hiện, tức là các cõi súc sinh, ngạ quỷ, và địa ngục. Nếu sự tham dục trở nên nghiêm trọng thì các cõi địa ngục sẽ xuất hiện. Tại sao chúng ta không thể thoát luân hồi hay thoát khỏi những nghiệp quâu gây chướng ngại? Vì chúng ta đã không muốn tu tập để chuyển hóa từ xấu sang tốt mà lại còn gia tăng ác nghiệp của mình.

Vậy phải làm sao để giải trừ những vọng niệm và tà kiến, khai mở những khả năng này và đức tính nguyên thủy của chân tính? Chỉ có một cách là buông bỏ mọi vọng tưởng và chấp thủ. Khi vọng tưởng và chấp thủ không còn nữa, chúng ta sẽ không những thoát khỏi sáu cõi luân hồi mà lại còn vượt lên trên tất cả Mười Cõi Pháp nữa. Khi đó chúng ta sẽ trụ trong Chân Như Pháp Giới, trạng thái Phật Quả viên mãn. Luật nhân quả nằm ở bên trong cõi này.

Vọng niệm phân biệt và chấp thủ là nhân, Mười Pháp giới là quả. Vì vọng niệm và chấp thủ tạo ra nghiệp xấu nên chúng ta phải giải trừ chúng để chuyển nghiệp và công đức của mình được viên mãn. Khi tu tâm vô phân biệt, hành giả sẽ buông bỏ được mọi phiền não. Nhưng đa số chúng ta có thể gặp khó khăn trong việc xả ly này vì đã có thói quen của ái dục và sân hận, và do đó phải chịu thêm nghiệp quả xấu. Do vọng niệm phân biệt mà thế giới này có những sự bất bình đẳng. Kinh Kim Cương (Diamond Sutra) nói rằng người ta thường chấp giữ bốn điều: ngã tướng, nhân tướng, chúng sinh tướng, và thọ giả tướng. Nếu không nghĩ theo bốn điều: mình, người, chúng sinh, và kiếp sống này thì với công phu tu tập, chúng ta sẽ đoạn lìa được phiền não. Vì vậy, không những cảm xúc phiền não xuất hiện, chúng ta sẽ tự nhắc nhở mình về bốn điều này và nhớ rằng chúng chỉ là những ảo tưởng, không thật có. Như vậy chúng ta sẽ được an lạc thực sự, sẽ chấp nhận hoàn cảnh của mình, và biết vui mừng khi người khác làm được việc tốt.

Việc tích lũy công đức tùy thuộc vào việc tu tập của chúng ta. Chúng ta tu tập như thế nào? Pháp tu tập của chúng ta là buông bỏ mọi vọng niệm và mọi chấp thủ, sửa đổi những nếp nghĩ và nếp sống sai lầm. Đức hạnh có nghĩa là gì? Đức hạnh là sự thành tựu Thiên định, Trí huệ và Chân như Pháp giới. Phước là cái thành tựu bên ngoài như bố thí, phóng sanh, cúng dường, ấn tống kinh sách. Một vị giác ngộ viên mãn phải đầy đủ cả phước và đức.

Các vị Bồ Tát thuộc những cấp cao nhất vẫn chưa đạt được công đức hoàn hảo, vì các ngài chưa phá bỏ những mức độ vô minh cuối cùng của thời gian. Các ngài chưa buông bỏ một chút vọng niệm còn sót lại, nên công đức của các ngài chưa hoàn hảo. Khi không còn một chút vô minh nào cả, công đức của các ngài sẽ hoàn hảo, và các ngài đắc thành Phật Quả.

Chúng sanh phạm lỗi lầm là do vô minh và tà kiến. Khi tiếp xúc với người và sự vật, chúng ta thường hành xử một cách tham, sân, si, ích kỷ và với ý muốn kiểm soát và điều khiển những gì ở xung quanh mình, chúng ta cần phải bỏ ý định này và thay thế những ý nghĩ vị kỷ bằng những ý hướng vị tha. Khi đó phiền não sẽ mỏng dần và tâm trí sẽ thanh tịnh hơn. Nếu đạt được trạng thái tâm này, chúng ta nên giúp người khác cũng đạt được như mình.

Chừng nào vẫn còn những ý tưởng tham, sân, si, kiêu ngạo và ý muốn kiểm soát người khác, chúng ta sẽ vẫn còn những nguyên nhân làm cho mình phải tái sinh trong ba cõi thấp: súc sinh, ngạ quỷ, và địa ngục. Si mê làm cho

người ta rơi vào cõi súc sinh. Tham dục làm cho người ta tái sinh trong loài quỷ đói, còn sân hận là nguyên nhân của sự tái sinh trong địa ngục.

Khi đã tạo nghiệp xấu thì không có cách gì để tránh quả xấu. Bản thân mỗi người phải chịu nghiệp quả xấu của mình. Không có thần, thánh, hay Phật nào có thể giải khổ hay gánh dùm nghiệp quả xấu cho chúng ta. Các vị không có quyền lực để làm như vậy. Bản thân chúng ta phải chịu hậu quả của những nghiệp ác của mình. Chúng ta không thể tránh được nghiệp quả cũng giống như không thể chạy thoát được cái bóng của mình.

Khi làm được một việc tốt nhỏ nào đó, chúng ta không nên mong sẽ được hưởng phước báo tức khắc. Mong ước như vậy là ảo tưởng, bởi vì chúng ta vẫn còn rất nhiều nghiệp quả xấu mà mình đã tạo trong quá khứ, mà một nghiệp tốt nhỏ không thể bù lại được. Nếu không hiểu điều này thì khi gặp khó khăn chúng ta sẽ có thể nghi ngờ những lời dạy của Đức Phật. Chúng ta sẽ thắc mắc là tại sao mình làm điều tốt mà lại gặp chuyện xui xẻo trong khi người khác tạo nghiệp xấu lại gặp điều may mắn. Chúng ta sẽ nghi ngờ luật nhân quả và có thể vô tình phỉ báng giáo lý của chư Phật, và như vậy là tạo thêm nghiệp xấu nặng nề.

Nghiệp quả có thể xuất hiện sớm hay muộn tùy theo trường hợp. Thứ nhất, quả tốt phát sinh từ nghiệp tốt hay quả xấu do nghiệp xấu có thể xuất hiện ngay trong kiếp hiện tại. Thứ nhì, nghiệp tốt hay xấu được tạo trong kiếp này nhưng quả chỉ hiển lộ trong kiếp sau. Thứ ba, nghiệp quả chỉ hiển lộ trong kiếp thứ ba hay nhiều kiếp sau nữa. Vậy, quả tốt hay xấu có thể xuất hiện sớm hay muộn, và chúng ta không có khả năng biết được sẽ xuất hiện lúc nào.

Vậy lúc nào nghiệp quả xấu xuất hiện? Nghiệp quả tốt cũng như nghiệp quả xấu chỉ xuất hiện khi nhân duyên đã tụ hội đầy đủ. Nếu nhân duyên, hay những điều kiện có đủ trong kiếp hiện tại thì nghiệp quả sẽ hiển lộ ngay trong kiếp hiện tại. Nếu nhân duyên chỉ hội tụ trong kiếp sau thì nghiệp quả sẽ xuất hiện trong kiếp sau. Còn nếu nhân duyên chỉ có đủ sau nhiều kiếp thì nghiệp quả cũng sẽ chỉ xuất hiện sau nhiều kiếp. Tức là một nghiệp thiện hay ác một khi đã được tạo ra rồi, nó phản ứng trở lại với ta không sớm thì muộn, chứ mãi mãi không bao giờ mất.

Chúng ta hãy xét thí dụ một truyện mà Đức Phật đã kể trong Kinh Pháp Hoa (Lotus Sutra). Một người già thỉnh cầu Đức Phật cho mình được gia nhập Tăng đoàn. Để trở thành tăng sĩ người ta cần phải có những đức tính và nhân

duyên tốt. Lúc đòu tất cả các tăng sĩ đệ tử của Đức Phật đều đã thành tựu đạo quả, vì vậy Đức Phật thử tài của họ bằng cách bảo họ xét coi có nên chấp nhận người già này vào tăng đoàn hay không. Các đệ tử của ngài đã đắ quả La Hán nên có thể biết được năm trăm kiếp trước của bất cứ người nào. Họ cho rằng ông già không đủ điều kiện để trở thành tăng sĩ, vì họ không thấy ông ta trồng nhân lành nào trong những kiếp trước. Nhưng Đức Phật nói với họ rằng trong vô số đại kiếp trước đây ông già là một tiểu phu. Một hôm khi đang đi vào trong núi kiếm củi thì người tiểu phu đó gặp một con cạp. Ông ta liền leo lên một cái cây để tránh con thú rồi kêu "Nam Mô Đức Phật" (Homage to the Buddha) để mong được cứu nạn. Chỉ với vài lời đó, ông già đã gieo trồng nhân duyên tốt cho mình, vì vậy khi được gặp Đức Phật sau vô số kiếp, ông già đã được hưởng quả tốt. Ông được Đức Phật cho phép gia nhập Tăng đoàn, và sau đó đã đắ quả La Hán, một quả vị mà ở trong đó người ta không tạo nghiệp xấu thân, khẩu, ý nữa. Đó là một thí dụ về nghiệp quả xuất hiện sau vô số kiếp.

Tất cả những ý nghĩ, lời nói, và hành động phát xuất từ tâm trí của chúng ta đều tạo ra nghiệp quả. Chúng ta gieo cái gì thì gặt cái đó. Gieo nhân tốt, chúng ta sẽ được hưởng nghiệp quả tốt; gieo trồng nhân xấu, chúng ta sẽ phải chịu quả xấu. Chư Phật, Bồ Tát cũng không thể sửa đổi được định luật này. Nghiệp quả chỉ xuất hiện khi có đủ những điều kiện nhân duyên. Nếu chúng ta không thấy việc làm tốt của mình mang lại quả tốt thì đó là vì nhân duyên chưa hội tụ đầy đủ để kết thành quả mà thôi.

Khi hiểu thấu đáo về luật nhân quả, chúng ta sẽ cẩn thận trong mọi ý nghĩ, lời nói và hành vi của mình để tránh tạo nghiệp xấu. Chúng ta sẽ biết cách cư xử đúng đắn với người và sự vật, chúng ta sẽ vun bồi đức hạnh để được hưởng quả tốt có ích lợi cho mình về sau.

Đức Phật đã nói rõ về cách phân biệt nghiệp tốt với nghiệp xấu. Khi nghĩ tới việc làm lợi ích cho chúng sinh, chúng ta đang gieo trồng phước đức cho mình. Còn nếu chỉ nghĩ tới lợi ích của bản thân mà không cần biết tới người khác, là ta tạo nghiệp xấu vậy. Chúng ta cần phải tránh việc lợi dụng người khác để làm lợi cho mình, vì những hành vi như vậy sẽ tạo ra nghiệp quả xấu mà chúng ta sẽ phải chịu về sau. Dù tin hay không tin, luật nhân quả muôn đời vẫn như thế. Vậy, chúng ta cần phải luôn luôn cố gắng thực hành đại từ bi để mang phúc lạc đến cho mình và cho người, và dứt khoát không bao giờ gây sự khổ đau cho người.

Chúng ta nên phải biết vị kỷ và là vị tha như thế nào để biết mình đang tạo nghiệp xấu hay đang tạo nghiệp tốt. Nên nhớ rằng vọng niệm và chấp thủ là nguyên nhân của luân hồi trong mười cõi. Khi mọi ý nghĩ đều có tính cách ích kỷ và chấp thủ của chúng ta rất nghiêm trọng, và do đó chúng ta tiếp tục luân hồi sinh tử. Vì vậy, nếu chỉ nghĩ tới chính mình, gia đình của mình, tổ chức của mình, hay đất nước của mình thì đó là tạo nghiệp xấu.

Đại đa số người không hiểu điều này, nên họ cho rằng lối nghĩ như vậy là chuyện tự nhiên, hay có khi còn là đúng nữa. Họ không biết rằng lối nghĩ vị kỷ và chật hẹp như vậy là hoàn toàn trái ngược với giáo lý của Đức Phật. Do không có trí huệ đích thực, chúng ta không trông thấy sự vật một cách rõ ràng và chỉ có những ý niệm sai lầm. Đức Phật là bậc đại giác ngộ nên ngài chỉ nói lên những sự thật.

Mỗi ý nghĩ là một sự tạo nghiệp. Nếu sự tạo nghiệp phát xuất từ trí huệ thì nghiệp quả này cũng phát xuất từ trí huệ. Nếu tạo nghiệp từ vô minh thì nghiệp quả cũng phát xuất từ vô minh. Vì thường tạo nghiệp trong vô minh nên chúng ta đã phạm rất nhiều tội lỗi trong những kiếp quá khứ cũng như kiếp hiện tại. Chúng ta thường tạo nghiệp xấu nhiều hơn là nghiệp tốt. Nếu tạo nghiệp tốt nhiều hơn nghiệp xấu thì chúng ta đã không phải lăn trôi trong luân hồi sinh tử.

Còn luân hồi thì còn có thể tạo nghiệp xấu thêm nhiều hơn nghiệp tốt, vì vậy chúng ta cần phải có chánh niệm, thận trọng trong mọi hành vi thân, khẩu, ý. Tuy nhiên, Đức Phật dạy rằng nghiệp không cố định mà có thể được chuyển hóa. Vì mọi sự vật đều do tâm tạo ra nên nghiệp cũng phát sinh từ tâm trí, và vì vậy nghiệp cũng có thể được chuyển hóa bằng tâm trí. Khi đạt được sự thanh tịnh trong tâm trí thì nghiệp xấu của chúng ta sẽ được giải trừ.

Do mê muội và tà kiến, chúng ta thường không hiểu trọn vẹn ý nghĩa những lời dạy của Đức Phật. Kinh sách nói rằng những bậc giác ngộ như các La Hán và Bồ Tát đã hoaông sợ khi nghe Đức Phật nói về nghiệp quả. Một La Hán sẽ toát mồ hôi khi nhớ lại sự đau khổ mà mình đã phải chịu ở Địa Ngục Vô Gian trong những kiếp trước. Như vậy các ngài có ý thức về nghiệp quả nhiều hơn chúng ta bây giờ. Vì chưa có khả năng nhớ lại những kiếp trước của mình nên chúng ta không biết rằng mình cũng như tất cả mọi người đều đã có những lần ở trong địa ngục. Nếu còn kẹt ở trong luân hồi thì gần như chắc chắn chúng ta sẽ còn trở lại địa ngục nhiều lần nữa.

Thời gian của một kiếp tái sinh trong cõi trời cao nhất là tám mươi ngàn đại kiếp, nhưng thời gian này là ngắn so với thời gian vô số đại kiếp mà một người phải trải qua trong địa ngục. Tất cả chúng ta đều đã phạm tội nặng và vẫn có thể được cứu độ trước khi rơi vào địa ngục, nhưng một khi đã xuống địa ngục, chúng ta sẽ rất khó được giải cứu, dù đã có Bồ Tát Địa Tạng giúp đỡ những sinh linh ở đó. Bất cứ một vị Phật hay một vị Bồ Tát nào có nhân duyên với một sinh linh ở địa ngục và đến đó giáo hóa vẫn được gọi là Bồ Tát Địa Tạng.

Có thể chúng ta có nhân duyên với một người nào đó đang ở địa ngục. Khi trở thành Bồ Tát hay Phật, chúng ta sẽ có thể đi đến đó để giúp đỡ họ, và lúc đó chúng ta cũng được mệnh danh là Bồ Tát Địa Tạng. Vậy, danh hiệu của một vị Phật hay một vị Bồ Tát là một thánh danh được dùng cho mọi người, chứ không phải của riêng một vị nào.

Trong Kinh Địa Tạng, chúng ta thấy rằng việc giải cứu những sinh linh ở địa ngục là điều rất khó khăn. Bồ Tát Địa Tạng có trí huệ và quyền năng lớn nên ngài có thể cứu độ chúng sinh ở địa ngục. Nhưng do tập khí, khi được tái sinh ở cõi trời, chúng ta vẫn tiếp tục tạo nghiệp xấu để rồi sẽ lại trở xuống địa ngục. Ở địa ngục chúng ta sẽ phải đau khổ liên tục, không có một lúc nào ngừng nghỉ để có thể tu tập, vì vậy chúng ta sẽ chỉ có sự sân hận, và do đó nghiệp xấu gia tăng. Kinh sách đã giải thích rõ ràng như vậy để chúng ta biết là việc cứu độ những sinh linh ở địa ngục khó khăn như thế nào.

Vậy, chúng ta có thể được cứu độ sau khi đã tạo nghiệp xấu, nhưng phải trước khi qua đời và rơi vào địa ngục. Trong khoảng thời gian này chúng ta phải được giáo hóa đến chỗ thức tỉnh để biết sám hối và sợ phải sa vào địa ngục, quyết định không tạo nghiệp xấu về thân, khẩu, ý nào nữa, và chỉ làm những việc tốt mà thôi. Như vậy tâm ta thanh tịnh và có thể thay đổi hoàn cảnh của mình, chuyển hóa nghịch cảnh thành thuận cảnh. Nếu có thể phát bồ đề tâm thì hoàn cảnh của chúng ta lại càng tốt hơn nữa. Vào lúc qua đời, nếu chúng ta thành tâm sám hối và niệm "A Di Đà Phật" từ một đến mười biến để cầu vãng sinh Tịnh Độ, chúng ta sẽ được tái sinh trong cõi tịnh, dù đáng ra chúng ta phải rơi vào địa ngục Vô Gián. Chúng ta sẽ ở trong cõi Tịnh Độ như vị Bồ Tát không thoái chuyển. Ở đó chúng ta sẽ có cơ hội trở lại thế gian để giúp những người có nhân duyên với mình.

Có khi chúng ta làm những việc tốt nhưng vẫn bị người khác chê cười hay khinh thường, hay chúng ta có thể bệnh nặng, nghèo khổ, hay phải sống một kiếp tệ hại hơn kiếp trước. Tại sao vậy? Đó là do những nghiệp xấu nặng nề

của chúng ta đã được giảm xuống thành những quả xấu nhẹ trong kiếp hiện tại. Nói cách khác, phải sống trong tình trạng như vậy có nghĩa là nghiệp xấu của chúng ta đã trở nên nhẹ hơn.

Kinh Kim Cương nói rằng nghiệp xấu đã tạo trong quá khứ, người ta có thể phải chịu nghèo khổ, thấp hèn, hay phải đọa địa ngục. Vì vậy, nghịch cảnh của chúng ta trong hiện tại là quả báo xấu mà chúng ta phải chịu do đã tạo nghiệp xấu trong quá khứ. Tuy nhiên, khi chấp nhận đời sống tu tập, nghiệp xấu của chúng ta sẽ được giải trừ và cuối cùng chúng ta sẽ đạt giác ngộ viên mãn. Như vậy, chúng ta có thể chuyển hóa nghiệp xấu chỉ với một ý tưởng giác ngộ, tức là quyết định đi theo con đường tu tập.

Kinh sách cũng nói rằng khi chúng ta thực hành công hạnh của cấp Bồ Tát hay cấp Phật, các vị Bồ Tát và thần linh sẽ liên tục bảo hộ chúng ta. Nếu chúng ta gặp chướng ngại hay khó khăn hay khi thi hành những việc lớn này thì đó là vì nghiệp xấu quá khứ của chúng ta quá nặng. Nếu chúng ta cương quyết lập công đức lớn thì chúng ta sẽ vượt qua được những chướng ngại và khó khăn hiện tại và sẽ đạt được vô số lợi ích và phúc lạc. Chúng ta hãy sẵn lòng hoạt động trong nghịch cảnh. Chúng ta cần phải bình tĩnh trả những món nợ nghiệp quả, không than thở hay sân hận một chút nào. Nếu sân hận với nghịch cảnh thì món nợ của kiếp sau sẽ lớn hơn kiếp này rất nhiều.

Sư phụ của tôi, Hòa Thượng Tịnh Không, là tấm gương tốt về sự trả nợ nghiệp quả. Ngài đã phải chịu khổ cực nhiều năm, nhưng ngài vẫn cố gắng chăm chỉ tu học và làm việc. Sau đó ngài gặp được ông bà Phật tử Hàn Anh (Yin-Han), và được hai vị này hết lòng giúp đỡ. Chỉ lúc đó với mức sống khả quan ngài mới có thể thực hiện ước nguyện của ngài là đi giảng pháp. Những chướng ngại và khó khăn của ngài là nghiệp quả xấu đã tích tụ trong quá khứ, và do nhân nhục chịu đựng, ngài đã dần dần giải trừ được nghiệp xấu của mình.

Việc thiết lập Thư Viện Hoa Tạng và sau đó là Cơ Sở Giáo Dục Phật Đà là những điểm son trong sự nghiệp hoằng pháp của Hòa Thượng Tịnh Không. Hiện tại, dưới sự hướng dẫn của ngài, hơn năm mươi Trung Tâm Tịnh Độ Học (Pureland Learning Centers) và Hội Phật A Di Đà (Amitabha Buddhist Societies) trên khắp thế giới đang góp phần quan trọng trong việc truyền bá Phật Giáo. Đây là hoa trái Phật Pháp tốt nhất mà chúng ta đang thọ hưởng.

Vậy, chúng ta không nên nản chí khi phải đối diện với nghịch cảnh. Kinh sách nói rằng chư Phật, Bồ Tát đã xếp đặt mọi chuyện trong đời sống của

chúng ta. Tất cả những nghịch cảnh và khó khăn dù nặng nề tới đâu cũng do các ngài xếp đặt trước, mục đích là để giải trừ dần dần nghiệp xấu của chúng ta cho tới khi chúng ta tích lũy công đức. Nghịch cảnh và khó khăn cũng giúp hành giả nâng cao trình độ tu tập và đạt thành tựu. Tất nhiên chư Phật, Bồ Tát không muốn chúng ta gặp điều xấu. Đối với những hành giả chân chính, nghịch cảnh và chướng ngại là điều quý báu. Khi hiểu như vậy, chúng ta sẽ nhẫn nhục và chấp nhận thực tại của những khó khăn, không nản chí, để cuối cùng mình đạt được mục đích.

Đức Phật đã dạy rằng chúng ta cần phải hiểu thấu đáo những giáo lý trong kinh sách để có khả năng chịu đựng khi gặp chướng ngại. Dù đang ở trong hoàn cảnh tốt hay xấu chúng ta cũng phải giữ bình tĩnh. Nghịch cảnh giúp chúng ta thanh toán những món nợ nghiệp báo của mình. Nhưng thuận cảnh có mang lại lợi ích nào không? Chúng ta cần phải có thiên định và trí huệ vững chắc để không thoái chuyển, rơi rớt khi gặp thuận cảnh, và trong hoàn cảnh tốt, tâm trí của chúng ta thường phát sinh những ý tưởng tham dục, thoả mãn. Người tu Phật không cho phép mình mãn nguyện bất cứ một sở đắc nào, nếu chưa rốt ráo đạt đạo đạt ngộ mà khởi niệm mãn nguyện, thoả mãn, ngay lúc ấy chúng ta đã rơi vào con đường ma rồi.

Chúng ta muốn tránh mọi phiền não, thí dụ như không sân hận, nhưng khi có chuyện gì xảy ra, chúng ta có thể nổi giận trước khi kiềm chế được mình. Khi có ý tưởng tham dục mà lại không được như ý, chúng ta sẽ nổi sân hận. Đó là vì tập khí và ác nghiệp đang lấn lướt ta. Nhưng chúng ta có thể sửa đổi điều này bằng cách tu học theo Giáo Pháp tinh cần hơn nữa. Tri và hành là hai điều quan trọng ngang nhau vì chúng bổ túc cho nhau, và đưa tới sự hiểu và thực hành rốt ráo.

Khi gặp khó khăn, người ta thường đổ lỗi cho người khác, và lại còn cho rằng Trời không công bằng với họ. Rất hiếm khi họ chịu nghiêm chỉnh nghĩ đến lỗi lầm của chính mình. Nếu chúng ta không nhất tâm sám hối là vì chúng ta vẫn còn vô minh và tà kiến. Ngày nay, chúng ta thường nghe nói người ta lừa dối lẫn nhau. Những chuyện lừa bịp diễn ra hằng ngày trên thế giới. Tại sao lại có tệ nạn này? Nếu hiểu Phật Giáo và sự thật về cuộc đời và vũ trụ, chúng ta sẽ biết rằng hiện tại mình bị lừa dối vì trong quá khứ mình đã lừa dối người khác.

Khi hiểu như vậy chúng ta sẽ coi việc mình bị lừa dối chỉ là một sự trả nợ nhân quả. Nợ tiền phải trả bằng tiền, và nợ nhân quả phải trả bằng nghiệp quả. Luật nhân quả là vững chắc và không thể nào tránh được.

Đức Phật dạy rằng mọi vật đều như một giấc mộng, như ảo ảnh, như cái bóng, như bọt nước. Không có gì trường tồn, không có gì chắc thật để cho người ta thủ đắc hay bám giữ vào. Đây là một chân lý mà chúng ta cần phải ghi nhớ. Cuối cùng, khi hiểu ra rằng không có gì để được hay mất, chúng ta sẽ thoát khỏi vô minh. Vậy, khi gặp khó khăn, chúng ta phải nghĩ rằng đây chỉ là một sự trả nợ. Như vậy, chúng ta sẽ nhẫn nhục và lại còn hân hạnh trả cho người khác những gì họ muốn, và luôn luôn biết sám hối những lỗi lầm của mình.

Ngày nay chúng ta thấy nhiều người có hạnh phúc và có nhiều tiền của. Những thứ này ở đâu ra? Đây không phải chỉ là một sự ngẫu nhiên may mắn mà là kết quả tốt mà họ đã gieo trồng trong những kiếp trước. Hạnh phúc hay khổ đau không phải là chuyện ngẫu nhiên, mà có gốc rễ rõ ràng.

Đại Sư Ân Quang nói rằng người ta có thể đạt được mọi thứ bằng sự thành thực, vì thành thực sẽ mang lại lợi ích cho bản thân, và bằng sự tôn trọng người khác, tức là làm lợi ích cho người khác. Với sự thành thực và sự tôn trọng, chúng ta sẽ hòa hợp với mọi người. Để xã hội được hòa hợp, chúng ta cần phải hiểu nguyên lý nhân duyên và nghiệp quả. Để được người khác tôn trọng mình chúng ta cần phải tôn trọng người khác trước. Chúng ta cần phải sửa đổi bản thân để làm cho hoàn cảnh được tốt hơn. Nếu không làm như vậy thì chúng ta sẽ không tránh được những tai họa lớn trên thế giới, vốn là cộng nghiệp của chúng sinh.

Trong suốt cuộc đời của ngài, Đại Sư Ân Quang khuyến khích mọi người nghiên cứu về nhân duyên và nghiệp quả với sự hỗ trợ của những tài liệu “Liễu Phàm Tứ Huấn” (Bốn Bài Học Của Liễu Phàm”. Ngài đã dành hết cuộc đời của mình cho việc giúp đỡ người khác. Nhưng có điều đáng tiếc là người ham muốn lợi lộc thế gian thì nhiều, còn người thức tỉnh muốn sinh vào Tịnh Độ Tây Phương thì ít.

Bằng việc phân phát những cuốn sách cảm nang như “ Kinh Thiện Ác Nhân Quả”, “ Liễu Phàm Tứ Huấn”, Đại Sư Ân Quang đã cho thấy ngài là người có tâm đại từ bi, thành tâm giúp đỡ nhân loại. Ngài quả là một Bồ Tát, hóa thân của Bồ Tát Đại Thế Chí, xuất hiện ở thế gian này để hóa độ chúng sinh. Chúng ta nên làm theo gương ngài bằng cách giới thiệu và truyền bá pháp môn Tịnh Độ khắp thế giới với sự hỗ trợ của kỹ thuật hiện đại. Hy vọng việc làm này sẽ giúp giảm thiểu hay có thể giải trừ những tai họa trên thế giới, vốn là hậu quả của những nghiệp xấu về thân, khẩu, ý mà loài người đã tạo

ra trong hai ngàn năm qua. Nếu làm được như vậy chúng ta sẽ lập được vô lượng công đức.

Đức Phật dạy rằng chúng ta không nên phân biệt mình với người khác, vì tất cả là một. Chúng ta cần phải có lòng từ bi, lời nói tử tế, và việc làm tốt của một người cao quý. Tất cả chúng ta sống trong cùng một thế giới, có cùng những vấn đề. Khi có người rơi xuống sông, chúng ta sẽ tìm cách cứu người đó mà không cần biết người đó thuộc chủng tộc nào, tôn giáo nào. Chúng ta sẽ làm mọi việc theo khả năng của mình để giúp đỡ mọi người. Nếu tất cả chúng ta đều sẵn lòng giúp đỡ người khác khi cần thiết thì thế giới này sẽ không có những vấn đề mà thế giới đang có, đó là hận thù, chiến tranh, khủng bố và tai họa.

Chúng ta có thể tùy ý tạo thêm vấn đề hoặc giải quyết vấn đề. Nếu muốn giải quyết mọi vấn đề, chúng ta cần phải biết giúp đỡ lẫn nhau. Chúng ta có thể tiêu hàng triệu đô la Mỹ cho một quả bom hoặc hai mươi đô la để giúp một người thuộc thế giới thứ ba trong một tháng. Chúng ta có thể dùng tiền để giết người hoặc để cứu người. Việc nào sẽ giải quyết vấn đề? Chiến tranh sẽ không giải quyết được vấn đề, dù tạo chiến tranh với mục đích vô vị kỷ. Sự bố thí đích thực thì hoàn toàn không có một chút mong cầu được đền đáp nào cả. Nếu chúng ta mong cầu một cái gì thì việc làm của chúng ta sẽ không giải quyết được vấn đề. Khi những nền văn hóa và những tôn giáo khác nhau biết tôn trọng và giúp đỡ lẫn nhau thì rốt cuộc chúng ta sẽ có một xã hội hòa hợp và thịnh vượng, một thế giới hòa bình và ổn định. Đây là điều mà chúng ta hy vọng và là bổn phận mà chúng ta phải thi hành.

Mấy tháng trước, ở nước Úc, Hòa Thượng Tịnh Không và bản thân tôi đã tham dự những cuộc họp của Diễn Đàn Đa Tín Ngưỡng Multi-Faith Forum), được chính phủ Úc bảo trợ và Hội Nghị Thế Giới về Tôn Giáo và Hòa Bình. Ở những cuộc họp này, những nhà lãnh đạo của các nhóm tôn giáo chia sẻ ý kiến về cách giải quyết những mâu thuẫn giữa các nhóm sắc tộc, văn hóa, và tôn giáo. Mục tiêu của họ là thiết lập một xã hội đa văn hóa, đa chủng tộc, đa tôn giáo hòa hợp và thịnh vượng. Để xã hội và đất nước được ổn định và thịnh vượng, trước hết chúng ta cần phải có sự giao tiếp hòa hợp giữa các nhóm văn hóa, sắc tộc, và tôn giáo.

Mỗi nhóm văn hóa, sắc tộc, và tôn giáo đều có những phẩm tính đáng biểu dương, và dù phát xuất từ những bối cảnh khác nhau, chúng vẫn còn nhiều điểm tương đồng. Nếu chúng ta dùng những điểm giống nhau này làm chỗ bắt đầu để tìm kiếm nền móng chung và dẹp bỏ mọi bất đồng thì chúng ta sẽ

có thể cảm nhận được những điểm tốt của nhau. Như vậy chúng ta sẽ thành thực tôn trọng nhau, và sẽ không còn muốn can thiệp vào nội bộ của người khác hay giải quyết vấn đề bằng võ lực. Như vậy mọi sự tranh chấp sẽ tự nhiên tan biến, chiến tranh sẽ không còn, và xã hội của chúng ta sẽ được hòa bình và thịnh vượng.

Đức Phật dạy rằng vũ trụ vạn vật và chúng ta là một thực thể trọn vẹn. Nếu tất cả chúng ta đều hiểu điều này thì sẽ không cần gì phải lo nghĩ về sự ổn định của xã hội và hòa bình của thế giới. Với sự bắt đầu như vậy, chúng ta sẽ nhận ra là quả thật tất cả mọi người khác chính là bản thân ta.

Làm hại người khác là làm hại chính mình; làm lợi cho người khác là làm lợi bản thân. Nếu tự cô lập với những ý tưởng ích kỷ và những hành vi làm lợi cho riêng mình thì chúng ta sẽ không thể nào tránh được những sự đụng chạm và những chiến tranh giữa các chủng tộc, tôn giáo, và các nền văn hóa.

Với những lời dạy của Đức Phật, chúng ta được biết về sự quan trọng của việc thực hành và đề cao tâm từ bi và bình đẳng. Trong xã hội, mỗi người có một vai trò khác nhau, nhưng vai trò của mọi người đều quan trọng và cần thiết như nhau. Không có vị trí tốt hay xấu, cao hay thấp, mà chỉ có những nhiệm vụ khác nhau.

Trong phẩm tựa của Kinh Hoa Nghiêm, có giới thiệu hai trăm bảy mươi lăm nhóm thuộc các loài sinh linh khác nhau trong ba ngàn đại thiên thế giới tham dự một cuộc tụ họp. Đây là một cuộc tập họp đa văn hóa của các loài thuộc những thế giới và những tín ngưỡng khác nhau. Để giúp chúng ta đạt được sự hòa hợp này, chư Phật, Bồ Tát đều trước hết dạy rằng toàn thể vũ trụ là một thực thể đơn nhất.

Cuốn Kinh Dịch của Trung Hoa đã có từ ba ngàn năm trước viết rằng trời và đất, bốn mùa và vạn vật đều được tạo thành bởi những hạt nhỏ vô cùng. Lão Tử cũng nói rằng vũ trụ và chúng ta có cùng nguồn gốc, vạn vật và chúng ta là một thực thể. Như Đức Phật đã dạy, tất cả chúng ta có cùng một chân tính.

Thiền sư Thích Nhất Hạnh có kể một truyện về Đức Phật và Ma Vương, hiện thân của tất cả những điều xấu. Ma Vương là đối thủ mà Đức Phật đã chiến thắng trong đêm Đức Phật thành đạo dưới cội cây Bồ Đề.

Một hôm, khi Đức Phật đang ở trong hang và thị giả của ngài là Ananda đứng ở ngoài cửa thì Ma Vương xuất hiện. Ananda kinh ngạc và kêu Ma

Vương hãy biến đi, nhưng Ma Vương tiến tới, bảo ông vào trình với Đức Phật rằng Ma Vương có ý tới thăm. Ananda nói với Ma Vương: "Người tới đây làm gì? Người không nhớ là Đức Phật đã đánh bại người ở dưới gốc bồ đề hay sao? Người không biết hổ thẹn hay sao mà còn đến đây làm gì? Đức Phật sẽ không gặp người đâu. Người là ma quỷ. Người là kẻ đối nghịch của ngài"

Khi nghe Ananda nói như vậy, Ma Vương cười rồi hỏi: "Ông có muốn nói là thầy của ông đã nói với ông "rằng ông ta có kẻ thù địch hay không?"

Tôn giả Ananda không nói được gì cả, và phải đi trình với Đức Phật là có Ma Vương tới thăm, chỉ mong Đức Phật sẽ bảo: "Ra nói với Ma Vương là ta không có ở đây. Cứ nói là ta đang bận việc". Nhưng Đức Phật không bảo như vậy, mà ngài rất vui khi nghe ông bạn cũ Ma Vương tới thăm mình. Ngài nói: "Thật không? Ông ta tới đây thật hả?" Rồi ngài đi ra gặp Ma Vương, cúi chào và nắm tay y một cách thân mật. Ngài nói: "Chào ông! Hồi này ra sao? Mọi việc đều tốt đẹp cả chứ?"

Ma Vương không nói gì cả, vì vậy Đức Phật đưa y vào trong hang, mời y ngồi, rồi bảo tôn giả Ananda đi pha trà. Ananda đi ra ngoài nhưng vẫn để ý nghe ngóng hai người nói chuyện. Đức Phật lại thân mật hỏi: "Hồi này ra sao? Công việc của ông tới đâu rồi?"

Ma Vương đáp: "Mọi việc không được tốt lắm. Tôi cảm thấy chán làm Ma Vương rồi. Chỉ muốn làm một việc gì khác. Ông cũng biết là làm Ma Vương không phải dễ. Khi nói thì phải nói theo kiểu câu đố. Khi làm thì phải làm theo kiểu ma quỷ mung và phải có vẻ gian ác. Sự thật là tôi thấy chán tất cả. Nhưng cái mà tôi ghét nhất chính là bọn đệ tử của tôi. Hồi này chúng nó toàn nói tới bất công, hòa bình, bình đẳng, giải phóng, với lại bất bạo động. Nghe mà phát ngán. Có lẽ tôi nên giao hết tụi nó cho Ngài. Tôi muốn làm việc khác".

Đức Phật lắng nghe và rất thông cảm với Ma Vương. Sau cùng ngài ôn tồn nói: "Như vậy ông tưởng làm Phật là vui lắm hay sao? Ông không biết là các đệ tử của tôi đã làm những chuyện gì. Họ gán cho tôi những lời mà tôi chưa bao giờ nói. Họ xây những cái chùa lòe loẹt rồi đặt những bức tượng của tôi lên bàn thờ để oản và chuối; để họ hưởng, chứ tôi nào có đựng vào mấy thứ đó. Rồi họ đóng gói tôi, biến giáo lý của tôi thành món hàng thương mại. Nếu ông biết làm Phật thật sự là như thế nào thì chắc chắn ông sẽ không muốn làm Phật nữa".

Một trong những điều mà Đức Phật và Ma Vương nói tới là tính vị kỷ. Do vị kỷ mà chúng ta sẵn sàng làm hại người khác để làm lợi cho mình. Tư tưởng vị kỷ gây ra tranh chấp giữa mọi người, giữa những gia đình, và giữa những quốc gia. Sự vị kỷ là nguyên nhân chính yếu của những tai họa tự nhiên cũng như những tai họa do con người gây ra. Khi quan sát thế giới, có thể chúng ta sẽ thắc mắc là vì đâu có những tai họa mỗi lúc mỗi gia tăng này. Nguyên nhân là tính vị kỷ mỗi lúc mỗi gia tăng của chúng ta. Như Đức Phật đã dạy, tất cả đều là hậu quả của vô minh, mê muội, và tà kiến.

Nếu so sánh một cái cây với vũ trụ, những chiếc lá là những cá nhân, chúng ta sẽ thấy lá cây tuy khác nhau nhưng thật ra là một thành phần của toàn thể cái cây, cũng như mỗi cá nhân là một thành phần của toàn thể vũ trụ. Khi phân biệt mình với người khác, chúng ta đã tạo ra những rào cản và những sự tranh chấp. Toàn thể chúng ta là một thực thể, cũng giống như lá cành, thân, và rễ của cái cây là một thực thể.

Khi chúng ta hiểu như vậy, mọi sự tranh chấp sẽ tan biến, từ bi tự nhiên sẽ xuất hiện, và chúng ta sẽ nghĩ tới người khác như nghĩ tới bản thân. Chúng ta có thể giúp việc giáo dục mọi người không tham muốn hay chấp thủ mà biết vui hưởng hạnh phúc một cách an nhiên, tự tại. Nếu chúng ta không đủ sức để cứu độ toàn thể chúng sinh trong vũ trụ thì chúng ta cũng có thể hướng dẫn mọi người trên thế giới này.

Là đệ tử của Đức Phật, chúng ta có bổn phận truyền bá giáo lý Phật Giáo một cách đúng đắn để hướng dẫn chúng sinh. Có những người căn cơ cao có thể dễ dàng chấp nhận giáo lý. Mà cũng có những người căn cơ thấp không hiểu giáo lý, dù chúng ta có ra sức giảng giải nhiều bao nhiêu.

Tuy nhiên, chúng ta cũng không nên phê phán người khác, mà nên xét xem cách trình bày Giáo Pháp của mình có đúng hay không, phương pháp truyền bá của mình có khéo léo hay không. Trong việc hướng dẫn người khác chúng ta cần phải biết chọn những cách nào thích hợp với lối sống và trình độ của họ.

Ở đây, vấn đề quan trọng nhất là không có sự thành tâm. Tâm trí của chúng ta có thể thiếu chân thành. Nếu có sự chân thành thì chúng ta có thể xuyên phá được cả đá cứng, có thể cảm động được người khác và do đó có thể giúp cho họ học giáo lý của Đức Phật. Nhưng chúng ta không thể thay đổi niềm tin tôn giáo của người khác mà cũng không nên tìm cách làm như vậy. Có một người đồng đạo nói với Hòa Thượng Tịnh Không rằng người ta đã

hỏi ông về cách làm cho những người Gia Tô giáo trở thành Phật tử, nhưng Hòa Thượng và ông ta đều quyết định việc làm này là sai lầm. Ngược lại, chúng ta cần phải giúp tín đồ Gia Tô giáo trở thành người Gia Tô giáo tốt, tín đồ Hồi giáo trở thành người Hồi giáo tốt, tín đồ Ấn giáo trở thành người Ấn giáo tốt. Làm sao chúng ta có thể biến một người Gia Tô giáo thành đệ tử Phật? Làm sao chúng ta có thể hủy diệt được niềm tin tôn giáo của người khác? Làm sao chúng ta có thể phản đối những gì mà cha mẹ của họ đã dạy họ? Làm như vậy là sai lầm. Còn nếu chúng ta khuyến khích những người Gia Tô giáo, những người Hồi giáo, những người Ấn giáo đó trở thành những Bồ Tát giúp đỡ chúng sinh thì như vậy là chúng ta làm điều tốt. Chúng ta không thể giúp đỡ người khác bằng cách thay đổi niềm tin tôn giáo của họ. Phật giáo là một nền giáo dục minh triết có khả năng giúp mọi người hiểu chân lý của đời sống và vũ trụ. Mọi người cần phải hiểu chân lý, nhưng không cần phải thay đổi niềm tin tôn giáo để có thể hiểu chân lý.

Chúng ta không thể yêu cầu người khác bỏ niềm tin của họ, phản lại cha mẹ và thần thánh của họ. Phật giáo không thể phá bỏ phong tục và tập quán của thế gian này. Nếu chúng ta biến người khác thành người của Phật giáo, có nghĩa là chúng ta hủy diệt đạo pháp. Xin hiểu rằng Phật giáo không phải là một tôn giáo. Phật giáo là một nền giáo dục, và chúng ta là những học trò của Đức Phật. Chúng ta không phải là những tín đồ tôn giáo.

Kinh Hoa Nghiêm có nói về một nhà lãnh đạo tôn giáo người Bà La Môn. Thật ra vị này là một Bồ Tát thị hiện như một tu sĩ để hóa độ chúng sinh. Nếu một vị Bồ Tát muốn giúp đỡ người Gia Tô giáo, ngài sẽ xuất hiện như một nhà lãnh đạo Gia Tô giáo, ngài có thể xuất hiện như một nhà lãnh tụ của Hồi giáo. Bằng cách như vậy, các vị Bồ Tát có thể hướng dẫn mọi người trở thành những công dân tốt.

Nhưng nếu chúng ta có đầu óc chật hẹp, phân biệt tôn giáo theo kiểu "đạo của tôi tốt hơn đạo của anh", là hoàn toàn sai lầm, bởi vì với lối nghĩ như vậy chúng ta sẽ không thể giải quyết được những vấn đề chung của mọi người, mà chỉ gây thêm bất hòa và tranh chấp. Đức Phật đã dùng bốn nguyên tắc để giúp đỡ người khác, trong đó đáng kể nhất là làm cho người khác được vui, vì nếu người khác không vui với chúng ta thì chúng ta sẽ không có mối liên hệ tốt với họ. Nếu muốn giúp đỡ người khác, chúng ta cần phải có liên hệ tốt để họ dễ chấp nhận những gì chúng ta trình bày.

Trong tiệc Từ Thiện mừng năm mới, có hơn ba ngàn vị khách thuộc các tôn giáo và các nền văn hóa khác nhau. Chúng ta cũng dự tiệc với nhau nhưng

lại dùng những món ăn khác nhau. Trong khi chúng ta dùng đồ chay thì các vị khách người Mã Lai dùng những món hợp với khẩu vị của họ. Chúng ta mời họ những món ăn mà họ thích và đã quen dùng. Chúng ta không mong họ ăn giống như mình.

Để giúp đỡ người khác, để mang lại sự yên lành và hòa bình cho thế giới, chúng ta cần phải hiểu rõ về người khác, cần phải biết họ là ai, họ thích cái gì và không thích cái gì. Như vậy chúng ta sẽ biết cách tôn trọng tập quán và ý hướng của họ. Chúng ta phải cho thấy là mình quan tâm và có lòng từ bi đối với tất cả mọi người. Chúng ta nên tìm hiểu giáo lý của tất cả những tôn giáo khác. Khi đó chúng ta sẽ có thể nói về Phật giáo cho người khác, nếu họ muốn biết. Chúng ta sẽ phạm sai lầm khi muốn người khác từ bỏ tín ngưỡng của họ. Vì vậy, chúng ta cần phải biết quan tâm tới ý tưởng của người khác, tìm cách giúp họ đạt được mục đích mà họ đã nhắm tới, đáp ứng nhu cầu của họ, giúp họ truyền bá tôn giáo của chính họ. Như vậy họ sẽ vui lòng và mãn nguyện.

Mới đây, khi viếng thăm những viện dưỡng lão và nhà nuôi trẻ của người Hồi giáo và Ấn giáo, chúng ta đã tặng họ thực phẩm và giúp họ về tài chánh. Chúng ta làm như vậy vì chúng ta có khả năng và vì tất cả mọi người là một. Chúng ta phải biết hợp tác với nhau, bởi vì nếu có sự giao tiếp tốt đẹp, chúng ta sẽ thiết lập và phát triển được mối liên hệ lâu bền.

Để thực hiện điều này, chúng ta thực hành hạnh bồ thí, một trong sáu Ba la mật tức sáu hạnh hoàn hảo của bậc Bồ Tát. Bồ thí có ba loại là: bồ thí tài vật, bồ thí giáo pháp, và bồ thí sự vô úy. Loại bồ thí cao nhất là bồ thí giáo pháp với những lời nói tử tế. Khi quan tâm tới người khác và nói chuyện với họ, chúng ta dùng những lời từ bi, nhưng không phải là những lời ngọt ngào mà rỗng tuếch. Chúng ta dùng những lời nói cho thấy mình thành thực quan tâm tới người khác.

Điều kế tiếp là chúng ta làm việc cùng với người khác. Thí dụ, hoạt động kế tiếp mà chúng ta đã dự định là tổ chức một đại hội đa văn hóa và đa chủng tộc. Dựa theo Kinh Hoa Nghiêm, vốn là pháp môn chân chính đa văn hóa, là thế giới đích thực có tính chất chân, thiện, mỹ, và đức hạnh. Tịnh Độ Tây Phương và Thế giới Hoa Tạng sống trong bầu không khí đa văn hóa mỗi ngày.

Trong Phật giáo, khi học được điều gì giá trị, chúng ta phải thực hành điều đó ngay. Vậy, chúng ta phải đưa giáo pháp vào thực hành. Chúng ta phải

thành tâm giúp chúng sinh trở thành Phật và Bồ Tát. Coù sự đồng nhất trong sự đa tạp, và có sự đa tạp trong sự đồng nhất. Vậy, trong sự đồng nhất, tất cả chúng ta chia sẻ sự minh triết và những giáo lý chung. Sự đồng nhất không gây hại cho sự đa tạp, và sự đa tạp không làm hại sự đồng nhất. Hai điều này cộng lại là vẻ đẹp, hạnh phúc, và sự hòa hợp đích thực.

Là những người bình thường, chúng ta rất hay làm một việc sai lầm là cưỡng bách người khác phải giống như mình. Chúng ta phải bỏ ý muốn kiểm soát và điều khiển người khác, coi người khác là thuộc quyền sở hữu của mình. Chỉ có như vậy chúng ta mới có thể tham dự đại hội của chư Phật, Bồ Tát. Nếu vẫn còn ý định kiểm soát người khác, chúng ta sẽ vẫn còn lăn trôi sinh tử trong sáu cõi luân hồi, không thể nhập vào cõi Phật. Khi sống với chư Phật, chúng ta sẽ biết sống hòa hợp với những thuộc tất cả các nền văn hóa, các chủng tộc và các tôn giáo. Hiện tại chúng ta thấy có những mâu thuẫn và nhiều chiến tranh trên khắp thế giới. Tại sao loài người chúng ta lại thù ghét nhau đánh giết lẫn nhau? Tại vì chúng ta thấy có những nền văn hóa và những tín ngưỡng khác nhau, nhưng làm sao chúng ta có thể nghĩ rằng chiến tranh sẽ giải quyết những vấn đề của loài người?

Đức Phật đã từ bỏ đời sống xa hoa của bậc vua chúa để làm một tu sĩ. Ngài là một hoàng tử nhưng ngài nhận thấy rằng mình không thể đạt an lạc bằng cách hoạt động chính trị. Ngài là một chiến sĩ giỏi, nhưng ngài biết rằng mình không thể đạt được an lạc thật sự bằng chiến tranh. Ngài là một nhà lãnh đạo có tài, nhưng ngài biết rằng mình không thể đạt được an lạc thật sự bằng kinh tế. Ngài là một học giả có khả năng, nhưng ngài biết rằng mình không thể đạt được an lạc thật sự bằng khoa học. Ngài biết rằng chỉ bằng giáo dục và tri kiến chân chính thì mình mới có thể đạt an lạc, và vì vậy ngài trở thành một bậc thầy.

Chỉ bằng giáo dục chúng ta mới có thể thực sự giải quyết được những vấn đề của thế giới. Chỉ bằng cách hợp tác để dựng xây những mục tiêu chung, chúng ta mới có thể đạt được hòa bình và hòa hợp. Chỉ bằng việc giúp đỡ lẫn nhau chúng ta mới có thể cùng nhau sống trong thịnh vượng, và chỉ khi nào đạt được sự đồng ý kiến thì chúng ta mới có thể giải trừ được những tai họa đang tiến tới gần.

Nếu làm được như vậy, chúng ta sẽ thực sự đạt được sự hợp nhất bất nhị giữa mình và người khác. Lúc đó chúng ta sẽ hiểu rằng tất cả mọi người đều liên quan với nhau, và là một. Chúng ta sẽ hiểu rằng vũ trụ là một đại gia đình lý tưởng, và tất cả các nhóm khác nhau chính là một nền văn hóa đa

dạng. Khi chúng ta có đầu óc rộng rãi như vậy, mọi sự tranh chấp giữa người khác và chúng ta sẽ không còn. Những người nào có đầu óc quảng đại và hiểu biết này là những bậc giác ngộ giống như các vị Phật và các vị Bồ Tát vậy. Những người như vậy không còn có ý muốn điều khiển người khác nữa. Họ đã loại bỏ tính vị kỷ và ganh tị. Họ không còn tham muốn và bám giữ về mặt tình cảm nữa. Họ không đổ lỗi cho người khác khi gặp vấn đề khó khăn. Họ không nghĩ tới phước báo cho mình, và không còn những ý nghĩ vị kỷ. Họ hiểu rằng tất cả mọi sinh linh và mọi vật trong vũ trụ đều chịu sự chi phối của luật nhân quả. Họ hiểu rằng mọi hành động đều sinh ra nghiệp quả. Họ hiểu rằng chính mình chịu trách nhiệm cho tất cả những gì xảy ra cho mình. Họ hiểu rằng tất cả đều là ảo ảnh, không có gì để nắm giữ, không có gì để được hay mất.

Tất cả những nguyên tắc và những pháp môn mà Đức Phật đã dạy đều hợp lý và thực tế. Giáo lý của ngài là một kho tàng quý báu của loài người, là tinh túy của các nền văn hóa thế tục cũng như các nền văn hóa tôn giáo của chúng ta. Trí huệ Phật là sự hoàn hảo của vũ trụ, có thể khả năng giải quyết một cách hoàn hảo tất cả những vấn đề của chúng ta.

Chúng ta cần phải thực hành lòng tốt và sự hiền từ với người khác và không vị kỷ. Chúng ta cần phải nhập vào trạng thái an lạc và thanh tịnh của bậc giác ngộ. Khi làm như vậy, chúng ta sẽ mang lại sự hiểu biết, sự thức tỉnh, và hòa bình đích thực cho thế giới cũng như cho toàn thể vũ trụ.

(Theo tài liệu của TT Wu Ling, đệ tử của HT Tịnh Không)

---o0o---

Quyển 6 - Giải pháp: Sự hiền hòa và tâm an lạc

(bài giảng của Venerable Wu Lin, đệ tử của Hòa Thượng Tịnh Không)

Một lần nữa tôi được hân hạnh chào mừng quý vị đã đến với Hội Phật Giáo Singapore, và tôi muốn bày tỏ niềm hân hạnh về sự may mắn lớn của tôi, sự may mắn lớn của chúng ta, được có mặt ở đây, đạo tràng hiếm có nhất trong các Phật đường. Ở tầng phía dưới chúng ta là đại sảnh tu tập nơi các hành giả tụng niệm liên tục trong ít nhất mười hai tiếng đồng hồ mỗi ngày. Sau khi đại sảnh mở cửa mấy tháng trước, mỗi cuối tuần chúng ta đã dùng phần lớn thời giờ để thực hành pháp môn Niệm Danh Phật. Đại sảnh tu tập này rất

đặc biệt. Bầu không khí có vẻ khác lạ, tiếng tụng niệm nghe rõ hơn, việc tu tập tinh tấn hơn.

Giảng đường này cũng rất đặc biệt cho những cuộc nói chuyện đã được tổ chức ở đây từ ngày mười tám tháng năm khi Hòa Thượng Tịnh Không bắt đầu những buổi thuyết pháp về Kinh Hoa Nghiêm (Flower Adornment Sutra). Chúng ta đến giảng đường để nghe giáo lý. Chúng ta đảnh đạo tràng để thực hành những giáo lý đó. Chúng ta cần có cả hai.

Trong mấy năm nay, thế giới phát sinh nhiều sự đối nghịch, đời sống thêm đau khổ mỗi lúc mỗi nhiều hơn. Theo thời gian, những sự đối nghịch này trở nên nghiêm trọng hơn và thường xuyên hơn. Có người hỏi là chư Phật, Bồ Tát, đại từ bi giúp chúng sinh thoát khổ như thế nào. Các ngài làm công việc này bằng cách dạy chúng ta giải trừ tham, sân, si để tâm trí không mê muội nữa, mà trở nên giác ngộ. Các ngài cũng dạy chúng ta về luật nhân quả (Law of Cause & Effect).

Để thoát khổ, trước hết chúng ta phải biết về nguyên nhân của sự khổ. Là con người, chúng ta phải chịu khổ về sinh, già, bệnh, và chết. Chúng ta phải chịu khó nhọc; không đạt được những gì mình mong muốn; phải chia ly với những người thương yêu, và phải sống chung đụng với những người mình ghét. Chúng ta bị vây bủa bởi tất cả những sự đau khổ này mà không biết cách nào để thoát ra.

Chúng ta cần phải hiểu rằng phải có cơ duyên hay hoàn cảnh để cho nguyên nhân sinh ra hệ quả. Nếu biết kiểm soát hoàn cảnh, chúng ta có thể phần nào ảnh hưởng tới nghiệp quả của mình. Trong đời sống chúng ta cần phải tạo nghiệp tốt để được hưởng quả tốt. Lúc đó chúng ta sẽ hiểu rõ rằng đời sống hạnh phúc chính là nghiệp quả tốt phát sinh từ nhân duyên tốt, và đó là cách thoát khỏi đau khổ để được sống trong an lạc.

Ngày nay, khi chứng kiến những đau khổ ở xung quanh mình, nhiều người trong chúng ta có thể cảm thấy sức nặng của nghiệp xấu. Những nghiệp xấu này đã phát sinh từ tâm ích kỷ và hành vi sai lầm của mình. Chúng ta đã chỉ biết làm hại người khác để làm lợi cho mình. Vậy chúng ta phải làm sao để giải trừ nghiệp xấu và tránh tạo thêm nghiệp xấu? Chúng ta phải thực hành những lời dạy của Đức Phật, không lợi dụng người khác để làm lợi cho mình, mà ra sức giúp đỡ người khác và làm lợi ích cho xã hội.

Đa số chúng ta, trong tiềm thức đều có ý muốn kiểm soát người khác, cả những con vật và những đồ vật nữa. Nếu biết buông bỏ sự chấp thủ này,

chúng ta sẽ có thể đạt giải thoát. Những người giác ngộ thì có đời sống an nhiên tự tại. Họ làm tròn nhiệm vụ hướng dẫn và giáo dục chúng sinh bằng cách giải thích cho mọi người biết về chân lý của đời sống và vũ trụ, về luật nhân quả, để mọi người biết rằng mỗi hành vi thân, khẩu, ý đều có hậu quả của nó.

Mọi người đều tự quyết định làm điều tốt hay điều xấu, và do đó họ sẽ nhận lãnh quả tốt hay quả xấu. Chúng ta chỉ giáo dục họ theo nhân duyên, còn thì để cho họ tự quyết định sẽ tạo nghiệp tốt hay xấu. Như vậy tâm của chúng ta sẽ trụ trong an tĩnh, phát sinh thiên định và trí huệ, có thể giao tiếp một cách có hiệu quả với người và sự vật. Cách thực hành như vậy sẽ mang lại lợi ích vô lượng, vì chúng ta sẽ không những giải trừ được đau khổ hiện tại của mình mà lại còn giải trừ được những nghiệp xấu đã tích lũy từ vô số kiếp trước.

Vậy tại sao chúng ta không nhận ra sự lợi ích đích thực này? Vì chúng ta bị nghiệp xấu của mình ngăn che, không thể trông thấy điều hay lẽ phải ở trước mắt mình. Chúng ta liên tục được nhắc nhở với những tranh và tượng chư Phật, Bồ Tát, với những câu kinh mà mình tụng niệm, và với những bài thuyết pháp mà mình nghe, nhưng chúng ta vẫn không hiểu đúng giáo lý, vẫn không thể ứng dụng giáo lý trong đời sống hằng ngày.

Chúng ta không thể đổ lỗi cho chư Phật, Bồ Tát, là đã không giúp đỡ mình. Sự thật là các ngài luôn luôn giúp đỡ chúng ta, nhưng chúng ta không để ý tới. Chúng ta đã có một cơ hội quý báu và hiếm có là hội ngộ được với Phật giáo, nhưng bây giờ cơ hội đó đang tuột khỏi tầm tay chúng ta. Được sinh ra làm người có khả năng nghe Giáo Pháp là một cơ hội rất hiếm có, cơ hội đó chỉ ra một lần trong hằng triệu năm. Được gặp Giáo Pháp là một điều hiếm có giống như một cái bọt nước từ dưới đáy nổi lên mặt biển đúng vào giữa một cái vòng hoa đang trôi nổi.

Chúng ta đã phạm sai lầm lớn nếu để lỡ cơ hội quý báu này. Chúng ta cần phải suy ngẫm và sám hối những lỗi lầm của mình để có thể giải trừ phiền não và những thói quen phạm tục, và do đó giải trừ được nghiệp xấu.

Nghiệp xấu này là cái gì? Một phần của nghiệp xấu là những phiền não và những thói quen phạm tục, hay những tập khí xấu. Chúng ta có thể giải trừ những nghiệp xấu này bằng cách sám hối những lỗi lầm của mình và phát nguyện không tái phạm. Việc tu tập hằng ngày sẽ giúp chúng ta giảm bớt nghiệp xấu. Chúng ta cần phải tu tập ở giữa xã hội chứ không xa lánh xã

hội. Chúng ta có thể chọn một pháp tu nào đó trong số tám mươi bốn ngàn pháp môn mà Đức Phật đã dạy. Đức Phật nói rằng trong vô số pháp môn này ở vào thời mạt pháp, Niệm Phật là pháp môn tiện lợi, đơn giản, và hiệu quả nhất. Niệm Phật có thể thấy kết quả tốt, và do đó có sức mạnh cần thiết để giải trừ mọi phiền não và ác nghiệp của chúng ta.

Có người hỏi rằng tại sao họ chưa thấy việc tụng niệm hằng ngày của họ có kết quả gì cả. Đã có nhiều người đạt kết quả đáng kể và đã thành công trong việc giải trừ nghiệp xấu của họ. Nếu chúng ta không thấy có kết quả, đơn giản vì việc thực hành hằng ngày của chúng ta không đúng với lời hướng dẫn của Đức Phật. Nói cách khác, chúng ta đã không làm những gì mình được khuyên phải làm, mà lại làm những gì mình được khuyên phải tránh. Thí dụ, chúng ta có tránh trộm cướp, nói dối, tà dâm, nói hành, nói xấu, dụ dỗ, tham, sân, và si hay không?

Chúng ta nên làm theo lời dạy của Đức Phật để giảm bớt nghiệp xấu. Việc tụng niệm, tu tập hằng ngày, và mục tiêu của chúng ta phải phù hợp với giáo lý. Việc tụng kinh nhắc nhở chúng ta về những giáo lý, và nhắc nhở chúng ta phải làm theo giáo lý để tu sửa bản thân. Nếu không tu theo giáo lý thì chúng ta sẽ gia tăng nghiệp xấu của mình.

Mục tiêu của chúng ta là tâm chân thực, thanh tịnh, bình đẳng, từ bi, và giác ngộ. Chỉ với tâm trí như vậy thì chúng ta mới có thể giải quyết được mọi vấn đề, vốn không thể được giải quyết bằng võ lực, bằng chiến tranh. Những vấn đề này chỉ có thể được giải quyết bằng sự hiền lành và lòng từ bi đối với toàn thể chúng sinh, các loài sinh linh cũng như những vật bất động. Chúng ta cần phải buông bỏ ý muốn điều khiển người khác, vì như vậy chỉ làm cho chúng ta tạo thêm nghiệp xấu. Không ai có thể thực sự kiểm soát được người khác. Lịch sử đã cho chúng ta nhiều thí dụ về những quốc gia dùng võ lực để kiểm soát một quốc gia khác: Hitler xâm chiếm Âu Châu, Nhật Bản xâm lăng Trung Hoa, người Nga ở Afganistan, và người Mỹ ở Việt Nam; tất cả đều đã mang lại khổ đau khôn cùng.

Ngược lại, việc truyền bá Phật giáo ở khắp thế giới của Hòa Thượng Tịnh Không, đặc biệt là ở Trung Quốc, nơi ngài phân phối miễn phí băng ghi âm và sách để khuyên mọi người làm điều tốt, đã có kết quả là hơn hai mươi triệu người được nghe giáo lý của Đức Phật. Hòa Thượng đã không phải tốn kém nhiều để đạt được loại kết quả này. Trong khi đó có những quốc gia chi tiêu những món tiền lớn cho chiến tranh. Đáng ra họ có thể dùng tiền đó để giúp đỡ những người nghèo đói. Như vậy họ sẽ có hòa bình và dễ thu phục

được mọi người. Họ cũng có thể dùng tiền để giáo dục người dân của họ biết tự túc. Họ nên quan tâm tới những nhu cầu trong nước của họ hơn là can thiệp vào nội bộ của nước khác.

Mỗi ý nghĩ của chúng ta cần phải có lợi ích cho chúng sinh. Không những trong hành vi chúng ta không bao giờ làm hại một sinh linh nào mà cả trong ý nghĩ và lời nói chúng ta cũng không bao giờ gây đau khổ cho người khác. Nếu làm được như vậy thì trong đời sống hằng ngày bất cứ công việc gì của chúng ta cũng có tính chất lợi ích và hiền từ. Đây là cách tốt nhất để gây ảnh hưởng tới người khác với lòng từ bi. Việc dùng võ lực để giải quyết vấn đề không chỉ tạo thêm thù hận mà lại còn mang lại quả xấu phải đọa vào địa ngục. Việc hành xử phù hợp với Giáo Pháp làm cho tâm trí của chúng ta được chuyển hóa, và do đó chúng ta sẽ đạt thành tựu. Sự vật là hình phản chiếu của tâm trí, vì vậy tâm trí của chúng ta có thể chuyển hóa được hoàn cảnh. Khi sống theo Giáo Pháp, ý nghĩ của chúng ta sẽ thay đổi và hành vi của chúng ta sẽ đúng đắn.

Chúng ta nên buông bỏ tính vị kỷ, và nghĩ đến việc làm lợi ích cho người khác. Hiện tại, chúng ta chỉ quan tâm tới bản thân, chỉ nghĩ tới việc bảo vệ quyền lợi của chính mình, của đoàn thể mình, hay của nước mình. Lối nghĩ như vậy đã đưa tới sự tranh chấp giữa mọi người, sự kinh chống giữa những đoàn thể, và chiến tranh giữa các quốc gia. Hậu quả là mọi bên đều bị thiệt hại về nhân mạng, tiền bạc, tài sản, và đất đai, tinh thần hữu và hòa bình bị phá vỡ, và tất nhiên sẽ phải chịu nghiệp quả xấu.

Chúng ta hoàn toàn thiếu quan tâm tới vạn vật trong môi trường tự nhiên, vì vậy môi trường sống của chúng ta đang bị hủy diệt, chính chúng ta sẽ phải chịu hậu quả xấu của sự vô tâm và thiếu từ bi này. Tất cả vạn vật là một thực thể, và có sự tương liên chặt chẽ với nhau. Muôn loài vạn vật, kể cả chúng ta, đều sinh ra từ nhân duyên, vì vậy, làm hại người khác hay vật khác là làm hại chính mình, chỉ khi nào hiểu rõ điều này thì chúng ta mới có thể giải quyết được những vấn đề của thế giới. Nguyên nhân của mọi tranh chấp và tai họa là tính vị kỷ chỉ nghĩ tới quyền lợi của bản thân, của nhóm hay của nước mình. Nếu giải quyết được vấn đề này, chúng ta cũng sẽ giải quyết được tất cả những vấn đề khác. Khi thực hành, tu tập theo Giáo Pháp với hành vi đúng đắn, chúng ta sẽ thấy nghiệp quả xấu của mình, giảm bớt, và nghiệp tốt gia tăng. Kết quả là sự đau khổ của chúng ta sẽ giảm thiểu, hay có thể được giải trừ hoàn toàn. Nói cách khác, hoàn cảnh của chúng ta sẽ được thay đổi một cách thuận lợi.

Khi để cho một ý nghĩ xấu không bình đẳng xuất hiện thì như vậy là chúng ta làm cho một tình trạng thuận lợi trở thành tình trạng bất lợi, còn khi một ý nghĩ bình đẳng xuất hiện thì khi đó cõi Phật hiển lộ tức khắc. Khi chúng ta có một ý nghĩ về Bồ Tát đạo thì cõi Bồ Tát sẽ xuất hiện ngay lúc đó. Như vậy, với một ý nghĩ tham, sân, hay si, đời sống hằng ngày của chúng ta sẽ trở nên bất ổn và rối loạn. Ngược lại, với một ý nghĩ thanh tịnh, đời sống của chúng ta sẽ trở thành Cõi Tịnh Tây Phương.

Đời người ngắn ngủi, nhưng chúng ta đã rất may mắn được sinh ra làm người, lại có khả năng nghe giáo lý của Đức Phật, có khả năng hiểu một chút về chân lý thâm diệu trong giáo lý đó. Luật nhân quả là thường tồn và không bao giờ thay đổi. Chúng ta gieo giống nào thì gặt giống đó, tạo nghiệp tốt thì được hưởng quả tốt, tạo nghiệp xấu thì sẽ lãnh quả xấu, đem niềm vui đến cho người, mình sẽ được hạnh phúc, tạo sự khổ đau cho người, mình sẽ chịu bất hạnh. Đó là quy luật của ngàn đời, ngay cả Chư Phật, Bồ Tát cũng không thể thay đổi được luật nhân quả này.

Tuy nhiên, đối với những nghiệp xấu mà chúng ta đã tạo, chúng ta có thể học cách sửa đổi nhân duyên trước khi chúng kết thành quả. Chúng ta cần phải tránh và dứt khoát không bao giờ tạo thêm nghiệp ác, và nên tinh tấn tạo thiện nghiệp. Chúng ta lại còn phải tránh những điều kiện xấu. Trong một số trường hợp, việc này có thể làm giảm hay giải trừ quả xấu. Như vậy, chúng ta có thể kiểm soát nghiệp quả của mình, chuyển hoá hoàn cảnh và đổi hướng trong đời sống, để được thuận lợi hơn.

Hiện tại, mỗi lúc chúng ta lại nghe nói nhiều hơn về những lời tiên tri báo trước những tai họa và cả tận thế nữa. Những lời tiên tri này cũng nói rằng người ta có thể giảm bớt, trì hoãn, hay cả giải trừ những tai họa này nếu biết tu sửa để trở thành người tốt, biết làm lợi ích cho người khác chứ không vị kỷ. Nếu không biết, quay trở lại với điều tốt thì người ta sẽ khó tránh khỏi tai họa.

Người ta cần phải biết rằng võ lực không thể giải quyết được vấn đề, dù có hủy diệt được cả một quốc gia hay dùng đủ bom để quét sạch vạn vật trên trái đất. Chúng ta không thể bỏ lỡ cơ hội này, mà nên thành tâm tinh tấn tu sửa và tu tập theo đạo pháp với những ý nghĩ và hành vi vô vị kỷ. Chúng ta hãy trở thành người tốt, thành thực, và có lòng giúp đỡ người khác với tất cả khả năng của mình. Như vậy, tất cả những gì tốt đẹp sẽ đến với chúng ta.

Đức Phật nói rằng có ba tai họa lớn và ba tai họa nhỏ trong thế gian này. Ba tai họa lớn là lửa, nước, và gió. Theo Kinh Hoa Nghiêm thì đại họa lửa có thể đốt cháy cõi Thiên Thiên thứ nhất, một trong hai mươi tám cõi trời, và là cõi cao nhất mà lửa có thể tới được. Lửa sẽ phát sinh từ bên trong ta khi ta ganh tị và sân hận với nhau. Và tất nhiên cõi Thiên Thiên thứ nhất cũng phải chịu tai họa lửa, nơi chúng ta có thể thấy rằng những sinh linh ở cõi trời này vẫn chưa giải trừ được tính nóng giận. Họ đã tu tập bốn tâm vô lượng từ, bi, hỷ, xả nhưng chưa tận diệt được sân hận, vì vậy họ vẫn có thể bị nạn lửa tiêu diệt.

Các sinh linh trong cõi Thiên Thiên thứ nhì đã hoàn toàn giải trừ được tính sân hận của họ vì họ không có một ý nghĩ sân hận nào cả. Vì vậy cõi trời này sẽ không phải chịu nạn lửa, nhưng hồi vẫn phải chịu nạn nước, là tai họa có thể làm chìm đắm cõi trời này. Do đâu mà có tai họa nước lụt? Đó là do tính tham dục của chúng ta.

Chúng sinh ở cõi Thiên Thiên thứ ba đạt trạng thái thiền định sâu hơn chúng sinh ở hai cõi trời thứ nhất và thứ nhì, vì vậy họ không phải chịu nạn lửa hay nạn nước, nhưng họ vẫn có thể phải chịu nạn gió, là tai họa từ gốc rễ của là si mê.

Cõi Thiên Thiên thứ tư không có những tai họa lửa, nước hay gió, vì vậy cõi này được gọi là cõi trời phúc lạc. Chúng sinh ở cõi này có phúc lạc lớn nhất trong sáu cõi.

Nếu muốn tránh hay được miễn những tai họa này, chúng ta phải trừ bỏ tính tham dục, sân hận, si mê, cũng như tính kiêu ngạo của mình. Chúng ta cũng không nên có cảm giác tham muốn giáo lý thế gian hay giáo lý của Đức Phật, vì một chút cảm giác tham muốn cũng là chướng ngại trong việc đoạn lìa tâm tham dục, và giải trừ mọi tai họa, trong khi thế giới đang phải chịu những tai họa mỗi lúc mỗi nhiều hơn và nghiêm trọng hơn. Đây là điều rất quan trọng, nhiều tai họa này đã được tiên tri từ ngày xưa của các vị giáo chủ nhiều xứ khác nhau.

Ba ngàn năm trước, Đức Phật Thích Ca đã nói rằng thế gian sẽ bị hủy diệt một phần từ chiến tranh, bệnh tật, và nạn đói. Ngài nói rằng sẽ có một trận chiến tranh kéo dài bảy ngày và bảy đêm. Sau cùng là nạn đói kéo dài bảy năm, bảy tháng, và bảy ngày, trước đây, người ta khó có thể tưởng tượng một trận chiến tranh chỉ kéo dài bảy ngày mà lại gây ra hậu quả tàn khốc lớn như vậy, nhưng khi Hòa Thượng Tịnh Không viếng thăm hai thành phố

Hiroshima và Nagasaki ở Nhật Bản thì ngài hiểu ra rằng Đức Phật đã nói tới chiến tranh hạt nhân. Ở Nagasaki nhiều người sống sót sau vụ nổ nhưng lại bị nhiễm phóng xạ và nhiều người trong số họ đã chết trong sáu tháng đầu tiên. Sự kiện này có thể được coi là một bệnh dịch.

Bệnh do phóng xạ gây ra sẽ diễn biến một cách âm thầm. Bạch cầu trong máu bị hủy diệt dần dần rồi sau đó nạn nhân bị xuất huyết không thể cứu chữa được, và sau cùng lao tử vong. Những người nào vẫn còn sống ít nhất là bảy tháng sau vụ nổ sẽ được coi là đã thoát được hiệu ứng tức khắc của bom nguyên tử.

Mấy năm sau vụ nổ cây cỏ không mọc nổi. Tất cả đều khô cằn. Cây cỏ chỉ bắt đầu mọc trở lại khoảng tám năm sau khi hai quả bom rơi xuống. Như Đức Phật đã nói: đất không mọc gì cả trong bảy năm, bảy tháng, bảy ngày. Trong khoảng thời gian này, tất cả sẽ phải chịu nạn đói.

Như vậy, chúng ta thấy rằng sự hủy diệt được một phần thế giới mà Đức Phật đã nói chính là hậu quả của chiến tranh hạt nhân. Điều này có thể xảy ra thực sự hay không? Nhiều người tin là rất có thể sẽ xảy ra như vậy. Càng ngày càng có nhiều vũ khí hạt nhân hơn, và càng khó kiểm soát hơn. Không ai biết là việc kiểm soát nửa vờ này còn được duy trì bao lâu nữa. Phải thành thật mà nói rằng chỉ có một cách độc nhất để đạt được sự kiểm soát thực sự vũ khí hạt nhân, đó là khuyến khích và giúp mọi người hiểu rằng cần phải ngăn ngừa những tai họa do con người tạo ra. Khi nhìn vào tình trạng của thế giới một cách khách quan, chúng ta sẽ thấy là rất khó tránh được tai họa tiềm ẩn này.

Nếu xảy ra chiến tranh lúc này thì một nửa số người trên thế giới sẽ bị chết. Làm thế nào để thoát khỏi một cuộc chiến tranh như vậy? Một ngày trước khi vãng sinh Tịnh Độ, ngài Lý Bình Nam, thầy của Hòa Thượng Tịnh Không, đã nói với các đệ tử rằng thế giới sắp phải chịu một tai họa lớn, mà ngay cả chư Phật, Bồ Tát và các vị Thần, Thánh cũng không thể cứu được. Ông dạy các đệ tử rằng chỉ có một cách để giúp mình thoát khỏi tai họa này, đó là tìm sự sinh vào Tịnh Độ Tây Phương. Để được như vậy, chúng ta cần phải chấm dứt việc tạo những ác nghiệp qua thân, khẩu và ý.

Chúng ta cần phải tích lũy nghiệp tốt bằng cách trừ bỏ mọi ý nghĩ vị kỷ, luôn luôn nghĩ tới việc làm lợi ích cho người khác, không nghĩ tới quyền lợi của mình mà chỉ giúp đỡ người khác. Như vậy chúng ta sẽ không tạo nghiệp

xấu nữa và sẽ chỉ tích lũy nghiệp tốt, còn nếu chỉ nghĩ đến bản thân thì chúng ta sẽ khó tránh khỏi tai họa đang tiến tới gần này.

Tại sao chúng ta vẫn sân hận, và vẫn có khuynh hướng bạo động? Tại sao chúng ta tranh chấp mà không biết khoan dung với nhau? Tại sao chúng ta lại có vẻ nhất quyết đi về phía vực thẳm như vậy? Tại vì tâm ích kỷ và tà kiến. Tại vì chúng ta không có khả năng thực sự quan tâm tới người khác. Chúng ta không thể hiểu được rằng mọi sự vật đều phát sinh từ chính tâm của mình. Chúng ta không biết rằng mỗi ý nghĩ của mình có ảnh hưởng tới toàn thể vũ trụ.

Chúng ta cần phải bỏ tính vị kỷ và cần phải hiểu rằng vũ trụ là quê nhà của mình; mình và vũ trụ vạn vật là một thực thể độc nhất. Mỗi người chúng ta có cùng chân tính với chư Phật, Bồ Tát. Chúng ta và chư Phật, Bồ Tát chỉ khác nhau ở chỗ các ngài là những người đã giác ngộ tất cả những điều này. Chúng sinh đều đã là cha mẹ của chúng ta trong quá khứ. Chúng sinh đều sẽ thành Phật trong tương lai. Khi biết như vậy, làm sao chúng ta không tôn trọng chúng sinh? Làm sao chúng ta có thể làm hại chúng sinh?

Trong khởi thủy chúng ta đã có sự hiểu biết này, đã có tâm vĩ đại này rồi. Tại sao bây giờ chúng ta lại có tâm trí chật hẹp như thế? Chúng ta đã trở nên mê muội và đầy tà kiến. Chúng ta đã tạm thời bị mất những khả năng tâm linh và trí huệ nguyên thủy. Nhưng nếu có thể dẹp bỏ được taám màn vô minh, chúng ta sẽ tìm lại được trí huệ này. Trong Kinh Hoa Nghiêm chúng ta được thấy tâm quảng đại của chư Phật, Bồ Tát. Vô lượng vô biên những sinh linh tập hợp để nghe giáo lý vô thượng này là một.

Chỉ cần hiểu chân lý này và mở rộng tâm trí của mình là chúng ta sẽ thấy rằng dù thuộc chủng tộc nào, tôn giáo nào, nền văn hóa nào, tất cả mọi người cũng đều là một. Khi hiểu biết như vậy thì những sự phân biệt, hiểu lầm, và tranh chấp giữa mọi người sẽ tự nhiên giảm thiểu. Loài người sẽ trước hết tránh được những tai họa do chính mình tạo ra, và sau đó là những tai họa được coi là tự nhiên cũng sẽ không còn.

Hoàn cảnh thay đổi theo tâm trí. Khi tâm trí của chúng ta an lạc và từ bi, môi trường sống của chúng ta sẽ trở nên yên ổn và hòa bình. Nghe nói về Tịnh Độ Tây Phương trong Kinh Vô Lượng Thọ, chúng ta có thể hỏi là cõi cực lạc kỳ diệu này do đâu mà có. Kinh sách nói rằng chỉ có những người đạo đức nhất mới được sống ở cõi đó. Như vậy, khung cảnh kỳ diệu của cõi tịnh Tây Phương chính là hình phản chiếu của đức hạnh và tâm trí của họ.

Ngày nay môi trường sống của chúng ta đang bị ô nhiễm và hủy hoại. Có người nói rằng trái đất đang mau chóng trở nên không còn thích hợp cho sự sống nữa. Tại sao lại có sự kiện này. Sự kiện này là hậu quả của ý định và hành vi xấu của loài người chúng ta. Đây là nguyên nhân thực sự của những gì đang xảy ra ngày nay. Để có thể cứu thế giới này, chúng ta cần phải dùng trí huệ để giúp những người còn mê muội trở nên giác ngộ. Chúng ta sẽ giúp họ bằng giáo dục. Tất cả các nhà đại hiền triết đều đã dùng giáo dục để giải trừ vô minh. Thí dụ, Phật Thích Ca đã thuyết pháp trong bốn mươi chín năm, và Khổng Tử đã suốt đời dạy học.

Nhưng làm sao chúng ta có thể mang giáo dục đến cho nhiều người để làm thay đổi tình trạng của thế giới? Chúng ta sẽ làm điều này bằng tận dụng các khoa học kỹ thuật mà chúng ta đang có. Khi đã bắt đầu thức tỉnh và hiểu biết, chúng ta có thể dùng kỹ thuật cao cấp để mang những điều hiểu biết của mình tới cho mọi người. Hiện tại vẫn chưa quá trễ để cứu thế giới của chúng ta. Nếu tất cả các đài truyền hình trên toàn thế giới phát sóng hai giờ giáo dục mỗi ngày thì trong vòng một năm trái đất sẽ trở lại trạng thái bình thường. Những thiên tai sẽ tự nhiên chấm dứt. Quang cảnh là hình ảnh phản chiếu của tâm trí, vì vậy nếu có thêm nhiều người biết nghĩ đến người khác, có ý định cứu thế giới, có ước nguyện hòa bình, thì môi trường sống của chúng ta sẽ trở nên tốt đẹp .

Nhiều nơi trên thế giới đã có những chương trình truyền hình như vậy. Ở Đài Loan có ba hay bốn giờ diễn thuyết được phát sóng mỗi ngày. Các quốc gia thuộc Bắc Mỹ và Trung Mỹ, gồm Canada, Hoa Kỳ, Mexico, và Panama có ít nhất là một giờ diễn thuyết được phát sóng mỗi ngày. Ở Macao, và Hawaii, có hai buổi diễn thuyết mỗi tuần. Nếu có nhiều khán giả hơn các đài sẽ tăng thời gian phát sóng, và có thể cũng sẽ tăng số ngôn ngữ của những bài pháp luận nữa. Những việc này cần phải được thực hiện nhanh để mọi người trên toàn thế giới có thể sửa đổi bản thân và trở nên tốt hơn. Bằng cách này, chúng ta có thể đóng góp vào việc giải cứu thế giới của mình.

Một điều khẩn cấp nữa là thiết lập những thư viện điện tử Internet. Đạo tràng tu học ở Singapore của chúng ta có ít nhất là hai giờ giảng pháp được phát mỗi ngày, bằng tiếng Hoa và tiếng Anh. Trên khắp thế giới, những người nào có máy vi tính đều có thể nhận được những bài giảng trực tuyến này. Chúng ta dùng Internet để truyền thông với nhau, và có thể trả lời những câu hỏi trong những chương trình "Nói Chuyện Buổi Sáng" được phát năm ngày mỗi tuần. Khi đã có kỹ thuật cao, chúng ta có còn cần phải dựng xây đạo tràng hay không? Chúng ta vẫn cần phải xây dựng đạo tràng vì

hai lý do: thứ nhất là để đào tạo cho giảng sư mới, và thứ nhì là để có chỗ cho mọi người đến cùng tu tập với nhau.

Như vậy, mọi người trên khắp thế giới đều có thể nghe thuyết pháp, nhưng chúng ta cũng cần phải thực hành, cần phải dùng pháp môn Niệm Phật. Đức Phật dạy rằng, trong thời đại của chúng ta, cách tốt nhất để đạt thành tựu trong tu tập là pháp Niệm Phật. Chúng ta niệm "Nam Mô A Di Đà Phật". "Nam Mô" nghĩa là quy y, trở về với; "A Di Đà Phật" nghĩa là sự vô lượng và sự giác ngộ. Vậy "Nam Mô A Di Đà Phật" có nghĩa là trở về nương tựa sự giác ngộ vô lượng.

Niệm Phật có những lợi ích gì? Pháp môn này dựa trên những nguyên lý nào? Đức Phật dạy rằng: "Tất cả đều do tâm tạo". Nói cách khác, hoàn cảnh là phản ảnh của những ý nghĩ của chúng ta. Khi chưa thành Phật, Bồ Tát, chúng ta vẫn còn có những ý nghĩ phân biệt, xao động, sân hận, chấp thủ; vẫn còn tham, sân, si và kiêu ngạo. Sự gia tăng những ý nghĩ này gây ra sự gia tăng những vấn đề của chúng ta ngày nay, và cũng làm cho những vấn đề đó trở nên nghiêm trọng, từ sự bất hòa trong gia đình cho tới sự tranh chấp giữa các quốc gia, rồi dẫn tới sự hỗn loạn của thế giới. Những ý nghĩ xấu này sẽ gây ra tai họa lớn cho loài người nếu chúng ta không làm gì để hóa giải chúng.

Làm sao để giải trừ những ý nghĩ xấu? Bằng cách niệm "Nam Mô A Di Đà Phật". Niệm Phật làm cho tâm trí ta trở về với sự thanh tịnh, bình đẳng, thức tỉnh, và an lạc. Khi tâm trí an tĩnh thì ngoại cảnh cũng phản chiếu trên sự an tĩnh đó. Ý nghĩ của chúng ta tạo ra những làn sóng. Từ thập niên sáu mươi của thế kỷ hai mươi, người Tây phương gọi những làn sóng này là Sự "rung động". Sự rung động của ý nghĩ không chỉ truyền tới những cá nhân khác mà còn có sức mạnh hóa giải những làn sóng ý nghĩ rối loạn phát ra từ những cảm xúc tham, sân, si và kiêu ngạo của họ.

Vậy nguyên tắc và nền móng của pháp môn niệm Phật là sự phát ra những làn sóng ý nghĩ tốt. Đức Phật đã biết và dạy điều này hơn hai ngàn năm trước. Mục đích của pháp niệm Phật không chỉ là vắng sinh Tịnh Độ mà còn là gạn lọc những ý nghĩ xấu của người khác. Đức Phật đã biết về nhu cầu hiện tại của chúng ta, và ngài đã dạy chúng ta cách thay đổi số phận của thế giới.

Khi đã hiểu nguyên tắc của pháp niệm Phật, chúng ta sẽ thực hành như thế nào? Chúng ta có thể tập hợp ở trong điện Phật ở đây các quý Thầy sẽ dùng

khánh, mõ hoặc nhạc cụ hướng dẫn mọi người. Việc mọi người tụng niệm với nhau sẽ mang lại lợi ích. Nếu không có thời giờ hay ở xa chùa, chúng ta có thể mở máy niệm Phật và niệm theo ở nhà.

Khi làm việc chúng ta tập trung tâm trí vào công việc mình đang làm. Khi làm việc xong, chúng ta tức khắc lại tụng niệm. Nếu những ý nghĩ xao lãng nổi lên, đừng để cho chúng lôi cuốn theo. Khi ý nghĩ xao lãng đầu tiên xuất hiện hãy tức khắc niệm "A Di Đà Phật" để ngăn cản sự xuất hiện của ý nghĩ xao lãng kế tiếp. Nếu những ý nghĩ này vẫn nổi lên, chúng ta lại niệm "A Di Đà Phật" cho tới khi mọi ý nghĩ đều hướng về Phật A Di Đà.

Không cần phải là tín đồ Phật giáo mới có thể nhận được lợi ích của pháp niệm Phật. Hội Phật Đà ở Dallas, Hoa Kỳ đã có những trẻ em trong vùng tới hỏi về băng ghi âm tụng niệm. Một nhà tâm lý học tới tham dự một kỳ nhập thất bảy ngày nói rằng ông ta mở băng ghi âm tụng niệm suốt ngày trong văn phòng vì các thân chủ của ông ta cảm thấy an tĩnh khi nghe những lời tụng niệm. Ở bệnh viện nơi mẹ tôi tới chữa bệnh, chúng tôi tặng băng ghi âm tụng niệm và chuỗi hạt cho một nữ y tá người Gia Tô giáo thuần thành, vì bà ta nói rằng bà ta thích nghe tiếng tụng niệm khi tới phòng của mẹ tôi. Ba tháng sau, khi mẹ tôi trở lại bệnh viện để được khám bệnh lần kế tiếp, bà y tá nói rằng vợ chồng bà ta nghe cuốn băng niệm Phật mỗi buổi tối, vì nó giúp cho hơi an tĩnh.

Chúng ta không thể biết khi nào người ta có thể nhận được lợi ích của việc niệm Phật. Em gái của tôi chưa bao giờ tụng niệm, nhưng cô ta kể với tôi về một chuyến máy bay mà cô ta đã đi mới đây. Chiếc máy bay đi vào một vùng không khí nhiễu loạn và lay động thật mạnh. Em gái tôi đã quen đi máy bay nhưng vẫn bị vùi dập như tất cả những hành khách khác. Bỗng cô ta nhớ tới và niệm "A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, A Di Đà Phật". Thêm vào với việc tụng niệm còn có những phương tiện trợ giáo khác giúp chúng ta có chánh niệm. Khi bước vào một Niệm Phật Đường chúng ta sẽ trông thấy tượng của một vị Phật và hai vị Bồ Tát. Trong một ngôi chùa Tịnh Độ, ba bức tượng này là Phật A Di Đà, Bồ Tát Quán Thế Âm, và Bồ Tát Đại Thế Chí. Phật A Di Đà tượng trưng cho chân tính của chúng ta. Bồ Tát Quán Thế Âm tượng trưng lòng từ bi. Bồ Tát Đại Thế Chí tượng trưng trí huệ. Từ bi và trí huệ là hai phẩm tính giúp chúng ta tu tập để khám phá chân tính của mình, nhắc nhở chúng ta có lòng từ bi với người khác, có sự duy lý chứ không bị lôi cuốn theo cảm xúc nhất thời, và có sự tỉnh thức.

Trên bàn thờ, chúng ta sẽ thấy có một số vật. Đó là những vật trợ giúp chứ không phải là những vật đối tượng để chúng ta thờ phụng, vì Phật giáo không phải là một tôn giáo, mà là một nền giáo dục. Một chén nước tượng trưng cho giáo lý. Nước trong tượng trưng cho sự thanh tịnh của tâm trí mà chúng ta cần phải đạt được, không để cho mình bị nhiễm ô bởi tham, sân, và si. Nước yên tĩnh không một chút gợn sóng nhắc nhở chúng ta hãy giao tiếp với người và sự vật một cách bình đẳng và với tâm bình đẳng vô phân biệt. Nước trong treo và phẳng lặng phản chiếu rõ ràng mọi vật cũng như tâm trí thanh tịnh và an tĩnh, chúng ta sẽ trông thấy rõ sự vật ở xung quanh mình.

Những bông hoa và trái cây trên bàn thờ tượng trưng cho nhân quả, và nhắc nhở chúng ta rằng mỗi hành vi thân, khẩu, ý của mình đều sẽ sinh ra hậu quả.

Đèn hay nến trên bàn thờ tượng trưng sự sáng suốt của trí huệ, xua tan bóng tối vô minh. Nhang thơm tượng trưng sự trì giới, thiền định, và sự hiến thân vì lợi ích của người khác. Việc tụng niệm giúp chúng ta tránh được những phiền não và hóa giải những rung động xấu của những tạp niệm.

Thông thường thì trước mỗi buổi hành trì, chúng ta phát nguyện thành tựu những mục tiêu của mình. Tất cả các vị Phật và các vị Bồ Tát khi bắt đầu việc tu tập đều phát đại nguyện. Dù ước nguyện điều gì thì những lời nguyện đó cũng không thể cao hơn bốn đại nguyện của chư Phật, Bồ Tát như sau đây:

- 1.- Chúng sinh vô biên thệ nguyện độ.
- 2.- Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn
- 3.- Pháp môn vô lượng thệ nguyện học.
- 4.- Phật Đạo vô thượng thệ nguyện thành.

Chúng ta phát nguyện theo thứ tự như trên, vì trước khi đạt giác ngộ vô thượng, chúng ta cần phải quán thông các pháp môn. Trước khi quán thông các pháp môn, chúng ta cần phải đoạn lìa mọi phiền não, và trước khi giải trừ phiền não, chúng ta cần phải thề giúp đỡ chúng sinh. Các vị Bồ Tát đã thực hiện xong bốn lời thề nguyện sâu xa và rộng lớn này rồi, còn chúng ta thì chỉ mới phát nguyện chứ có lẽ chưa thành tựu được một điều nào cả.

Tư tưởng và ý kiến của chúng ta phải phù hợp với bốn đại nguyện này. Lời nguyện thứ nhì phù hợp với lời nguyện thứ nhất của chư Phật, Bồ Tát. Nếu không chấm dứt mọi phiền não thì làm sao chúng ta có thể cứu độ chúng sinh? Chỉ khi nào đã đoạn lìa được tất cả mọi phiền não thì chúng ta mới vượt qua được mười cõi.

Sau khi giải trừ phiền não, chúng ta có thể học những pháp môn khác nhau. Có đức hạnh chưa phải là đủ, chúng ta còn phải có trí thức, sự thông minh, và trí huệ, vì chúng ta sẽ phải giúp đỡ nhiều loài sinh linh khác nhau. Nếu muốn đạt đến chân trí huệ và biện tài vô ngại, chúng ta cần phải thông thạo vô số pháp môn.

Nếu không thể đạt thành Phật quả thì chúng ta không thể giúp đỡ được chúng sinh, mà chỉ có thể giúp được những sinh linh thuộc trình độ thấp hơn trình độ của chúng ta. Chỉ khi nào đạt trạng thái giác ngộ viên mãn của một vị Phật thì chúng ta mới có khả năng giúp đỡ được tất cả chúng sanh.

Như vậy lời nguyện thứ nhất là mục tiêu của chúng ta, còn ba lời nguyện sau là phương tiện giúp chúng ta thành tựu lời nguyện thứ nhất. Nếu phát nguyện mà không thực hiện được điều ước nguyện thì cũng vô ích. Việc phát nguyện và việc thực hành bổ túc cho nhau. Khi phát nguyện thành Phật và cũng tinh tấn tu tập không thoái chuyển thì chúng ta sẽ đạt được niềm vui trong Chánh Đạo.

Trong vô số kiếp trước, chúng ta đã tích lũy những tập khí xấu. Ngày nay, chư Phật, Bồ Tát dạy chúng ta cách đoạn trừ những thói quen xấu đó. Giải trừ những tập khí đã thành hình qua nhiều kiếp là việc làm khó khăn, nhưng chúng ta cần phải làm được việc này. Khi thói quen xấu được dẹp bỏ, việc tu tập của chúng ta sẽ trở nên dễ dàng và trôi chảy hơn, chúng ta có thể thành tựu những đại nguyện của mình, đi tới cõi Tịnh Độ Tây Phương, và từ đó có thể giúp đỡ chúng sinh.

Mới đây, có những người hỏi Hòa Thượng Tịnh Không làm sao họ có thể tin chắc là mình sẽ vãng sinh Tịnh Độ. Hòa Thượng hỏi lại họ rằng họ có tin là mình sẽ vãng sinh Tịnh Độ trong kiếp này hay không. Họ thành thật lắc đầu nói không. Hòa Thượng Tịnh Không cũng không tin chắc như vậy, bởi vì muốn đạt vãng sinh Tịnh Độ phải có hai điều kiện. Thứ nhất là có niềm tin và ý nguyện không lay chuyển. Thứ hai là buông bỏ mọi ái dục. Chúng ta sẽ không thể đến được cõi tịnh Tây Phương nếu không hội đủ hai điều này.

Hiện tại, chúng ta còn bám giữ vào một cái gì đó. Chúng ta cần phải tìm cho ra điều chấp thủ của mình. Nếu không biết là mình còn chấp thủ cái gì thì dù chúng ta có được tái sinh trong cõi trời cao nhất và được sống ở đó trong tám mươi ngàn đại kiếp, chúng ta cũng vẫn còn bị kẹt trong vòng luân hồi sinh tử. Chúng ta phải làm sao? Chúng ta phải tìm ra điều mình đang chấp thủ để buông bỏ nó. Buông bỏ tất cả mọi chấp thủ! Buông bỏ mọi ý tưởng về được và mất, lợi và hại. Buông bỏ mọi vọng niệm phân biệt. Buông bỏ sự suy nghĩ về lỗi cư xử của người khác đối với mình. Buông bỏ sự suy nghĩ về những người mắc nợ mình, về những người mà mình mắc nợ hay chịu ơn.

Chúng ta buông bỏ hay xả ly với tâm trí thanh tịnh, và chỉ khi đó chúng ta mới có thể chắc chắn vắng sinh Tịnh Độ. Nếu không như vậy thì chúng ta không thực hiện được những đại nguyện của mình. Chúng ta không thực sự thành tâm tin tưởng. Dù niệm bao nhiêu biến "A Di Đà Phật". chúng ta cũng vẫn không thể vắng sinh Tịnh Độ, vì chúng ta vẫn còn đang bám giữ vào năm điều tham muốn, đó là tài năng, sắc đẹp, danh vọng, ăn uống và ngủ nghỉ. Chúng ta vẫn còn phân biệt những gì mình cho là phải hay trái, đúng hay sai. Những sự tham muốn này sẽ đưa chúng ta rơi vào ba cõi khổ, địa ngục, ngạ quỷ, và súc sinh. Nếu vẫn còn chấp thủ như vậy thì dù Phật A Di Đà cùng với các vị Bồ Tát đến đưa chúng ta về cõi Tây Phương Cực Lạc chúng ta cũng không thể đi được.

Có nhiều thí dụ về những người đã lìa bỏ được sự tham dục của mình. Một thí dụ nổi tiếng trong số này là truyện đại sư Ying Ke. Ngài là một tăng sĩ đã phạm nhiều giới luật, nhưng ngài biết là mình đã tạo những nghiệp xấu, và cũng biết rằng sau khi chết mình sẽ đọa xuống địa ngục. Ngài hỏi các bạn đồng tu là bây giờ mình phải làm sao. Họ đưa cho ngài coi một cuốn sách nói về những người đã được vắng sinh Tịnh Độ Tây Phương. Cuốn sách làm cho ngài cam động và sám hối, vì vậy ngài ở yên trong phòng của mình để tụng niệm ba ngày ba đêm liền không ăn uống hay ngủ nghỉ gì cả. Với sự thành tâm buông bỏ tất cả, ngài được Phật A Di Đà cảm ứng, nói với ngài rằng ngài sẽ còn sống mười năm nữa, và trong khoảng thời gian này ngài hãy tinh tấn tu tập, rồi Đức Phật sẽ trở lại đưa ngài về cõi cực lạc. Nhưng đại sư nói với Phật A Di Đà: " Con là người yếu đuối và có nhiều tập khí xấu, không thể chống lại được những cám dỗ. Vì vậy con không thể đợi mười năm nữa. Con muốn được đi với Phật ngay bây giờ". Ba ngày sau, Phật A Di Đà trở lại đưa đại sư Ying Ke tới cõi Tịnh Độ.

Kinh A Di Đà viết rằng nếu chúng ta thành tâm và tinh tấn tụng niệm từ một tới bảy ngày thì chắc chắn chúng ta sẽ đạt thành tựu. Pháp môn Tịnh Độ dễ

thực hành như vậy, nhưng có một vấn đề ở đây là chúng ta có thực sự muốn về cõi tịnh hay không. Nếu ôu lồi vào điện Phật cho rằng treo một tấm bảng đề "Tụng Niệm Trong Ba Ngày Sẽ Đi Tịnh Độ Tây Phương" thì sẽ không có ai vào điện Phật nữa, vì họ sợ rằng mình sẽ chết sau ba ngày tụng niệm. Rất ít có ai trong chúng ta sẵn sàng rời bỏ thế gian này, và đây là nguyên nhân chính yếu làm cho chúng ta không thể vãng sinh Tịnh Độ được.

Trong Khế Kinh, Đức Phật nói rằng chúng ta Niệm Phật để đạt được "Nhất Tâm Bất Loạn" (One mind undisturbed), gồm ba cấp. Cấp thấp nhất là Nhất Tâm Quán Niệm Phật A Di Đà, và ở cấp này chúng ta đã có thể vãng sinh Tịnh Độ. Lúc vãng sinh chúng ta có thể ở vào một trong ba cấp này. Nếu đạt được cấp cao nhất, chúng ta sẽ có khả năng tự quyết định lúc nào mình sẽ vãng sinh Tịnh Độ. Vào lúc đó chúng ta sẽ ra đi trong khi thể xác không có bệnh tật nào cả, và có thể đang ở trong tư thế đứng hay ngồi. Nếu đạt cấp trung bình, chúng ta sẽ biết trước mấy tháng lúc mình qua đời, đi tới cõi tịnh và cũng có thể rời bỏ thế gian trong tư thế đứng hay ngồi. Ở cấp thấp nhất, chúng ta biết trước mấy ngày cái chết của mình, nhưng lúc đó chúng ta có thể bị bệnh.

Có người hỏi Hòa Thượng Tịnh Không rằng ông Lee, thầy của ngài đã đạt được cấp nào. Ngài trả lời rằng ngài biết ông Lee đã đạt được cấp cao nhất "Nhất Tâm Quán Niệm Phật A Di Đà", vì ông có khả năng quyết định mình sẽ vãng sinh lúc nào. Ai cũng có thể đạt được những cấp thành tựu này, nhưng vấn đề là chúng ta có sẵn lòng tu tập hay không. Nếu thành tâm tu tập thì chúng ta sẽ đạt được cấp này.

Đã có nhiều người vãng sinh Tịnh Độ Tây Phương sau vài năm tu theo pháp môn Niệm Phật. Có phải khi đạt trình độ cao thì thọ mạng đã tới lúc chấm dứt? Không phải như vậy. Khi đó hành giả đạt trạng thái thanh tịnh, có thể vãng sinh Tịnh Độ, và có thể tự quyết định vãng sinh ngay hay ở lại thế gian. Đa số những người có thể vãng sinh sớm không muốn ở lại thế gian lâu hơn để tiếp tục chịu đau khổ. Những người quyết định ở lại là vì hạnh nguyện của họ phải hướng dẫn người khác về pháp môn này. Nhưng nếu một hành giả không có một người nào có liên hệ nhân duyên với mình để mình hướng dẫn thì hành giả đó không có lý do gì để ở lại thế gian.

Đây là trường hợp của ông Lee. Ông đã chọn vãng sinh sớm, vì dù những buổi diễn thuyết của ông có nhiều thính giả nhưng ít có ai theo học ông, và những người này đều đã thành tựu, vì vậy ông không cần phải ở lại thế gian lâu hơn. Nếu có một người cần sự hướng dẫn của ông thì ông đã không vãng

sinh sớm. Lời nguyện thứ nhất của chư Phật, Bồ Tát là cứu độ chúng sinh, vì vậy các ngài sẽ không bao giờ bỏ rơi một người nào cả, dù người đó trong quá khứ đã làm hại, phỉ báng, hay giết các ngài.

Ngày xưa, các đạo tràng có tám giờ học giáo lý và tám giờ tu niệm. Đạo tràng của chúng ta ở Singapore đây có hai giờ thuyết pháp và mười hai giờ Niệm Phật mỗi ngày. Nhưng chúng ta chưa đạt tiến bộ trong tu tập và đó là vì chúng ta chưa hoàn toàn buông bỏ tất cả mọi phiền não. Chỉ khi nào nhìn thấu chân lý thì chúng ta mới xả ly tất cả.

Hiện tại chúng ta vẫn còn những chướng ngại do không có tuệ giác. Chúng ta chưa xả ly, mà vẫn còn chấp thủ một cái gì đó, vì sự chấp thủ này mà chúng ta vẫn còn kẹt trong luân hồi sinh tử. Chúng ta cần phải biết rằng nếu không thoát khỏi luân hồi thì phần lớn thời gian sống của chúng ta là ở trong ba cõi thấp địa ngục, quỷ đói và súc sinh. Do si mê chúng ta sẽ tái sinh trong loài thú. Do tham dục chúng ta sinh vào cõi ngã quỷ, và sân hận sẽ làm cho chúng ta rơi xuống địa ngục.

Nếu tạo đủ thiện nghiệp, chúng ta có thể tái sinh lên tới cõi trời cao nhất là Phi Tướng, Phi Phi Tướng Xứ. Các sinh linh ở cõi này có thọ mạng là tám mươi ngàn đại kiếp. Nhưng họ sẽ vẫn có thể rơi vào địa ngục trong vô số đại kiếp nếu họ không tiếp tục tu tập. So với tám mươi ngàn đại kiếp thì thời gian sống ở trong địa ngục dài không thể tưởng tượng được. Vì vậy mà đại sư Ying ke muốn rời bỏ thế gian này càng sớm càng tốt. So với thời gian sống trong những cõi khác thì đời người giống như một tia chớp, một giọt sương.

Luân hồi sinh tử là vấn đề quan trọng ở trước mặt mà chúng ta không biết tới. Chư Phật, Bồ Tát đã hết sức dạy bảo mà chúng ta đã không nghe, không tin, không chấp nhận. Tới khi nào chúng ta mới thức sự tin nhận lời dạy của các ngài? Có lẽ sau nhiều năm, khi chúng ta bắt ngờ thức tỉnh.

Những người nào có thể giác ngộ chỉ sau khi nghe thuyết pháp một lần thì đó là những người ngoại hạng. Họ phải là một vị Phật hay một vị Bồ Tát tái sinh. Đa số chúng ta cần phải nghe thuyết pháp và thực hành tu tập mỗi ngày. Khi nghe giáo lý, suy ngẫm về giáo lý, và thực hành đúng theo giáo lý, chúng ta sẽ có thể đạt thành tựu. Nhưng hiện tại chúng ta không thể tìm được một vị thầy có khả năng dạy giáo lý cho mình tám tiếng đồng hồ mỗi ngày. Tuy nhiên chúng ta có thể nghe thuyết pháp trong một cuốn băng video hay băng ghi âm vài lần một ngày. Đừng nghe nhiều cuốn khác nhau,

vì khi nghe xong cuốn cuối cùng thì chúng ta đã quên những gì đã nói trong cuốn thứ nhất; tập trung vào một cuốn băng mà thôi. Nếu nghe thuyết pháp liên tục như vậy thì chỉ sau ba năm chúng ta có thể đạt được một định lực nào đó, một mức giác ngộ nào đó.

Sau khi nghe thuyết pháp và thực sự hiểu giáo lý, chúng ta sẽ có thể ứng dụng giáo lý vào trong đời sống hằng ngày. Nếu tìm hiểu đúng và tu tập đúng theo lời dạy của Đức Phật, chúng ta sẽ biết cách thoát luân hồi, vượt qua mười cõi sinh tử. Cách an toàn nhất để thoát luân hồi là tìm sự vắng sinh Tịnh Độ Tây Phương.

Có một hôm, sau khi dùng điếm tâm, vị tổ thứ tư của Tịnh Độ Tông là Fa Zhao nhìn vào bình bát của mình và thấy một hình ảnh. Ngài hỏi các vị tăng khác về hình ảnh này. Các vị này nói rằng đó là điện thờ Bồ Tát Văn Thù ở Ngũ Đài Sơn. Fa Zhao liền tìm đến Ngũ Đài Sơn, và khi tới ngôi chùa, ngài cùng với mười ngàn người khác nghe Bồ Tát Văn Thù thuyết pháp. Rồi ngài hỏi Đức Bồ Tát là trong thời Mạt Pháp, pháp môn nào thích hợp với loài người nhất. Bồ Tát Văn Thù trả lời đó là pháp Tịnh Độ, mà cách thực hành pháp môn này là niệm "A Di Đà Phật". Khi đi khỏi chùa, Fa Zhao quay lại nhìn một lần nữa, nhưng ngôi chùa đã biến mất. Lúc đó ngài mới hiểu ra rằng Bồ Tát Văn Thù đã hiện ra để dạy mình pháp môn tốt nhất cho thời mạt pháp.

Khi vắng sinh Tịnh Độ và được gặp Phật A Di Đà, chúng ta có thể nói với ngài rằng mình muốn trở lại thế gian để giúp đỡ chúng sinh. Với sự phù hộ của ngài chúng ta sẽ không bao giờ mê muội nữa và sẽ không chìm đắm trong sáu cõi luân hồi nữa.

Hòa Thượng Tịnh Không đã thuyết pháp trong bốn mươi năm. Mỗi tuần ngài thuyết pháp ít nhất là ba buổi. Hiện giờ ngài đang ở Singapore và đang thuyết pháp mỗi ngày. Từ năm bốn mươi lăm tuổi cho tới khi ngoài năm mươi, ngài đã thuyết pháp ít nhất là ba mươi giờ một tuần. Ai được lợi nhiều nhất? Ngài chính là người được lợi nhiều nhất! Vì ngài không bỏ lỡ một buổi thuyết pháp nào, còn thánh giả thì bỏ lỡ nhiều buổi. Chúng ta rất khó bỏ được những thói quen xấu, nhưng ngài thì có thể sửa đổi được những tập khí xấu của mình, vì ngài nói pháp cho mọi người hầu như mỗi ngày. Ngài đã thuyết pháp liên tục trong bốn mươi năm, vì vậy ngài có thể trừ bỏ được mọi tập khí xấu.

Xin quý hành giả nghe cẩn thận. Luật nhân quả là bất biến. Ngay cả chư Phật, Bồ Tát cũng không thể thay đổi được luật nhân quả. Tính tham, sân, si, và kiêu ngạo của chúng ta có hậu quả là những tai họa, và những tai họa này đang gia tăng về tần số cũng như sự nghiêm trọng, và cũng đang tiến tới mức độ không thể tưởng tượng được.

Mọi sự vật hiện tượng đều do tâm trí của chúng ta tạo ra, vì vậy nếu chúng ta gây ra nguyên nhân của tai họa đang tiến tới gần này thì chúng ta cũng có thể tạo ra một nguyên nhân khác lớn hơn, có khả năng giảm thiểu hoặc còn có thể ngăn cản được tai họa này. Chúng ta phải thay thế những ý nghĩ ích kỷ bằng những ý nghĩ vị tha. Chúng ta phải bỏ tính kiêu ngạo và sự tham muốn lợi danh. Chúng ta phải loại bỏ tham vọng kiểm soát người khác, tâm trí hẹp hòi, và những thành kiến lệch lạc. Chúng ta không phê phán và buộc tội người khác, phải chấm dứt nói những chuyện thị phi. Chúng ta phải từ bỏ sự suy nghĩ về những người mắc nợ mình và về những người mà mình mắc nợ. Chúng ta phải xả ly hết tất cả.

Chỉ bằng cách buông bỏ thì tâm trí của chúng ta mới có thể trở lại trạng thái thanh tịnh và an tĩnh. Chỉ bằng cách này tâm ta mới trở nên yên ắng, hiền hòa và tịnh lạc, và ta đạt được trí huệ để sống hòa hợp với mọi người cũng như mọi vật. Chỉ với tâm hiền hòa và an lạc thì chúng ta mới có thể giải quyết được những vấn đề lớn. Với lòng từ bi chúng ta có thể mang lại lợi ích vô lượng cho người khác. Đây là cách tốt nhất và là cách duy nhất để mang lại hòa bình thực sự cho thế giới. Chúng ta sẽ không sống cho riêng mình mà sống để làm lợi ích cho hết thảy chúng sanh.

---o0o---
HẾT